



FIGURES & EVENTS REVIEW
OF THE GSO (MPI)

TẠP CHÍ **Con số SỰ KIỆN**

ISSN 2734-9136

TẠP CHÍ CỦA TỔNG CỤC THỐNG KÊ | BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ | NĂM THỨ 62 - Số 640 / Kỳ II - 02/2023



**LẠM PHÁT CƠ BẢN
THÁNG 01/2023 CỦA VIỆT NAM
TĂNG CAO NHẤT TRONG 10 NĂM**



**THỊ TRƯỜNG BẤT ĐỘNG SẢN
KỶ VỌNG ĐẢO CHIỀU TRONG NĂM 2023**



**NGÀNH DU LỊCH THÁI LAN
PHỤC HỒI MẠNH MẼ**



**BẮC KẠN
HỘI NHẬP VÀ PHÁT TRIỂN**

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN BA BỂ THỰC HIỆN TỐT CHĂM SÓC SỨC KHỎE NHÂN DÂN

Xác định chăm sóc sức khỏe cho nhân dân là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu, những năm qua, cán bộ, viên chức và người lao động của Trung tâm Y tế huyện Ba Bể luôn nỗ lực cố gắng vượt qua khó khăn để làm tốt công tác khám chữa bệnh(KCB), công tác y tế dự phòng để bảo vệ sức khỏe người dân trên địa bàn.

Thực hiện lời dạy của Bác Hồ “Lương Y như từ mẫu”, cán bộ, y, bác sỹ của Trung tâm Y tế huyện Ba Bể (tỉnh Bắc Kạn) luôn thực hiện tốt quy chế chuyên môn, thường xuyên tham gia các khóa tập huấn để nâng cao trình độ chuyên môn, tu dưỡng, rèn luyện đạo đức để không ngừng nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh phục vụ nhân dân.

Ông Âu Văn Thảo, Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Ba Bể cho biết: Để nâng cao chất lượng các dịch vụ y tế, Trung tâm Y tế huyện Ba Bể đã tập trung triển khai đồng bộ các giải pháp như: Đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ y tế, đặc biệt là luôn luôn chủ động cập nhật và tiếp nhận chuyển giao những kỹ thuật mới trong điều trị để nâng cao chất lượng KCB; đầu tư bổ sung cơ sở vật chất cho các khoa, phòng; tập trung xây dựng cơ sở y tế xanh, sạch, đẹp, đồng thời không ngừng đổi mới phong cách thái độ phục vụ người bệnh... Bên cạnh đó, Trung tâm thường xuyên chỉ đạo trạm y tế các xã, thị trấn thực hiện tốt việc khám chữa bệnh ban đầu cho nhân dân và thực hiện tốt việc khám chữa bệnh bảo hiểm y tế tại tuyến cơ sở.

Trung tâm Y tế huyện Ba Bể đã được đầu tư hệ thống trang thiết bị y tế tương đối đầy đủ để phục vụ cho hoạt động KCB, như: Hệ thống nội soi tiêu hóa; nội soi tai mũi họng; máy siêu âm, máy X-quang; máy sinh hóa tự động, máy thở; máy gây mê kèm thở...

Để từng bước nâng cao chất lượng nhân lực và năng lực KCB, Trung tâm thường xuyên cử cán bộ đi đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ tại các trường đào tạo về y, dược, các bệnh viện uy tín. Hiện nay, Trung tâm đang cử 02 bác sỹ đi đào tạo chuyên khoa cấp I tại Trường Đại học Y Dược Hà Nội; 02 bác sỹ phẫu thuật nội soi; 02 bác sỹ phẫu thuật tuyến giáp. Đây là bước chuẩn bị mang tính lâu dài phục vụ cho định hướng phát triển của Trung tâm trong thời gian tới.

Một điểm nhấn nữa trong hoạt động chăm sóc sức khỏe cho người dân của Trung tâm Y tế huyện Ba Bể những năm qua là việc xây dựng kế hoạch hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, nhân viên y tế tại các trạm y tế, đặc biệt là các xã vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn.

Không chỉ chú trọng nâng cao chất lượng KCB, Trung tâm Y tế huyện Ba Bể luôn thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch bệnh, không để dịch bệnh bùng phát. Trung tâm đã chủ động xây dựng các phương án cụ thể, hướng dẫn các trạm y tế tăng cường theo dõi, giám sát dịch bệnh. Đặc biệt, vào thời điểm dịch Covid-19 vẫn còn diễn biến phức tạp, cùng với sự xuất hiện của các dịch bệnh theo mùa như: sốt xuất huyết, cúm A... Trung tâm đã chủ động phun hóa chất phòng, chống dịch chủ động tại các địa phương và tại các hộ gia đình có người mắc bệnh;

duy trì các đội phòng, chống dịch cơ động để sẵn sàng ứng phó.

Cùng với đó, các chương trình mục tiêu quốc gia y tế như: Phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em và chăm sóc sức khỏe sinh sản, công tác tiêm chủng mở rộng, vệ sinh an toàn thực phẩm, chăm sóc sức khỏe tâm thần cộng đồng... được Trung tâm quan tâm triển khai và mang lại những kết quả tích cực.

Năm 2021, mặc dù bị tác động tiêu cực từ dịch bệnh Covid-19, song công tác KCB của Trung tâm Y tế huyện Ba Bể vẫn được triển khai hiệu quả. Nhiều chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch đề ra; chất lượng KCB từng bước được nâng lên. Trung tâm đã triển khai thêm được một số dịch vụ kỹ thuật mới về lâm sàng và cận lâm sàng, không lạm dụng thuốc, xét nghiệm cận lâm sàng và các dịch vụ kỹ thuật gây tổn kém cho người bệnh. Năm 2022, trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 cơ bản được kiểm soát, Trung tâm tiếp tục khai thác có hiệu quả các trang thiết bị y tế hiện có để triển khai tốt công tác KCB và phòng chống dịch bệnh.

Dự kiến thời gian tới, Trung tâm sẽ được đầu tư thêm một số trang thiết bị y tế mới từ nguồn kinh phí phục hồi sau Covid-19. Đây sẽ là sự bổ sung quan trọng, tạo điều kiện thuận lợi để Trung tâm nâng cao năng lực điều trị và phát triển thêm những kỹ thuật mới, qua đó từng bước nâng cao hiệu quả bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cho người dân./.

Minh Hùng

TỔNG CỤC THỐNG KÊ TIẾP XÃ GIAO

ĐOÀN CHUYÊN GIA CƠ QUAN THỐNG KÊ ĐAN MẠCH

Sáng ngày 6/2/2023, tại Hà Nội, Tổng cục Thống kê (TCTK) đã tiếp xã giao Đoàn chuyên gia Thống kê Đan Mạch. Phó Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Trung Tiến chủ trì Lễ đón tiếp.

Tham dự Lễ tiếp xã giao có bà Eva Lotti Hansen, ông Klaus Rasmussen chuyên gia Thống kê Giáo dục, Cơ quan Thống kê Đan Mạch; đại diện lãnh đạo một số đơn vị nghiệp vụ liên quan của Cơ quan TCTK Việt Nam.

Phát biểu tại Lễ tiếp xã giao, Phó Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Trung Tiến thay mặt lãnh đạo TCTK chào mừng các đại biểu, gửi lời chúc sức khỏe và thành công, chúc chuyển công tác của các chuyên gia Thống kê Đan Mạch đạt kết quả tốt và sự hợp tác giữa TCTK và Thống kê Đan Mạch ngày càng phát triển.

Phó Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Trung Tiến cho biết, năm 2022, hai bên đã triển khai thực hiện thành công các hoạt động thuộc hợp phần về thống kê giáo dục. Thông qua các chuyến làm việc trực tiếp tại TCTK vào tháng 10/2022 và các buổi làm việc trực tuyến giữa các chuyên gia của cơ quan Thống kê Đan Mạch với TCTK, hai bên đã triển khai thực hiện thành công hoạt động B.1 của hợp phần B “Sử dụng số liệu hành chính trong sản xuất thông tin thống kê giáo dục”. Qua đó, các chuyên gia đã chia sẻ kinh nghiệm quý báu của Đan Mạch trong việc sử dụng dữ liệu hành chính trong công tác thống kê giáo dục cũng như giới thiệu các mẫu đăng ký áp dụng cho cơ sở giáo dục và người học.

Từ kinh nghiệm chia sẻ của chuyên gia Đan Mạch và hiện trạng dữ liệu của hai Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (Tổng cục GDNN), TCTK đã dự thảo các mẫu phục vụ



cho việc đăng ký giáo dục để trao đổi với các chuyên gia; đồng thời dự thảo thông tin để nghị Bộ GDĐT chia sẻ.

Qua báo cáo kết quả của hoạt động B1, Phó Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Trung Tiến đánh giá cao tinh thần làm việc của các chuyên gia đến từ Đan Mạch cũng như sự hợp tác chặt chẽ của các thành viên đến từ Bộ GDĐT và Tổng cục giáo dục nghề nghiệp, đặc biệt các đại biểu đã tham gia tại các buổi làm việc trực tiếp với các chuyên gia.

Để tiếp tục phát huy tinh thần đó, Phó Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Trung Tiến bày tỏ mong muốn các chuyên gia Đan Mạch tiếp tục truyền đạt những kinh nghiệm quý báu cho các đồng nghiệp trong TCTK cũng như các Bộ, ngành để giúp TCTK và các Bộ, ngành có thể thực hiện thành công các hoạt động của dự án.

Trong chuyến công tác lần này của các chuyên gia tại TCTK, Phó Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Trung Tiến đề nghị Vụ Thống kê Xã hội và Môi trường phối hợp chặt chẽ với các đơn vị liên quan làm việc với các chuyên gia về các nội dung của hoạt động B.2 theo kế hoạch và tranh thủ, tận dụng cơ hội trao đổi trực tiếp với chuyên gia về kinh nghiệm trong việc chia sẻ dữ liệu hành chính. Đồng thời bày tỏ mong muốn Bộ GDĐT, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp

sẽ phối hợp chặt chẽ với TCTK trong quá trình trao đổi, chia sẻ thông tin và thực hiện các hoạt động của dự án.

Phát biểu tại Lễ tiếp xã giao, bà Eva Lotti Hansen chuyên gia Thống kê Giáo dục, Cơ quan Thống kê Đan Mạch cảm ơn sự đón tiếp và bày tỏ vui mừng được trở lại và rất mong đợi chuyến làm việc lần này với các đồng nghiệp TCTK Việt Nam; mong đợi hai bên sẽ có trao đổi về những công việc hai bên đã làm được trong thời gian vừa qua liên quan đến thống kê về giáo dục. Bà cho biết, một trong những mục tiêu quan trọng của chuyến làm việc này là trao đổi những nội dung tham quan học tập sắp tới của đoàn công tác TCTK Việt Nam tại Thống kê Đan Mạch; tìm hiểu những chia sẻ về tình hình dữ liệu giữa TCTK với các cơ quan có liên quan của Việt Nam; những vấn đề liên quan đến cơ sở pháp lý trong việc chia sẻ thông tin về giáo dục đào tạo hiện nay như thế nào.

Ông Klaus Rasmussen, chuyên gia Thống kê Giáo dục Cơ quan Thống kê Đan Mạch nhấn mạnh thêm mục đích chuyến làm việc là được chia sẻ những lý do các cơ quan cần chia sẻ dữ liệu với nhau và được biết thêm về hoạt động của cơ quan TCTK Việt Nam. Đồng thời cũng bày tỏ rất mong đợi những hoạt động hai bên sẽ diễn ra trong thời gian tới./

M.T

HỘI THẢO VỀ LỢI ÍCH CỦA VIỆC CHIA SẺ DỮ LIỆU HÀNH CHÍNH GIỮA CÁC CƠ QUAN ĐỂ SẢN XUẤT DỮ LIỆU THỐNG KÊ GIÁO DỤC



Sáng ngày 07/02/2023, tại Hà Nội, Tổng cục Thống kê tổ chức Hội thảo về lợi ích của việc chia sẻ dữ liệu hành chính giữa các cơ quan để sản xuất dữ liệu thống kê giáo dục. Phó Tổng cục trưởng Nguyễn Trung Tiến tham dự và chủ trì Hội thảo. Tham dự Hội thảo có thủ trưởng và công chức của các đơn vị liên quan thuộc cơ quan Tổng cục Thống kê (TCTK); đại diện Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật công nghiệp và các chuyên gia thống kê giáo dục đến từ Cơ quan Thống kê Đan Mạch.

Dữ liệu hành chính là dữ liệu do cơ quan nhà nước ghi chép, lưu giữ, cập nhật từ hồ sơ hành chính dạng giấy hoặc dạng điện tử. Sử dụng dữ liệu hành chính cho hoạt động thống kê nhà nước được xác định là một hình thức thu thập thông tin thống kê nhà nước được quy định tại 04 điều (từ Điều 36 đến Điều 39) của Luật Thống kê năm 2015. Ở Việt Nam, mỗi cơ quan nhà nước quản lý từng loại hồ sơ hành chính theo chức năng, nhiệm vụ riêng của từng cơ quan. Do vậy, chia sẻ dữ liệu hành chính

giữa các cơ quan, đơn vị nhằm tăng cường sự hợp tác, phối hợp, kết nối, chia sẻ thông tin; tạo lập sự thống nhất, đồng thuận giữa các cơ quan quản lý nhà nước; tăng cường công khai, minh bạch thông tin, tiết kiệm chi phí.

Phát biểu khai mạc Hội thảo, Phó Tổng cục trưởng Nguyễn Trung Tiến cho biết, Thống kê Việt Nam luôn nhận được sự hợp tác, hỗ trợ hiệu quả từ cơ quan Thống kê Đan Mạch. Tại hội thảo này, các chuyên gia đến từ cơ quan thống kê Đan Mạch sẽ chia sẻ những kinh nghiệm thực tế, quý báu về lợi ích của mỗi cơ quan, đơn vị trong việc biên soạn, chia sẻ dữ liệu hành chính giữa các cơ quan trong sản xuất số liệu thống kê giáo dục. Sau phần trình bày của các chuyên gia, Phó Tổng cục trưởng mong muốn được lắng nghe ý kiến đóng góp, chia sẻ kinh nghiệm của các đại biểu về việc hợp tác biên soạn các chỉ tiêu thống kê và chia sẻ dữ liệu hành chính. Những kinh nghiệm, những kiến thức được chia sẻ hôm nay sẽ góp phần cho công tác thống kê ngày càng hoàn thiện và phát triển theo xu hướng chung của thế giới đó là tăng cường sử dụng dữ liệu hành chính.

Đồng thời, Phó Tổng cục trưởng bày tỏ cảm ơn sự hỗ trợ của Chính phủ Đan Mạch thông qua Đại sứ quán Đan Mạch tại Hà Nội và Cơ quan Thống kê Đan Mạch, cũng như sự phối hợp chặt chẽ, có hiệu quả của các Trường, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp (Bộ LĐTBXH) trong việc nghiên cứu, biên soạn, chia sẻ dữ liệu hành chính để sản xuất dữ liệu thống kê giáo dục trong thời gian qua.

Sau tuyên bố khai mạc Hội thảo của Phó Tổng cục trưởng Nguyễn Trung Tiến, bà Eva Lotti Hansen - chuyên gia thống kê đến từ cơ quan thống kê Đan Mạch đã giới thiệu với các đại biểu tham dự Hội thảo về 3 nội dung chính, đó là: (1) Toàn cảnh dữ liệu giáo dục của Đan Mạch trong đó có các nội dung về: Hệ thống giáo dục Đan Mạch, các cơ quan có trách nhiệm với dữ liệu giáo dục, các bên liên quan khác, các cổng đăng ký dữ liệu giáo dục chính; (2) Các nguồn dữ liệu và cơ chế chia sẻ dữ liệu của Đan Mạch với các nội dung về: Dữ liệu hành chính, các nguồn dữ liệu trong thống kê giáo dục, khảo sát và ví dụ của chia sẻ dữ liệu; (3) Sản phẩm đầu ra của thống kê giáo dục Đan Mạch có: Ngân hàng số liệu thống kê, xuất bản ấn phẩm, chỉ số do EU yêu cầu, dữ liệu ví mô.

Sau giờ giải lao, Hội thảo tiếp tục với phần trình bày của ông Klaus Rasmussen về Ưu đãi và lợi ích hợp tác giữa chủ sở hữu dữ liệu hành chính và Cơ quan thống kê quốc gia; Các vấn đề khi thiết lập quy trình sản xuất số liệu thống kê dựa trên sổ đăng ký hành chính;

Sự hợp tác giữa cơ quan quản lý nhà nước và cơ quan thống kê; Những quy định pháp lý trong chia sẻ dữ liệu theo Luật Thống kê Đan Mạch...

Sau phần trình bày của các chuyên gia, Phó Tổng cục trưởng Nguyễn Trung Tiến nhấn mạnh năm 2023 là năm dữ liệu, việc chia sẻ dữ liệu hành chính phục vụ công tác điều hành là nhiệm vụ trọng tâm của năm. Qua phần trình bày, 2 chuyên gia đã chỉ ra lợi ích của việc chia sẻ dữ liệu và phương thức hợp tác của cơ quan thống kê Đan Mạch với cơ quan sở hữu dữ liệu, từ đó, Phó Tổng cục trưởng đề nghị các đại biểu, chia sẻ, đóng góp ý kiến từ đó phối hợp với các cơ quan thực hiện thành công dự án. Hội thảo tiến hành phần thảo luận toàn thể với những ý kiến về chia sẻ kinh nghiệm về tổng điều tra dân số; hệ thống đăng ký, nắm bắt thông tin, biên soạn số liệu thống kê chung về giáo dục đào tạo; quy chế chia sẻ thông tin thống kê; sự chênh lệch thông tin giữa các nguồn dữ liệu... Phần thảo luận diễn ra sôi nổi và nghiêm túc đã góp phần cho thành công của buổi Hội thảo.

Kết thúc Hội thảo, Phó Tổng cục trưởng Nguyễn Trung Tiến nhấn mạnh, Việt Nam đã có nhiều năm nghiên cứu và sử dụng dữ liệu hành chính thống kê và có sự phối hợp với các đơn vị như Tổng cục Thuế, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Đại học kinh tế quốc dân... Việc chia sẻ dữ liệu đã đem lại lợi ích về tiết kiệm thời gian và chi phí, quản lý được chất lượng số liệu... Qua Hội thảo, Phó Tổng cục trưởng mong muốn sự hợp tác chặt chẽ giữa các bên liên quan để thực hiện thành công hợp phần hợp tác lần này; đồng thời đề nghị Bộ Giáo dục Đào tạo cung cấp dữ liệu để làm cơ sở trao đổi với chuyên gia nhằm đạt được kết quả tốt nhất; tiến hành khảo sát thực tế./

Thu Hiền

TỔNG CỤC THỐNG KÊ LÀM VIỆC VỚI NGÂN HÀNG THẾ GIỚI VỀ CUNG CẤP VÀ KÝ THỎA THUẬN CẤP PHÉP SỬ DỤNG SỐ LIỆU VI MÔ

Sáng ngày 09/2/2023, tại Hà Nội, Tổng cục Thống kê (TCTK) đã có buổi làm việc với Ngân hàng Thế giới (WB) về cung cấp và ký thỏa thuận cấp phép sử dụng số liệu vi mô Khảo sát mức sống dân cư và Điều tra lao động việc làm Việt Nam năm 2022. Phó Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Trung Tiến tham dự và chỉ đạo tại buổi làm việc.

Tham dự buổi làm việc có lãnh đạo, chuyên viên một số đơn vị thuộc TCTK. Về phía Ngân hàng Thế giới có bà Judy Yang, Chuyên gia kinh tế cao cấp của WB; bà Nguyễn Thị Thu Phương, Viện Kinh tế Việt Nam.

Tại buổi làm việc TCTK và WB đã có những trao đổi trực tiếp, cụ thể về các nội dung liên quan về việc cung cấp và ký Thỏa thuận Cấp phép sử dụng số liệu vi mô của Khảo sát mức sống dân cư (VHLSS) và Điều tra lao động việc làm Việt Nam (LFS) năm 2022 giữa Ngân hàng Thế giới (WB) và Tổng cục Thống kê (TCTK).

Theo đó, về phía ý kiến đề xuất của TCTK: Thỏa thuận Cấp phép Dữ liệu này được lập giữa TCTK và Ngân hàng Thế giới (WB), trong đó TCTK là Cơ quan cấp phép sử dụng dữ liệu và WB là đơn vị nhận và sử dụng dữ liệu.

Loại cơ sở dữ liệu cung cấp là cơ sở dữ liệu vi mô. Các bộ dữ liệu bao gồm: Khảo sát mức sống hộ gia đình Việt Nam năm 2022 (VHLSS) và Điều tra lao động việc làm Việt Nam năm 2022 (LFS). Trong đó, VHLSS và LFS là các cuộc điều tra mẫu đại diện đến cấp tỉnh, được triển khai thu thập thông tin trên phạm vi toàn quốc để tổng hợp các chỉ tiêu thống kê chủ yếu về mức sống hộ dân cư và lao động, việc làm, thất nghiệp, thu nhập người lao động của dân số trong độ tuổi lao động.

Các trường dữ liệu (các biến) chia sẻ dựa theo nhu cầu thông tin thực tế sử dụng của Bên được chia sẻ dữ liệu và đảm bảo phù hợp theo quy định của Luật pháp hiện hành. Tài liệu liên quan bao gồm: Bảng hỏi, Phương án khảo sát, Sổ tay hướng dẫn nghiệp vụ. Thực hiện chia sẻ dữ liệu dưới dạng file STATA, SPSS. Với yêu cầu Bên sử dụng dữ liệu không thực hiện chia sẻ cho bên thứ ba, chỉ sử dụng phục vụ nội bộ của WB.

Tại buổi làm việc, WB cũng đã có những trao đổi cụ thể về Thỏa thuận Cấp phép dữ liệu với những giải thích làm rõ và chia sẻ về nội dung liên quan.

Kết thúc buổi làm việc, TCTK và WB đã có những thống nhất và thỏa thuận cụ thể hơn đối với Thỏa thuận Cấp phép dữ liệu. Tuy nhiên, để đạt được hiệu quả tốt nhất, Phó Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Trung Tiến đề nghị WB cử người làm đầu mối trực tiếp làm việc với TCTK nhằm tiếp tục nghiên cứu làm rõ thêm các điều khoản trong Thỏa thuận để tiến tới ký kết Thỏa thuận trong thời gian tới./

Thu Hòa



LẠM PHÁT CƠ BẢN THÁNG 01/2023 CỦA VIỆT NAM TĂNG CAO NHẤT TRONG 10 NĂM

Nguyễn Thu Oanh

Vụ trưởng Vụ Thống kê Giá - TCTK

Lạm phát cơ bản là chỉ tiêu tương đối (tính bằng %) phản ánh sự thay đổi mức giá chung mang tính chất dài hạn, sau khi đã loại trừ những thay đổi mang tính chất ngẫu nhiên, tạm thời của chỉ số giá tiêu dùng. Hiện nay, chỉ số lạm phát cơ bản của Việt Nam được tính bằng phương pháp loại bỏ trực tiếp giá 16 nhóm hàng lương thực, thực phẩm tươi sống, năng lượng và giá do Nhà nước quản lý, bao gồm dịch vụ y tế và giáo dục trong tổng số 86 nhóm hàng (cấp 3) của chỉ số giá tiêu dùng.

Nguyên nhân làm cho lạm phát cơ bản tháng 01/2023 tăng cao

Lạm phát cơ bản của Việt Nam tháng 01/2023 tăng 5,21% so với cùng kỳ năm trước (cao hơn mức tăng 4,89% của chỉ số giá tiêu dùng), đây là mức tăng cao nhất trong 10 năm trở lại đây. Nguyên nhân chủ yếu do Tết Nguyên đán Quý Mão rơi vào tháng 01/2023 nên nhu cầu mua sắm của người dân tăng cao, giá hàng hóa và dịch vụ tăng theo quy luật tiêu dùng vào dịp Tết, trong khi năm trước, Tết Nguyên đán Nhâm Dần lại tập trung chủ yếu ở tháng Hai. Đồng thời, cùng thời gian này năm 2022 dịch Covid-19 vẫn diễn biến phức tạp, Việt Nam cũng chưa mở cửa hoàn toàn để đón khách du lịch quốc tế. Ngoài ra, các chính sách như hỗ trợ thuế giá trị gia tăng, gia hạn thời hạn nộp thuế, phí... đã hết hiệu lực từ đầu năm 2023 khiến giá cả hàng hóa tăng trở lại. Chi phí sản xuất của doanh nghiệp tăng cao

Ổn định giá trị đồng tiền, kiểm soát lạm phát là mục tiêu mà bất kỳ Ngân hàng Trung ương nào cũng hướng tới. Tuy nhiên, lạm phát thường dễ bị ảnh hưởng của những biến động tạm thời gây ra bởi các cú sốc, có thể là cú sốc đến từ phía cung như biến động của giá dầu hoặc giá lương thực hay cú sốc đến từ phía cầu như nhu cầu hàng hoá tăng mạnh trong các dịp Lễ, Tết. Các cú sốc này khiến tỷ lệ lạm phát gia tăng tạm thời và giảm trở lại khi cú sốc qua đi. Việc thực hiện chính sách tiền tệ để kiểm soát lạm phát trở về mức mục tiêu thường phải trả giá bằng việc sản lượng của nền kinh tế bị biến động. Do đó, chính sách tiền tệ không nhất thiết phải phản ứng với những thay đổi giá mang tính tạm thời. Để có thể kiểm soát lạm phát một cách hiệu quả và tránh gây những biến động tiêu cực đối với sản lượng của nền kinh tế, điều quan trọng đối với các Ngân hàng Trung ương là phân biệt rõ yếu tố cơ bản, dài hạn và yếu tố tạm thời của lạm phát, từ đó tập trung

vào kiểm soát các yếu tố cơ bản, dài hạn. Xuất phát từ lý luận đó, nhiều quốc gia trên thế giới đã nghiên cứu và tính toán một thước đo lạm phát phản ánh chính xác hơn sự biến động giá cả mang tính chất dài hạn, được gọi là lạm phát cơ bản. Lạm phát cơ bản là chỉ báo quan trọng về xu hướng dài hạn của lạm phát trong tương lai, đồng thời là thông tin đầu vào vô cùng quan trọng cho quá trình hoạch định và thực thi chính sách tiền tệ.

do giá nguyên nhiên vật liệu đầu vào trong nước và nhập khẩu hiện vẫn ở mức cao cũng đang được phản ánh vào giá cả hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng.

Chỉ số giá của một số nhóm hàng hóa chủ yếu có tác động làm tăng lạm phát cơ bản tháng 01/2023 như sau:

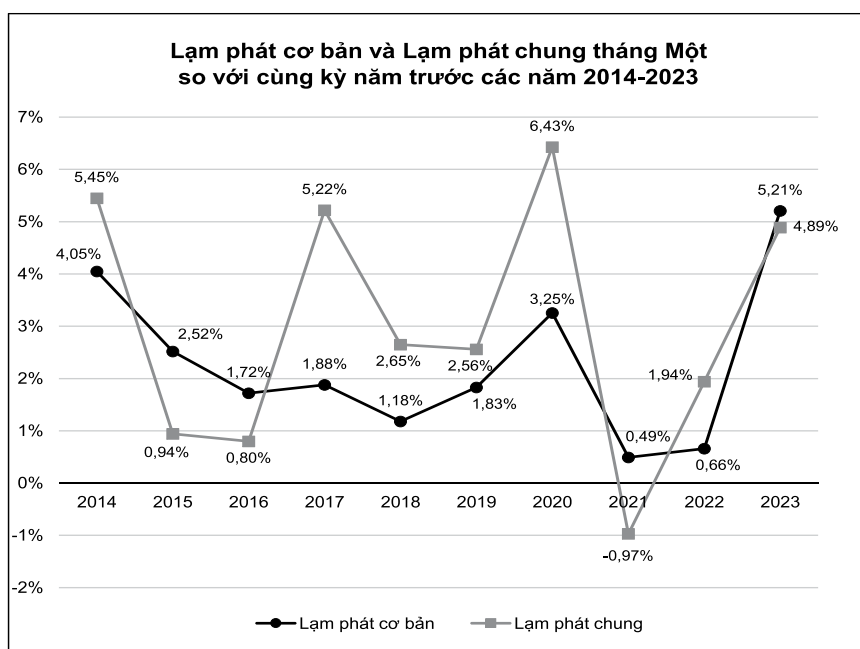
- Giá nhà ở thuê tăng 9,95% so với cùng kỳ năm trước, tác động làm lạm phát cơ bản tăng 1,64 điểm phần trăm do trong các tháng đầu năm 2022 giá nhà ở thuê ở mức thấp vì chịu ảnh hưởng của dịch Covid-19 và từ tháng 9/2022 giá nhà ở thuê liên tục tăng cao cho đến nay.

- Giá ăn uống ngoài gia đình tháng 01/2023 tăng 7%, tác động làm lạm phát cơ bản tăng 0,95 điểm phần trăm. Nguyên nhân do dịch Covid-19 được kiểm soát khiến nhu cầu ăn uống ngoài gia đình tăng lên trong khi giá nguyên liệu đầu vào vẫn ở mức cao.

- Giá du lịch trọn gói tăng 16,96%, tác động làm lạm phát cơ bản tăng 0,28 điểm phần trăm do giá tour tăng mạnh khi nhu cầu du lịch tăng trong dịp Tết.

- Giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng 7,04% tác động làm lạm phát cơ bản tăng 0,23 điểm phần trăm do giá xi măng, sắt, thép, cát tăng theo giá nguyên nhiên vật liệu đầu vào.

- Ngoài ra, giá một số hàng hóa và dịch vụ thiết yếu khác tăng đã tác động làm tăng lạm phát cơ bản, trong đó: Giá sữa, bơ, phô mai tăng 4,16% tác động làm lạm phát cơ bản tăng 0,18 điểm phần trăm; phương tiện đi lại tăng 2,48% tác động tăng 0,17 điểm phần trăm; quần áo may sẵn tăng 2,89% tác động tăng 0,16 điểm phần trăm; xà phòng, chất tẩy rửa tăng 4,02% tác động tăng 0,12 điểm phần trăm; lương thực chế biến



tăng 7,68% tác động tăng 0,12 điểm phần trăm.

- Trong khi đó, giá xăng dầu là yếu tố kiềm chế tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng tháng 01/2023 so với cùng kỳ năm trước có mức giảm 7,08% lại thuộc nhóm hàng được loại trừ trong danh mục tính toán lạm phát cơ bản.

Đề xuất một số giải pháp

Để hạn chế xu hướng tăng cao của lạm phát cơ bản, trong thời gian tới cần tập trung thực hiện một số nội dung như sau:

- Chính phủ, các bộ, ngành và địa phương theo dõi chặt chẽ diễn biến giá cả, lạm phát trên thế giới, kịp thời cảnh báo các nguy cơ ảnh hưởng đến giá cả, lạm phát của Việt Nam để có các biện pháp ứng phó phù hợp nhằm bảo đảm nguồn cung, bình ổn giá trong nước.

- Ngân hàng Nhà nước điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, thận trọng, phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa và các chính sách kinh tế khác nhằm ổn định kinh tế vĩ mô. Linh hoạt trong điều chỉnh tỷ giá để hạn chế tối đa nhập khẩu lạm phát, giữ ổn định thị trường ngoại hối

và thị trường tiền tệ. Bảo đảm cung ứng vốn tín dụng cho nền kinh tế nhưng không chủ quan với rủi ro lạm phát.

- Các bộ, ngành, địa phương phải chuẩn bị đầy đủ nguồn hàng, đáp ứng kịp thời nhu cầu của người dân đối với các hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng thiết yếu. Đồng thời, chủ động các biện pháp kiểm soát, bình ổn giá các mặt hàng, xử lý nghiêm các hành vi đầu cơ, tích trữ, thao túng giá, tránh để xảy ra hiện tượng tăng giá bất hợp lý.

- Doanh nghiệp sản xuất dự báo các nguyên nhiên vật liệu có khả năng thiếu hụt để nhập khẩu kịp thời hoặc chủ động tìm kiếm nguồn hàng thay thế, tránh để xảy ra tình trạng gián đoạn nguồn cung. Hướng tới sử dụng nguồn nguyên liệu trong nước thay cho nguyên liệu nhập khẩu nhằm tăng tính độc lập, tự chủ của nền kinh tế.

- Tăng cường công tác thông tin, truyền thông, đưa thông tin kịp thời, minh bạch, tạo sự đồng thuận trong dư luận đối với công tác điều hành giá của Chính phủ, ổn định tâm lý người tiêu dùng và ổn định kỳ vọng lạm phát./.

TIẾP TỤC ĐỔI MỚI CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO TRONG BỐI CẢNH MỚI

ThS. Nguyễn Thị Thanh Hoa

Khoa Lý luận cơ sở, Trường chính trị Nguyễn Văn Cừ tỉnh Bắc Ninh

Đóng góp của Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo vào thành tựu chung của đất nước trong thời gian qua

Đảng và Nhà nước luôn xác định KH, CN&ĐMST có vai trò hết sức quan trọng trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Cụ thể, tại Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc khóa XIII và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2030 đã khẳng định, phát triển KH, CN&ĐMST là một trong những khâu đột phá chiến lược trong giai đoạn mới và là động lực chính để thúc đẩy tăng trưởng, tạo bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả.

Thời gian qua bám sát chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, hoạt động KH, CN đã thể hiện rõ vai trò là động lực quan trọng trong phát triển kinh tế đất nước với chất lượng tăng trưởng được cải thiện, năng suất lao động nâng lên rõ rệt. Theo Tổng cục Thống kê, trong giai đoạn 2016-2020, đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế đạt bình quân 45,72%, cao hơn nhiều so với mức bình quân 32,84% của giai đoạn 2011-2015. Năm 2021, đóng góp của TFP vào tăng trưởng GDP đạt 36,03%,

Xác định phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (KH, CN&ĐMST) là một trong những đột phá chiến lược đã được Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc khóa XIII và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2030 khẳng định, qua đó nhằm hiện thực hóa mục tiêu đưa Việt Nam trở thành một nước công nghiệp hiện đại vào năm 2030. Để hiện thực hóa các mục tiêu đã đề ra, ngày 11/5/2022, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030. Một trong những giải pháp ưu tiên hàng đầu được đặt ra trong Chiến lược là tiếp tục đổi mới chính sách phát triển KH, CN&ĐMST trong bối cảnh mới.

cao hơn so với mức đóng góp 33,42% của năm 2020. Cùng với đó, chỉ số hiệu quả sử dụng vốn đầu tư (Hệ số ICOR) giảm từ 6,42 năm 2016 xuống 6,08 năm 2019. Bình quân giai đoạn 2016-2019, hệ số ICOR đạt 6,13, thấp hơn so với hệ số 6,25 của giai đoạn 2011-2015. Năm 2020 do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 dẫn đến hệ số ICOR tăng cao 18,07, tuy nhiên đến năm 2021 hiệu quả đầu tư đã được cải thiện, tăng trưởng kinh tế có dấu hiệu phục hồi hệ số ICOR giảm cho thấy những tín hiệu tích cực.

Về năng suất lao động của toàn nền kinh tế theo giá hiện hành năm 2021 ước tính đạt 172,8 triệu đồng/lao động (tương đương

7.461 USD/lao động). Theo giá so sánh, năng suất lao động năm 2021 tăng 4,6% do trình độ của người lao động được cải thiện (tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ năm 2021 đạt 26,1%, cao hơn mức 24,1% của năm 2020).

Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII) năm 2022 do Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO) công bố, Việt Nam xếp vị trí 48/132 quốc gia, nền kinh tế GI năm 2022, giảm 4 bậc so với 2021 (xếp thứ 44) song Việt Nam vẫn giữ vị trí thứ 3 khu vực Đông Nam Á, sau Singapore (thứ 7) và Thái Lan (thứ 43). Báo cáo ghi nhận, Việt Nam thuộc nhóm quốc gia đã đạt được những tiến bộ lớn nhất trong thập kỷ qua khi tăng hơn 20 bậc.



Đặc biệt, Việt Nam dẫn đầu thế giới về nhập khẩu công nghệ cao; đồng thời có sự cải thiện vị trí xếp hạng về đầu ra và là 1 trong 3 nền kinh tế thu nhập trung bình có tốc độ tăng trưởng hiệu suất đổi mới nhanh nhất cho đến nay.

Đóng góp vào thành tựu chung của đất nước những năm qua, cơ chế, chính sách về KH, CN cũng ngày càng được hoàn thiện với nhiều quy định tiến bộ và đổi mới để KH, CN thực sự đồng hành và thúc đẩy sự phát triển của các ngành, lĩnh vực, địa phương và phù hợp với xu thế phát triển trên thế giới. Các quy định pháp luật về KH, CN có phạm vi điều chỉnh tương đối rộng, liên quan đến nhiều ngành nghề, lĩnh vực khác nhau và thể hiện sự nhất quán trong thực hiện chủ trương phát triển KH, CN là quốc sách hàng đầu. Hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn đo lường chất lượng, phát triển doanh nghiệp (DN)... từng bước hoàn thiện và ngày càng đồng bộ hơn đã tạo môi trường thuận lợi và cạnh tranh lành mạnh trong nghiên cứu sáng tạo.

Tư duy quản lý Nhà nước được đổi mới, trong đó ĐMST dần trở thành tư duy mới trong quản lý,

điều hành. Vai trò trung tâm của DN trong hệ thống sáng tạo quốc gia ngày càng được thể hiện rõ hơn. Việc thực hiện trao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các tổ chức KH, CN công lập được đẩy mạnh. Thị trường CN, ĐMST và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo ngày càng phát triển. Hình thành DN KHCN, DN khởi nghiệp sáng tạo. Các DN được khuyến khích thành lập viện nghiên cứu và đầu tư ngày càng nhiều cho các hoạt động KHCN. Thí điểm mô hình thu hút, trọng dụng cán bộ KH tài năng trong nước và trí thức Việt Nam ở nước ngoài.

Trong 5 năm, thông qua triển khai Đề án 844 về “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025” và một số đề án của Chính phủ đã tạo những nền tảng cơ bản cho hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST quốc gia phát triển mạnh mẽ phù hợp với xu hướng quốc tế. Báo cáo của Bộ KH&CN năm 2022 cho thấy, hoạt động KH, CN và ĐMST tiếp tục triển khai hiệu quả Đề án phát triển thị trường KH và CN đến năm 2030. Theo đó, đã có gần 3.000 dữ liệu được cập nhật, bao gồm các thông tin về các quỹ đầu tư, tổ chức hỗ trợ, chuyên gia và DN khởi nghiệp ĐMST trên cả nước; tổ chức các sự kiện Ngày hội khởi nghiệp ĐMST quy mô vùng, quốc gia tham dự sự kiện khởi nghiệp ĐMST quốc tế... Đặc biệt, trong năm 2019, Thủ tướng Chính phủ đã thành lập Trung tâm ĐMST quốc gia Việt Nam với chức năng hỗ trợ và phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST của Việt Nam, góp phần đổi mới mô hình tăng trưởng dựa trên KH, CN.

Bên cạnh đó, cả nước cũng đã có nhiều trường đại học, cao đẳng tổ chức hoạt động khởi nghiệp sáng tạo. Các DN, tập đoàn lớn cũng tham gia vào hoạt động hỗ trợ

khởi nghiệp, với vai trò là nhà đầu tư tài chính cho DN khởi nghiệp, giúp DN khởi nghiệp mở rộng thị trường đồng thời chia sẻ kinh nghiệm, tư vấn chuyên môn trong ngành.

Một trong những điểm nổi bật của Hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo của Việt Nam là từng bước hình thành các mạng lưới liên kết, thúc đẩy dòng chảy của tri thức, của CN trong và ngoài nước. Đây được xem là những tiền đề quan trọng để hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo quốc gia mở rộng kết nối ngày càng hiệu quả hơn với các hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo khác trong khu vực và thế giới.

Cùng với đó, Bộ KH&CN cũng đã xây dựng hành lang pháp lý, đưa ra các chương trình hỗ trợ hoạt động đổi mới KH, CN của DN. Cụ thể, Bộ KH&CN đã kết nối nhiều nguồn cung và cầu CN, giúp nâng cao năng lực cạnh tranh của DN. Trong quá trình đàm phán chuyển giao CN, đã có nhiều hoạt động hỗ trợ DN như: Tư vấn công nghệ, các vấn đề pháp lý, kết nối nguồn lực tài chính cho DN. Nhiều CN sau khi được chuyển giao đã phát huy hiệu quả, phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh của DN, tăng lợi nhuận và khả năng cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa.

Bên cạnh những kết quả đạt được, thể chế KH, CN&ĐMST ở nước ta vẫn còn có hạn chế như: Vẫn còn một số quy định, chính sách trong các ngành, lĩnh vực khác chưa được điều chỉnh tương ứng khi các quy định liên quan đã được sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới. Hiệu quả nghiên cứu KH, CN và ứng dụng kết quả nghiên cứu chưa cao. Năng lực nghiên cứu ứng dụng của các viện nghiên cứu, trường đại học và hoạt động của các sàn giao dịch CN còn khiêm tốn.

Tiếp tục đổi mới chính sách phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong bối cảnh mới

Trong bối cảnh hiện nay, khi Việt Nam ngày càng hội nhập sâu rộng với thế giới, hội nhập xã hội số, kinh tế số, phát triển nền kinh tế tri thức và cuộc Cách mạng công nghệ lần thứ tư thì vai trò của hoạt động KH, CN&ĐMST được quan tâm nhiều hơn. Việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính sách nhằm tạo điều kiện để các sản phẩm KH&CN trở thành hàng hóa, nhanh chóng chuyển giao và ứng dụng các tiến bộ KH kỹ thuật vào sản xuất, kinh doanh được xem là nhiệm vụ trọng tâm trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đất nước.

Để đáp ứng yêu cầu đổi mới mô hình tăng trưởng, phục hồi và phát triển kinh tế của đất nước trong bối cảnh mới, ngày 11/05/2022, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chiến lược phát triển KH, CN&ĐMST đến năm 2030. Chiến lược đã đưa ra một trong những giải pháp ưu tiên hàng đầu là tiếp tục đổi mới chính sách phát triển KH, CN&ĐMST.

Để tiếp tục đổi mới chính sách phát triển KH, CN&ĐMST trong bối cảnh mới, thời gian tới cần tập trung vào các nhiệm vụ, giải pháp như:

Một là, sửa đổi, hoàn thiện hệ thống pháp luật về KH, CN, các luật liên quan để phù hợp với những yêu cầu mới đặt ra trong phát triển KH, CN&ĐMST, thúc đẩy ĐMST gắn với KH, CN; tạo dựng khuôn khổ pháp lý triển khai các cơ chế thí điểm, thử nghiệm và đặc thù đối với các loại hình/mô hình kinh tế mới dựa trên KH, CN&ĐMST. Nghiên cứu đổi mới cơ chế, chính sách pháp luật về đầu tư, đầu tư công, mua sắm công, ngân sách

nhà nước, tài sản công, thuế để khuyến khích, phát triển hoạt động KH, CN&ĐMST. Hoàn thiện pháp luật về sở hữu trí tuệ, bảo hộ và khai thác hiệu quả, hợp lý các tài sản trí tuệ do Việt Nam tạo ra.

Hai là, đổi mới toàn diện hoạt động quản lý, triển khai các nhiệm vụ KH, CN các cấp theo hướng công khai, minh bạch, khách quan, đơn giản hóa thủ tục hành chính; chuyển đổi số quy trình quản lý, cơ sở dữ liệu các nguồn lực KH, CN&ĐMST; đổi mới chế độ quản lý tài chính, thanh quyết toán, chấp nhận nguyên tắc rủi ro và có độ trễ trong hoạt động KH, CN; tạo thuận lợi cho DN tham gia thực hiện nhiệm vụ KH, CN; rà soát, sửa đổi các quy định về quản lý nhiệm vụ KH, CN theo hướng tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong việc chuyển giao tài sản hình thành trong nhiệm vụ KH, CN sử dụng vốn Nhà nước.

Ba là, rà soát, tháo gỡ các rào cản, hạn chế, nhằm tăng số lượng và quy mô của quỹ phát triển KH, CN của DN; tạo thuận lợi tối đa để khuyến khích các DN thành lập quỹ, sử dụng hiệu quả kinh phí của quỹ đầu tư cho hoạt động KH, CN&ĐMST; đảm bảo tỷ lệ trích quỹ đầu tư phát triển KH, CN của DN Nhà nước theo quy định của pháp luật. Hoàn thiện cơ chế đối tác công tư, hành lang pháp lý cho đầu tư thiên thần, các quỹ đầu tư mạo hiểm, các quỹ đầu tư cộng đồng, các nền tảng công nghệ số huy động vốn đầu tư nhằm huy động thêm các nguồn lực đầu tư cho KH, CN&ĐMST.

Bốn là, sửa đổi, hoàn thiện quy định pháp luật về cơ chế tự chủ của các tổ chức KH, CN công lập. Nghiên cứu giao kinh phí cho các tổ chức KH, CN công lập dựa trên đánh giá định kỳ kết quả và hiệu quả hoạt động, gắn với thực hiện

phương thức Nhà nước đặt hàng, đấu thầu thực hiện nhiệm vụ KH, CN và cơ chế khoán kinh phí đến sản phẩm cuối cùng theo kết quả đầu ra; giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức KH, CN công lập trong xây dựng cơ cấu tổ chức, tuyển dụng, sử dụng nhân lực, sử dụng kinh phí, thực hiện nhiệm vụ KH, CN.

Năm là, triển khai các chính sách, giải pháp để đại học thực sự trở thành các trung tâm nghiên cứu KH, phát triển CN, là nguồn cung tri thức cho các hoạt động ĐMST. Phát triển các nhóm nghiên cứu mạnh và một số nhóm nghiên cứu trình độ quốc tế. Nghiên cứu cơ chế cho phép cán bộ nghiên cứu, giảng dạy tham gia thành lập DN khởi nghiệp sáng tạo từ kết quả nghiên cứu KH và phát triển CN.

Sáu là, rà soát, sửa đổi đồng bộ giữa các quy định của pháp luật về thuế, tài chính, tín dụng và quy định pháp luật về KH, CN để triển khai có hiệu quả các cơ chế ưu đãi đối với DN cho đầu tư nghiên cứu KH, đổi mới công nghệ. Rút ngắn thời gian khấu hao máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động nghiên cứu KH và phát triển CN. Xây dựng và thực hiện cơ chế ưu đãi thuế hàng năm cho DN theo doanh thu phát sinh thực tế từ các hoạt động trong danh mục hoạt động KH, CN&ĐMST. Có cơ chế khấu trừ thuế thu nhập cho cá nhân, DN đối với khoản tài trợ cho hoạt động KH, CN&ĐMST của viện nghiên cứu, trường đại học. Tiếp tục rà soát, điều chỉnh, triển khai các cơ chế, chính sách để phát triển mạnh mẽ DN KH&CN, DN công nghệ cao, DN khởi nghiệp sáng tạo. Khuyến khích DN đầu tư nghiên cứu và sử dụng các giải pháp CN cao, CN mới, chuyển đổi số của các DN trong nước thay cho nhập khẩu từ nước ngoài./

Theo các chuyên gia dự báo, năm 2023 sẽ là năm xuất hiện nhiều thương vụ mua bán và sáp nhập (M&A) tăng về chất lượng hơn số lượng và có thể kỳ vọng những cơ hội phong phú, bất chấp những lo ngại từ những khó khăn kéo dài của nền kinh tế toàn cầu...

THỊ TRƯỜNG M&A VIỆT NAM TỪ "CHIẾN LƯỢC" ĐẾN "CƠ HỘI"

ThS. Lê Thị Thu Trang - ThS. Đỗ Thu Hương
Trường Đại học Lao động - Xã hội

M&A năm 2022 chuyển hướng sang đầu tư chiến lược

Sau khi đạt đỉnh vào năm 2021, thị trường mua bán và sáp nhập (M&A) Việt Nam chững lại trong năm 2022, khi có sự sụt giảm về số lượng và giá trị của các thương vụ. Các nhà đầu tư vào hoạt động M&A cũng đã có những chuyển biến, nếu các nhà đầu tư nội ngày càng khẳng định sự hiện diện trên thị trường hoạt động M&A thì các nhà đầu tư nước ngoài lại đang có sự chuyển hướng quan tâm từ lượng sang chất.

Theo Công ty Kiểm toán KPMG, tính riêng 10 tháng năm 2022, tổng giá trị giao dịch M&A đạt mức 5,7 tỷ USD, giảm khoảng 35,3% so với cùng kỳ năm 2021. Số lượng giao dịch giảm xuống mức dưới 350 giao dịch, tương đương mức giảm 50% so với mốc

gần 700 giao dịch của năm 2021. Số lượng giao dịch có giá trị vượt quá 100 triệu USD được ký kết giảm khoảng một nửa còn 13 thương vụ so với 22 thương vụ trong cùng kỳ năm 2021.

Về quy mô giao dịch bình quân cũng có xu hướng giảm, do các nhà đầu tư lo ngại về những xu hướng địa chính trị toàn cầu tác động đến nền kinh tế Việt Nam. Theo đó, 10 tháng năm 2022, quy mô giao dịch bình quân đối với một giao dịch có giá trị được công bố đã giảm xuống còn 16,5 triệu USD so với mốc 31,1 triệu USD vào năm 2021.

Về các nhà đầu tư, hoạt động M&A năm 2022 và những năm trước đã liên tục chứng kiến những thay đổi trong xu hướng chuyển dịch dòng vốn M&A từ các nhà đầu tư nước ngoài sang các nhà đầu tư nội. Theo các chuyên gia,

trong các giai đoạn trước, hoạt động M&A là do các nhà đầu tư nước ngoài thực hiện, trong đó có thể kể tới các nhà đầu tư như: Thái Lan, Singapore, Nhật Bản và Hàn Quốc... thì từ năm 2020, các công ty trong nước đã ngày càng tích cực hơn trong các hoạt động M&A. Cụ thể, năm 2022, thị trường liên tục chứng kiến xu hướng chuyển dịch dòng vốn M&A từ các nhà đầu tư ngoại sang các nhà đầu tư nội. Chỉ tính trong 10 tháng năm 2022, các doanh nghiệp Việt Nam đã quay lại dẫn đầu với giá trị các giao dịch hơn 1,3 tỷ USD, tăng 10% so với cùng kỳ năm 2021. Những cái tên nổi bật trên thị trường M&A qua các thương vụ mang tính dẫn dắt trong năm 2022 của các doanh nghiệp Việt Nam có thể kể đến như: Masan, Thaco...

Ngược lại với các nhà đầu tư nội, trong các hoạt động M&A các nhà đầu tư ngoại có sự thay đổi giảm về số lượng song tăng về chất lượng. Điều này có thể thấy rõ trong nhóm các nhà đầu tư ngoại như: Singapore, Mỹ, Hàn Quốc và Tây Ban Nha trong năm 2022 đã đóng góp đến hơn 40% tổng giá trị thương vụ. Trong các thương vụ M&A, nếu các nhà đầu tư Hàn Quốc quan tâm và sẵn sàng đầu tư vào các lĩnh vực tài chính, y tế, sức khỏe... thì các nhà đầu tư Singapore lại quan tâm vào các lĩnh vực sản xuất, bất động sản, thương mại bán buôn và bán lẻ.

Năm 2022 các lĩnh vực: Bất động sản, năng lượng tái tạo, hàng tiêu dùng vẫn được xem là những lĩnh vực hấp dẫn nhất đối với các giao dịch M&A. Công ty Kiểm toán KPMG cho biết, trong 10 tháng năm 2022, đầu tư vào lĩnh vực bất động sản đạt gần 1 tỷ USD; lĩnh vực tiêu dùng là 1,2 tỷ USD; ngành công nghiệp là 800 triệu USD. Đặc biệt, ngành năng lượng đã nhận được sự quan tâm của các nhà đầu tư trong năm 2022, khi xét về tăng trưởng giá trị đạt gần 600 triệu USD, tăng khoảng 6 lần so với cả năm 2021.

Năm 2022, thị trường M&A đã chứng kiến một số giao dịch đáng chú ý từ các nhà đầu tư trong và ngoài nước như: Capital Place, tòa nhà văn phòng hạng A nằm ở trung tâm Hà Nội (thuộc CapitalLand Investment), được mua từ một trong những công ty hàng đầu trong ngành với giá trị giao dịch lớn nhất trong năm lên đến 523,4 triệu USD. Trong lĩnh vực bất động sản, thương vụ M&A có giá trị giao dịch trên 100 triệu USD phải kể đến Novaland với khoản đầu tư 250 triệu USD từ Warburg Pincus - tập đoàn quốc tế hàng đầu chuyên tìm kiếm

ơ hội đầu tư tăng trưởng nhằm mở rộng quỹ đất và thúc đẩy các dự án trọng điểm. Công ty TNHH Sherpa (thuộc Tập đoàn Masan) đã mua lại 85% vốn của Phúc Long Heritage với giá 280 triệu USD. Ngoài ra, EDP Renovaveis, S.A. (EDPR) - nhà cung cấp năng lượng tái tạo nổi tiếng có trụ sở chính tại Madrid (Tây Ban Nha) đã ký kết với Tập đoàn Xuân Thiện để mua hai dự án điện mặt trời với tổng công suất 200MW tại tỉnh Ninh Thuận. Giá trị giao dịch đạt 284 triệu USD.

Đánh giá về hoạt động thương vụ M&A, các chuyên gia cho rằng, các nhà đầu tư trong năm 2022 thường là nhà đầu tư chiến lược nhiều hơn đầu tư tài chính. Trong năm, các nhà đầu tư cẩn trọng hơn trong việc tìm kiếm những giao dịch và tài sản mang lại nhiều giá trị cộng hưởng về mặt chiến lược cao hơn bên cạnh lợi nhuận.

Dự báo M&A năm 2023 chứa đựng nhiều cơ hội

Thị trường M&A Việt Nam vẫn luôn được đánh giá là một thị trường an toàn, hấp dẫn, giàu tiềm năng để tạo ra những cơ hội mới. Do đó bước vào năm 2023, các nhà đầu tư tiếp tục đặt niềm tin vào các giải pháp phòng chống dịch, điều hành kinh tế vĩ mô, cũng như nỗ lực cải thiện môi trường đầu tư - kinh doanh của Chính phủ Việt Nam để tạo ra những động lực lớn đối với tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2023 và cũng là động lực để thị trường M&A Việt Nam tiếp tục phát triển.

Theo các chuyên gia, năm 2023, thị trường M&A tại Việt Nam được kỳ vọng sẽ có những cơ hội rất khả quan bất chấp những lo ngại từ những khó khăn kéo dài của nền kinh tế toàn cầu. Đồng thời, thị trường M&A Việt Nam

được dự báo sẽ chứng kiến sự trỗi dậy của nhiều lĩnh vực mới và là thời điểm cho các nhà đầu tư sẵn tiền mua lại dự án hấp dẫn với giá phải chăng.

Khảo sát của Công ty Kiểm toán KPMG, lạm phát và lãi suất cao là hai trong những thách thức lớn nhất đối với hoạt động M&A trong năm 2023. Hầu hết những người được hỏi đều cho rằng, số lượng giao dịch M&A trong năm 2023 hoặc sẽ tương tự như năm 2022, hoặc tăng lên. Sự gia tăng của phong trào ESG (môi trường - xã hội - quản trị) sẽ là xu hướng khắc khe đối với các giao dịch M&A của các nhà đầu tư.

Trong năm 2023, các ngành, lĩnh vực thu hút hoạt động M&A được dự báo như: Tài chính, bất động sản, công nghệ, khoa học, hàng tiêu dùng và bán lẻ. Về dự báo tương lai, hoạt động M&A tại Việt Nam sẽ có 3 yếu tố kích thích M&A tăng trưởng, đó là làn sóng chuyển đổi số kết hợp đổi mới sáng tạo; sự gia tăng nhanh chóng của tầng lớp trung lưu trong nước khiến thị trường tiêu dùng trở nên rất tiềm năng và xu thế "go green" - xanh hóa năng lượng đang làm cho thị trường năng lượng của Việt Nam trở nên hấp dẫn.

Thị trường M&A được dự báo sẽ bắt đầu phục hồi khi lạm phát và lãi suất được điều chỉnh giảm hợp lý hơn. Xu hướng hoạt động M&A của nhà đầu tư thay đổi theo hướng dịch chuyển từ "cơ hội" sang "chiến lược", nghĩa là hướng tới giá trị lâu dài hơn là cơ hội trong ngắn hạn. Ngoài ra, trong năm 2023, thị trường M&A tại Việt Nam có thể thay đổi đáng kể nếu các giao dịch lớn liên quan đến cổ phần hóa các doanh nghiệp Nhà nước tiếp tục được thực hiện vào năm 2023 và những năm tiếp theo./

THÚC ĐẨY DOANH NGHIỆP VIỆT THAM GIA THỊ TRƯỜNG PHÂN PHỐI NƯỚC NGOÀI

ThS. Phùng Thị Kim Phượng - ThS. Nguyễn Thị Vân Anh
Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

Bức tranh thương mại lạc quan tạo động lực cho doanh nghiệp Việt

Ngày 03/09/2015, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1513/QĐ-TTg phê duyệt Đề án “Thúc đẩy doanh nghiệp Việt Nam tham gia các mạng phân phối nước ngoài đến năm 2020”. Từ khi Đề án được triển khai, nhận thức của doanh nghiệp Việt Nam về mô hình kinh doanh này đã ngày càng sâu sắc hơn. Doanh nghiệp chủ động nghiên cứu, nắm bắt thị hiếu của thị trường quốc tế một cách kịp thời, phát triển các sản phẩm mới phù hợp với xu hướng tiêu dùng trong các chuỗi cung ứng, đảm bảo chất lượng sản phẩm, chất lượng dịch vụ cung ứng. Đồng thời, năng lực sản xuất, năng lực phát triển sản phẩm, thị trường, kết nối giao thương cho doanh nghiệp với người mua hàng để đưa hàng Việt thâm nhập trực tiếp vào mạng lưới bán lẻ nước ngoài ngày càng tăng cao. Đặc biệt, việc xuất khẩu hàng hóa Việt Nam thông qua hệ thống mạng lưới phân phối của các Tập đoàn bán lẻ nước ngoài đang ngày càng khẳng định là một kênh xuất khẩu hiệu quả, bền vững được nhiều doanh nghiệp theo đuổi. Với sự hỗ trợ của các Tập đoàn phân phối bán lẻ hàng đầu thế giới, các sản phẩm chất lượng cao của Việt Nam, như: Nông sản, thực phẩm,

Những năm trở lại đây, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam ra thị trường thế giới không ngừng tăng cả về lượng và giá trị. Thị trường thương mại thế giới luôn thể hiện sức hấp dẫn với doanh nghiệp khi đem lại thặng dư thương mại cao và còn nhiều dư địa khai thác. Vì vậy, doanh nghiệp Việt cần mạnh dạn thay đổi, tận dụng cơ hội, tự tin đưa sản phẩm của mình vượt qua biên giới, tham gia vào chuỗi giá trị thương mại toàn cầu đầy tiềm năng.

đồ gia dụng, nội thất, dệt may... đã tới tay hàng triệu người tiêu dùng thông qua hệ thống phân phối trải khắp trên toàn thế giới. Bên cạnh đó, sự hiện diện tích cực của các nhà phân phối bán lẻ lớn nhất thế giới đến từ Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc và Thái Lan trong các lĩnh vực kinh tế và xuất khẩu của Việt Nam là minh chứng cho mối quan hệ hợp tác kinh tế, thương mại ngày càng phát triển giữa Việt Nam và các đối tác, cũng như sức hấp dẫn ngày càng tăng của Việt Nam trong vai trò là thị trường bán lẻ, và là nguồn cung quan trọng cho chuỗi cung ứng toàn cầu.

Kể từ năm 2016 đến nay, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam

ngày càng tăng trưởng với những con số ấn tượng, từ 176,5 tỷ USD năm 2016 lên 282,6 tỷ USD năm 2020 và 336,1 tỷ USD năm 2021. Năm 2022 là năm có nhiều khó khăn, thách thức chưa từng có bởi những diễn biến nhanh, phức tạp, khó lường của kinh tế thế giới. Tuy nhiên, kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam lần đầu tiên vượt mốc 700 tỷ USD và cán đích ở mức 732 tỷ USD, tăng 10% so với năm 2021. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa cả năm 2022 đạt 371,85 tỷ USD, tăng 10,6% so với năm trước. Trong tổng kim ngạch xuất khẩu, khu vực kinh tế trong nước đạt 95,09 tỷ USD, tăng 6,5%, chiếm 25,6%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 276,76 tỷ USD, tăng 12,1%, chiếm 74,4%. Việt Nam có 36 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, chiếm 94% tổng kim ngạch xuất khẩu (có 08 mặt hàng xuất khẩu trên 10 tỷ USD, chiếm 70,1%). Về thị trường xuất khẩu, Hoa Kỳ hiện là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam tính đến cuối năm 2022 với kim ngạch ước đạt 109,1 tỷ USD. Riêng tháng 01/2023, Việt Nam tiếp tục ghi nhận xuất siêu đạt 3,6 tỷ USD; có 7 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu từ 1 tỷ USD trở lên, chiếm 66,6% tổng kim ngạch xuất khẩu, đó là: Điện thoại và linh kiện đạt 4 tỷ USD; điện tử, máy tính và linh kiện

đạt 3,7 tỷ USD; máy móc, thiết bị dụng cụ PT khác đạt 2,8 tỷ USD; dệt, may đạt 2,5 tỷ USD; giày, dép đạt 1,6 tỷ USD; gỗ và sản phẩm gỗ đạt 1,1 tỷ USD; phương tiện vận tải và phụ tùng 1 tỷ USD.

Với những nỗ lực của cả Nhà nước và doanh nghiệp, cán cân thương mại hàng hóa của Việt Nam liên tục thặng dư với mức xuất siêu năm sau cao hơn năm trước. Xuất siêu hàng hóa của Việt Nam đã tăng từ 1,6 tỷ USD năm 2016 lên mức kỷ lục 19,94 tỷ USD năm 2020. Do ảnh hưởng có dịch bệnh bùng phát, năm 2021 giá trị xuất siêu giảm còn 3,32 tỷ USD. Tuy nhiên, năm 2022, thành tích xuất siêu vẫn được giữ vững và tăng lại mức 2 con số, đạt 11,2 tỷ USD; trong đó, xuất siêu sang EU ước đạt 31,8 tỷ USD, tăng 36,8% so với năm trước. Cơ cấu hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam tiếp tục được cải thiện theo chiều hướng tích cực, giảm hàm lượng xuất khẩu thô, tăng xuất khẩu sản phẩm chế biến, sản phẩm công nghiệp, tạo điều kiện cho hàng hóa Việt Nam tham gia sâu hơn vào chuỗi sản xuất là cung ứng toàn cầu. Những thành tích kể trên đạt được là nhờ sự nỗ lực rất lớn của doanh nghiệp Việt Nam cùng những chủ trương, chính sách, sự hỗ trợ kịp thời và hiệu quả của Chính phủ và các cơ quan quản lý Nhà nước. Qua đó, hoạt động xuất khẩu được cho là sẽ tiếp tục là điểm sáng và tạo tiền đề quan trọng để các doanh nghiệp Việt Nam mạnh dạn đặt chân vào thị trường bán lẻ nước ngoài trong năm 2023 và sau này.

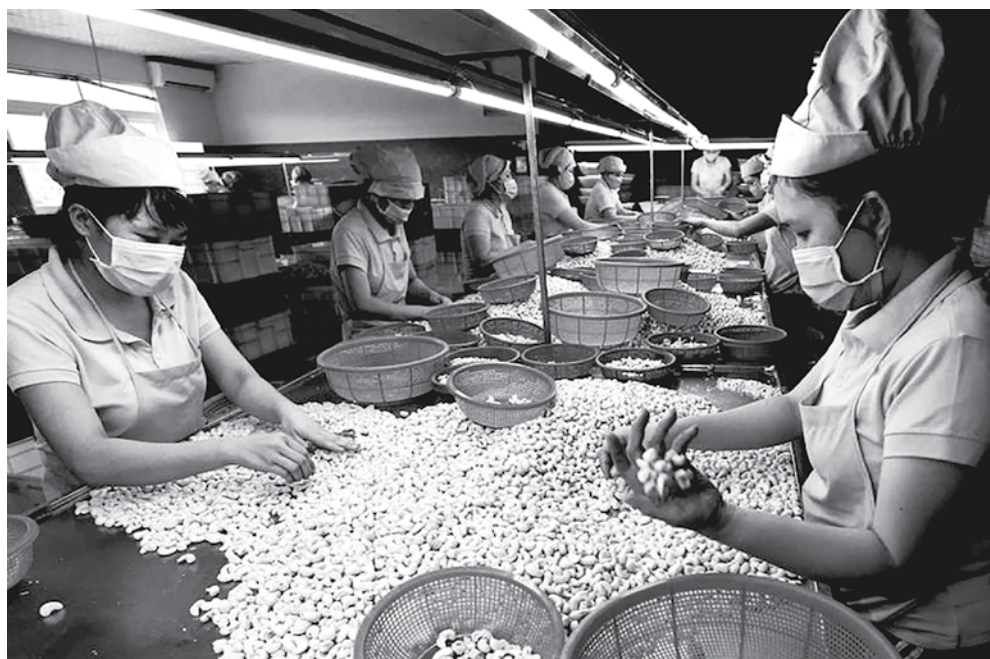
Sự hỗ trợ mạnh mẽ giúp doanh nghiệp vững bước

Để đưa được sản phẩm lên các kệ hàng của hệ thống phân phối, bán lẻ tại các thị trường quốc tế vốn khắt khe và khó tính, doanh nghiệp Việt cần có sự chuẩn bị

kỹ trước những khó khăn, thách thức ban đầu. Các chuyên gia cho rằng, khó khăn lớn nhất hiện nay là Việt Nam còn thiếu đội ngũ doanh nghiệp đủ mạnh để có thể tiếp cận được với cơ hội xuất khẩu. Doanh nghiệp chưa có trang bị đầy đủ các thủ tục và quy định để đưa hàng vào thị trường, còn lúng túng trong khâu giới thiệu và quảng bá sản phẩm. Thêm vào đó, các doanh nghiệp Việt Nam vẫn gặp khó khăn trong việc tiếp cận hệ thống phân phối tại các nước sở tại do chưa đảm bảo được tiêu chuẩn chất lượng và truy xuất nguồn gốc. Vấn đề này đã khá quen thuộc trong nhiều năm nay nhưng vẫn là một tồn tại khó khắc phục với doanh nghiệp. Các doanh nghiệp cũng ngày càng phải đối mặt với thách thức lớn hơn về các vụ kiện phòng vệ thương mại như kiện chống bán phá giá liên quan đến gian lận thương mại về xuất xứ hàng hóa, cũng như các vấn đề về chi phí logistics, lạm phát, biến động giá cả, suy thoái... Vì vậy, để có thể thâm nhập vào thị trường

phân phối nước ngoài, doanh nghiệp cần có sự chuẩn bị trước kỹ lưỡng. Cần điều tra, khảo sát sức mua, thị hiếu và tiêu chuẩn kỹ thuật của thị trường đích, từ đó có kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp. Chú trọng tìm hiểu và nắm vững thông tin, quy định về tiêu chuẩn kỹ thuật, chính sách thương mại, ưu đãi thuế quan và thị hiếu tiêu dùng tại quốc gia đó. Tận dụng sự hỗ trợ của Thương vụ Việt Nam tại nước sở tại làm đầu mối thông tin về doanh nghiệp đối tác và hỗ trợ khi cần thiết; đặc biệt cần nắm rõ quy định điều tra phòng vệ thương mại và tìm hiểu về quy trình thanh toán, vận chuyển quốc tế.

Mặc dù có nhiều khó khăn, thách thức khi doanh nghiệp Việt tham gia vào thị trường phân phối nước ngoài, nhất là với những doanh nghiệp lần đầu tiên dẫn thân, nhưng doanh nghiệp vẫn luôn được khuyến khích và nhận được sự hỗ trợ mạnh mẽ từ Chính phủ để tự tin bước tới. Trong một kế hoạch dài hơi, ngày 14/11/2022, Thủ tướng



Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1415/QĐ-TTg phê duyệt Đề án “Thúc đẩy Doanh nghiệp Việt Nam tham gia trực tiếp các mạng phân phối nước ngoài đến năm 2030” (Đề án). Đề án hướng tới mục tiêu tổng quát phát triển thị trường xuất khẩu, nhập khẩu đảm bảo tăng trưởng bền vững trong dài hạn; Khuyến khích doanh nghiệp Việt Nam tham gia mạnh mẽ vào chuỗi sản xuất, cung ứng, phân phối hàng hóa toàn cầu, xuất khẩu trực tiếp vào các mạng phân phối nước ngoài trên cơ sở phát huy thế mạnh và khai thác tối đa lợi thế cạnh tranh của hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam; Đồng thời, xây dựng mối quan hệ hợp tác chiến lược chặt chẽ giữa doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu của Việt Nam với các mạng phân phối nước ngoài trên các kênh xuất khẩu truyền thống và kênh thương mại điện tử, hướng tới mô hình sản xuất - xuất khẩu - phân phối ổn định, bền vững; Góp phần làm thay đổi tư duy sản xuất, tổ chức sản xuất theo hướng bài bản, bền vững,

từ đó tăng cường khả năng cạnh tranh lâu dài của doanh nghiệp, thu hút nguồn đầu tư trong và ngoài nước vào sản xuất xanh sạch, bền vững, chế biến hàng xuất khẩu có chất lượng cao, mang lại giá trị gia tăng cao cho hàng hóa xuất khẩu Việt Nam, xây dựng hình ảnh Việt Nam là quốc gia có năng lực cung ứng hàng hóa khối lượng lớn, đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng, uy tín.

Mục tiêu cụ thể để hiện thực hóa đó là: Hỗ trợ về thông tin thị trường cho 20 nghìn lượt doanh nghiệp; Hỗ trợ về đào tạo, tư vấn cho 15 nghìn lượt doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh, năng lực cung ứng để từng bước tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu; hỗ trợ 5.000 lượt doanh nghiệp xây dựng năng lực tham gia thương mại điện tử xuyên biên giới; Đồng thời, tổ chức 10 nghìn lượt kết nối, giao thương với các mạng phân phối nước ngoài; hỗ trợ trên 10 nghìn sản phẩm xuất khẩu trực tiếp vào các mạng phân phối nước ngoài; phấn đấu đến năm 2030, hàng hóa Việt Nam

có mặt tại các chuỗi phân phối truyền thống và trực tuyến tại tất cả quốc gia có hiệp định thương mại tự do (FTA) với Việt Nam.

Để đạt được các mục tiêu đã nêu, Đề án đặt ra các nhóm nhiệm vụ giải pháp chính, đó là: Hỗ trợ doanh nghiệp về thông tin thị trường; Hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng năng lực cung ứng cho thị trường nước ngoài; Hỗ trợ doanh nghiệp từng bước thích nghi, chuyển đổi sản xuất đáp ứng xu hướng tiêu dùng bền vững; Hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng năng lực tham gia thương mại điện tử xuyên biên giới; Hỗ trợ xây dựng và phát triển thương hiệu; Tổ chức các hoạt động kết nối, giao thương với các mạng phân phối nước ngoài; Tổ chức các hoạt động truyền thông; Xây dựng cơ chế chính sách thúc đẩy doanh nghiệp nước ngoài xây dựng chiến lược thu mua bền vững với thị trường Việt Nam; Nghiên cứu xây dựng cơ chế chính sách khuyến khích doanh nghiệp Việt Nam chủ động phát triển hệ thống đại lý phân phối tại thị trường nước ngoài để đưa hàng vào các mạng phân phối nước ngoài. Bên cạnh đó, cần thực hiện một số nhiệm vụ khác để tận dụng tốt các FTA đã có hiệu lực giữa Việt Nam và đối tác; đàm phán, thúc đẩy quá trình mở cửa thị trường dành cho những mặt hàng nông thủy sản có thế mạnh của Việt Nam tại thị trường nước ngoài, tạo tiền đề cho việc đưa các sản phẩm của Việt Nam vào hệ thống phân phối nước ngoài. Để Đề án đạt được hiệu quả, cần có sự vào cuộc hỗ trợ của các bộ, ngành liên quan, các hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội ngành hàng và đặc biệt là sự mạnh dạn dám thay đổi, dám dẫn thân để nâng tầm đẳng cấp và thương hiệu của doanh nghiệp Việt./



THỊ TRƯỜNG BẤT ĐỘNG SẢN KỲ VỌNG ĐẢO CHIỀU TRONG NĂM 2023

TS. Đỗ Ngọc Trâm
Học viện Ngân hàng

Nhìn lại thăng trầm của thị trường bất động sản năm 2022

Đầu năm 2022, khi tình hình dịch bệnh Covid-19 được kiểm soát, thị trường bất động sản (BDS) dần hồi phục và phát triển tích cực sau một thời gian dài “ngủ đông”. Theo báo cáo của Viện Kinh tế Xây dựng (Bộ Xây dựng), số lượng doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực BDS thành lập mới và số lượng doanh nghiệp quay trở lại hoạt động trong 6 tháng đầu năm 2022 tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2021, trong đó số lượng doanh nghiệp thành lập mới là gần 5.300 doanh nghiệp, tăng 24,8%; số lượng doanh nghiệp quay trở lại hoạt động là trên 1.400 doanh nghiệp, tăng 69,6%. Ngành kinh doanh BDS thu hút nhiều nhà đầu tư nước ngoài với lượng vốn “đổ” vào lĩnh vực này đạt trên 3,15 tỷ USD, đứng thứ 2/18 ngành được các nhà đầu tư nước ngoài rót vốn.

Trải qua năm 2022 đầy thăng trầm, thị trường bất động sản (BDS) Việt Nam năm 2023 ghi nhận nhiều tín hiệu tích cực để lấy lại đà phát triển, trong đó BDS khu công nghiệp vẫn là điểm nhấn trong bức tranh toàn cảnh.

Hoạt động mua bán - sáp nhập (M&A) trên thị trường BDS tiếp tục được đẩy mạnh và được coi là hướng đi chính của nhiều doanh nghiệp nhằm mục đích cơ cấu giảm các chi phí nhân sự, chi phí quản lý, mở rộng quỹ đất và phát triển các dự án mới. Số liệu của Hội môi giới bất động sản Việt Nam cho thấy, chỉ trong quý I/2022, giá trị các thương vụ M&A

bất động sản đạt gần 1 tỷ USD, cao nhất trong vòng 5 năm qua.

Bên cạnh đó, cả cung và cầu ở hầu hết các phân khúc của thị trường BDS như nhà ở và đất nền, văn phòng cho thuê, mặt bằng thương mại, khách sạn và khu du lịch nghỉ dưỡng, BDS công nghiệp đều có xu hướng tăng lên và lấy lại được thế cân bằng giữa hoạt động đầu tư, kinh doanh với mua bán để sử dụng. Trong đó, nhà ở, đất nền vẫn là loại hình BDS thu hút được nhiều sự quan tâm trong nửa đầu năm 2022, đặc biệt là phân khúc nhà ở thương mại trung cấp, bình dân và nhà ở xã hội. Minh chứng là giao dịch các sản phẩm BDS trên thị trường sơ cấp và thứ cấp tập trung chủ yếu ở loại hình căn hộ chung cư trung cấp, nhà ở riêng lẻ và đất nền. BDS cho thuê như căn hộ chung cư cho thuê, văn phòng cho thuê, mặt bằng thương mại, mặt bằng bán lẻ nhà phố, khách sạn

là loại hình có mức tăng trưởng tốt nhất trong nửa đầu năm 2022.

Đối với BĐS công nghiệp vẫn luôn là điểm sáng của thị trường, một số dự án đầu tư khu công nghiệp mới được chấp thuận đầu tư và triển khai thực hiện trong 6 tháng đầu năm trên địa bàn cả nước đã góp phần bổ sung nguồn cung mới cho thị trường trong tương lai như: Khu công nghiệp Cây Trường quy mô 700ha, VSIP III quy mô 1.000ha tại Bình Dương; khu công nghiệp Nam Tân Tập quy mô 245ha và khu công nghiệp Tân Tập quy mô 654ha, dự án nhà xưởng và nhà kho quy mô 13,4ha tại khu công nghiệp Phú An Thạnh tại Long An... Tỷ lệ lấp đầy ở các khu công nghiệp của cả nước trong nửa đầu năm 2022 có xu hướng tăng và đạt ở mức cao, trong đó tỷ lệ lấp đầy các khu công nghiệp ở phía Bắc đạt khoảng 80%, tỷ lệ lấp đầy các khu công nghiệp tại các tỉnh thành phía Nam là khoảng 85%. Tại một số địa phương, tỷ lệ lấp đầy các khu công nghiệp còn ở mức cao trên 95% như TP. Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bắc Ninh.

Tuy nhiên, từ cuối quý II năm 2022, thị trường BĐS đã "đảo chiều", mở đầu cho trạng thái trầm lắng kéo dài đến hết năm. Các nguồn vốn bao gồm nguồn vốn tín dụng, trái phiếu, cổ phiếu dành cho lĩnh vực BĐS đều giảm so với các quý trước. Hoạt động của các sàn giao dịch có dấu hiệu khó khăn hơn, lượng giao dịch BĐS giảm so với thời gian đầu năm, dẫn đến quy mô của các sàn giao dịch BĐS giảm, kéo theo sự "tụt dốc" về số lượng môi giới BĐS. Nhiều dự án đang triển khai phải nhấn nút "tạm dừng", "sức khỏe" thị trường cũng như cộng đồng doanh nghiệp càng suy giảm. Trong quý III/2022, tổng lượng

giao dịch căn hộ chung cư, nhà ở riêng lẻ chỉ bằng khoảng 73,8% so với quý II/2022, tổng lượng giao dịch đất nền bằng khoảng 54% so với Quý II/2022.

Báo cáo của Viện Xây dựng kinh tế cho thấy, tính chung cả năm 2022 trên cả nước có trên 785,6 nghìn giao dịch bất động sản thành công. Trong đó: lượng giao dịch căn hộ chung cư, nhà ở riêng lẻ thành công là gần 154,8 nghìn giao dịch; lượng giao dịch đất nền thành công là 631 nghìn giao dịch; riêng tại thành phố Hà Nội có 7,7 nghìn giao dịch thành công, tại thành phố Hồ Chí Minh có 10,8 nghìn giao dịch thành công. Lượng giao dịch căn hộ chung cư, nhà ở riêng lẻ thành công trong các quý trong năm 2022 không ổn định, lượng giao dịch căn hộ chung cư, nhà ở riêng lẻ thành công tăng cao nhất vào quý II, sau đó giảm và thấp nhất vào quý IV. Tương tự xu hướng này, lượng giao dịch đất nền tăng mạnh nhất trong quý I, quý II, sau đó giảm mạnh trong quý III. Trong cuối năm 2022, một số doanh nghiệp phải chịu áp lực trả nợ trái phiếu trước hạn cho nhà đầu tư vì nhiều nguyên nhân, trong đó có thay đổi chính sách kiểm soát trái phiếu phát hành của doanh nghiệp.

Số liệu của Hội Môi giới bất động sản (VARs) cũng chỉ ra, tính chung cả năm 2022, không có dự án nhà ở mới nào được phê duyệt, mà chỉ số ít dự án về dịch vụ. Thị trường BĐS Việt Nam thiếu vắng các sản phẩm nhà ở phù hợp với "túi tiền" của số đông người dân. Nguồn cung toàn thị trường đạt khoảng 48,5 nghìn sản phẩm, chỉ bằng 28% so với năm 2018. Trong đó, phân khúc đất nền chiếm 44%, căn hộ cao cấp chiếm 37%, căn hộ trung cấp chiếm 15%

và căn hộ bình dân chiếm tỷ trọng thấp nhất với 4%. Tỷ lệ tiêu thụ chung của toàn thị trường đạt khoảng 39%, tương đương 19 nghìn giao dịch, bằng 69% so với lượng tiêu thụ của năm 2021 và bằng 17% lượng giao dịch của năm 2018. Đến quý IV/2022, cầu đầu cơ gần như bị triệt tiêu, các sản phẩm biệt thự, nhà ở liền kề đô thị gần như không phát sinh giao dịch.

Lợi nhuận của nhiều tập đoàn, doanh nghiệp BĐS sụt giảm mạnh, thậm chí thua lỗ; cổ phiếu BĐS giảm mạnh hơn mức bình quân chung thị trường, đặc biệt là rủi ro sụt giảm sâu thanh khoản, thể hiện qua việc xuất hiện làn sóng "cắt lỗ" vào cuối năm 2022 để duy trì sự "tồn tại" của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, một số doanh nghiệp trong lĩnh vực này phải thu hẹp quy mô đầu tư sản xuất kinh doanh hoặc tinh giản tối đa bộ máy, giảm lực lượng lao động.

Có nhiều yếu tố tác động tiêu cực đến thị trường BĐS trong năm 2022 vừa qua. Thứ nhất, các kênh huy động vốn vào thị trường bị "tắc nghẽn" do tín dụng ngân hàng và trái phiếu doanh nghiệp chịu sự kiểm soát chặt chẽ của Ngân hàng Nhà nước khi Nghị định sửa đổi Nghị định 153/2020/NĐ-CP quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế đi vào cuộc sống. Trong khi đó, thị trường vốn gắn chặt với thị trường BĐS, dòng vốn tín dụng và trái phiếu doanh nghiệp là hai kênh quan trọng trong việc huy động vốn, đảm bảo dòng vốn cho lĩnh vực này.

Bên cạnh đó, thời điểm giữa năm 2022, một số "ông lớn" có những sai phạm của trong hoạt động

phát hành trái phiếu, giao dịch mua bán cổ phiếu trên sàn chứng khoán bị xử lý công khai đã gây ra những biến động tiêu cực, làm suy giảm thị trường chứng khoán, dẫn tới phần lớn các cổ phiếu giao dịch trên sàn đều bị giảm giá trị.

Trước áp lực lạm phát và việc lãi suất huy động của nhiều ngân hàng thương mại tăng lên, đến cuối quý II/2022, một số ngân hàng đã điều chỉnh tăng lãi suất cho vay. Đây cũng là một trong những yếu tố bất lợi cho sự phát triển của thị trường BĐS trong năm vừa qua, khi chi phí vốn của nhà đầu tư tăng lên. Thêm vào đó, tính đến cuối tháng 6/2022, thực tế nhiều ngân hàng đã chạm trần tín dụng, nên ngay cả khi khách hàng có nhu cầu mua nhà để ở cũng khó có thể tiếp cận được nguồn vốn ngân hàng.

Một yếu tố khác khiến cho thị trường BĐS ảm đạm là việc sử dụng vốn chưa hợp lý của doanh nghiệp khiến cho cơ cấu sản phẩm phát triển mất cân đối, dẫn tới sự "lệch pha" của thị trường, cung không gặp cầu. Trên thị trường BĐS, tỷ lệ nhà ở cao cấp liên tục gia tăng mà thiếu vắng các sản phẩm nhà ở trung cấp và bình dân phù hợp với "túi tiền" của số đông người dân.

Những cú huých cho năm 2023

Nhìn lại năm 2022, có thể nói đây là năm khắc nghiệt nhất của doanh nghiệp, nhà đầu tư, người tiêu dùng bất động sản. Trước những khó khăn đang hiện hữu, Chính phủ đã nhanh chóng có nhiều động thái hỗ trợ và tháo gỡ khó khăn cho thị trường BĐS trong nước, lấy lại niềm tin của nhà đầu tư, thu hút dòng tiền trở lại. Cụ thể, ngày 17/11/2022, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1435/QĐ-TTg thành lập Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ

về rà soát, đôn đốc, hướng dẫn tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho thị trường và triển khai thực hiện các dự án bất động sản cho các địa phương, doanh nghiệp. Theo đó, Bộ Xây dựng liên tục làm việc với các địa phương, doanh nghiệp nhằm tìm ra các nút thắt lớn để tháo gỡ.

Ngày 14/12/2022, Thủ tướng Chính phủ có Công điện 1164/CT-TTg chỉ đạo Bộ Xây dựng, Ngân hàng Nhà nước, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, yêu cầu triển khai các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho thị trường bất động sản và phát triển nhà ở ổn định, lành mạnh, bền vững, tập trung vào các lĩnh vực ưu tiên góp phần phục hồi phát triển kinh tế và bảo đảm an sinh xã hội.

Trong tháng Một vừa qua, Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 được ban hành, trong đó có những định hướng, chủ trương giải quyết những vướng mắc, khó khăn của thị trường BĐS. Trong khi đó, Ngân hàng Nhà nước ban hành các thông tư tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp như miễn giảm lãi suất, cơ cấu lại nợ, giữ nguyên nhóm nợ cho khách hàng cá nhân và doanh nghiệp cũng như miễn giảm lãi, phí đối với người vay.

Cũng trong năm 2023, nhiều văn bản luật quan trọng dự kiến được sửa đổi sẽ điều tiết thị trường bất động sản đến 2030, đó là Luật Nhà ở (sửa đổi), Luật Kinh doanh bất động sản (sửa đổi) dự kiến trình Quốc hội vào Kỳ họp thứ 5 (tháng 5/2023) và thông qua tại Kỳ họp thứ 6 (tháng 10/2023) cùng với Luật đất đai (sửa đổi).

3 luật này được cho rằng sẽ tác động rất lớn đến thủ tục pháp lý và quá trình triển khai dự án của các chủ đầu tư trong thời gian sắp tới.

Những động thái trên từ Chính phủ cùng hàng loạt tín hiệu tích cực như đầu tư công tiếp tục được thúc đẩy, quy hoạch rõ ràng, nút thắt trái phiếu doanh nghiệp được giải quyết, lãi suất ngân hàng sẽ giảm theo xu hướng thế giới và tâm lý của người dân cũng có xu hướng đổ tiền vào BĐS như một kênh tích trữ an toàn, khi đối diện với tình hình lạm phát tăng cao sẽ là những cú huých để thị trường BĐS phá băng trong năm 2023.

Các chuyên gia dự báo, thị trường BĐS Việt Nam sẽ chuyển hướng tích cực từ cuối quý II/2023, đến quý III sẽ phục hồi rõ nét và khởi sắc trong quý cuối năm, trong đó BĐS khu công nghiệp tiếp tục là điểm sáng dù tốc độ chậm lại. Nhu cầu nhà ở trong dân vẫn rất lớn, đặc biệt là nhà ở thương mại giá phải chăng, nhà ở công nhân, nhà ở xã hội vẫn còn nhiều tiềm năng, do đó thị trường sẽ có sự thanh lọc mạnh mẽ hơn, phân khúc nhà ở hướng tới người mua sử dụng thực sẽ dẫn dắt thị trường năm 2023. Điều này sẽ giúp cho thị trường BĐS phát triển bền vững hơn.

Bên cạnh đó, với việc Việt Nam thuộc nhóm 10 nước nhận kiều hối lớn nhất thế giới, hơn 200 đại diện cấp cao của các công ty đầu tư hàng đầu bình chọn Việt Nam là điểm đến đầu tư ưu tiên nhất, nhì trong nhóm các thị trường mới nổi; Việt Nam lọt vào Top 20 nền kinh tế về thu hút FDI trên thế giới, ngành BĐS Việt Nam cũng đang mong chờ đón các dòng tiền kiều hối, FDI và M&A chảy vào, giúp thị trường sẽ "đảo chiều" từ trầm lắng sang khởi sắc như kỳ vọng./.



CHƯƠNG TRÌNH CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

ThS. Nguyễn Thị Hòa

Khoa Lý luận cơ sở, Trường chính trị Nguyễn Văn Cừ tỉnh Bắc Ninh

Chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới để từng bước hình thành nông thôn mới thông minh, nâng cao hiệu quả hoạt động của cộng đồng, góp phần xây dựng nông thôn mới đi vào chiều sâu, hiệu quả và bền vững... là một trong những nhiệm vụ trọng tâm và cũng là giải pháp trong triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (NTM) giai đoạn 2021-2025.

Thực hiện đẩy mạnh Chuyển đổi số trong xây dựng NTM

Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, với mục tiêu xây dựng NTM đến năm 2025, phần đầu cả nước có ít nhất 80% số xã đạt chuẩn NTM; trong đó, có khoảng 40% số xã đạt chuẩn NTM nâng cao, ít nhất 10% số xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu và không còn xã dưới 15 tiêu chí; thu nhập

bình quân của người dân nông thôn tăng ít nhất 1,5 lần so năm 2020. Cùng với đó, để phù hợp hơn với giai đoạn mới, bộ tiêu chí NTM giai đoạn 2021-2025 đã có chỉnh sửa, bổ sung. Trong đó, cụ thể đối với những xã nông thôn mới cần đáp ứng 19 tiêu chí, 57 chỉ tiêu (tăng 8 chỉ tiêu so 2016-2020), điều chỉnh nội hàm, tên, nội dung của 15 tiêu chí. Đối với những xã nông thôn mới nâng cao

sẽ có 19 tiêu chí, 75 chỉ tiêu (tăng 18 chỉ tiêu so 2016-2020), nâng cao chất lượng 35 chỉ tiêu, bổ sung 34 chỉ tiêu mới...

Theo rà soát của văn phòng điều phối NTM Trung ương, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 được triển khai thực hiện trên địa bàn 8.227 xã (bao gồm cả 1.458 xã khu vực III vùng dân tộc thiểu số và miền núi,

54 xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo), 659 đơn vị cấp huyện (bao gồm cả 74 huyện nghèo thuộc 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo các quy định của Bộ tiêu chí quốc gia về NTM giai đoạn 2021-2025).

Kết quả, tính đến tháng 7/2022, cả nước đã có trên 5,8 triệu xã (70,7%) đạt chuẩn nông thôn mới (NTM), tăng 2,4% so với cuối năm 2021; trong đó, có 803 xã đạt NTM nâng cao, tăng 300 xã so cuối năm 2021 và 94 xã đạt NTM kiểu mẫu, tăng 51 xã; có 254 đơn vị cấp huyện được công nhận đạt NTM; 18 tỉnh có 100% số xã đạt NTM; trong đó có 5 tỉnh được Thủ tướng Chính phủ công nhận hoàn thành xây dựng NTM.

Theo đánh giá, Chương trình đã đạt được những kết quả tích cực, hiệu quả. Tuy nhiên, kết quả đạt chuẩn NTM của một số vùng vẫn còn khoảng cách chênh lệch lớn. Cụ thể như: Đồng bằng sông Hồng đạt 99,8%, Đông Nam Bộ 91,3%, trong khi đó miền núi phía bắc mới đạt 44,1%, Tây Nguyên 57,6%. Do đó, chuyển đổi số trong xây dựng NTM được coi là bước tiến quan trọng để nâng cao các tiêu chí một cách bền vững tạo nền tảng cho xây dựng NTM thông minh...

Việc tiếp tục đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả triển khai Chương trình xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 cũng như thực hiện chủ trương đưa chuyển đổi số vào nông nghiệp nói chung và vào xây dựng NTM nói riêng đã được Chính phủ thông qua và thể hiện tại nhiều cơ chế, chính sách, giải pháp thời gian qua. Trong đó, ngày 02/8/2022, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 924/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới

nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021-2025. Đây được xem là một trong những nhiệm vụ trọng tâm và là giải pháp thiết thực trong xây dựng NTM, đáp ứng nhu cầu và xu hướng phát triển chung của đất nước.

Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021-2025 (Chương trình) có mục tiêu tổng quát nhằm đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong xây dựng nông thôn mới, nhằm tăng cường hiệu quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, góp phần thúc đẩy kinh tế nông thôn, nâng cao chất lượng đời sống người dân, thu hẹp dần khoảng cách về chất lượng dịch vụ giữa nông thôn - thành thị, từng bước hướng tới nông thôn mới thông minh. Chương trình triển khai với 3 trụ cột chính: Phát triển chính quyền số ở nông thôn; Phát triển các chủ thể kinh tế số ở nông thôn và Phát triển xã hội số cho cộng đồng dân cư ở nông thôn.

Một số mục tiêu cụ thể của chương trình:

Về phát triển chính quyền số trong xây dựng nông thôn mới: Chương trình phấn đấu đến năm 2025, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới được tổ chức đồng bộ, thống nhất trên nền tảng công nghệ số, ít nhất 90% hồ sơ công việc cấp trung ương, cấp tỉnh, 80% hồ sơ công việc cấp huyện và 60% hồ sơ công việc cấp xã được xử lý trên môi trường mạng.

Ít nhất 97% số xã đạt chuẩn chỉ tiêu 8.4 của Tiêu chí số 8 về Thông tin và Truyền thông theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới; 50% số xã đạt chuẩn chỉ tiêu 8.4 của Tiêu chí số 8 về Thông tin và Truyền thông, 50% số xã đạt chuẩn chỉ tiêu số 15.2 của Tiêu chí số 15 về Hành chính công theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao.

Chương trình phấn đấu có ít nhất 60% đơn vị cấp huyện đạt chuẩn chỉ tiêu 9.5 của Tiêu chí số 9 về An ninh trật tự - Hành chính công theo Bộ tiêu chí quốc gia



về huyện nông thôn mới; 25% đơn vị cấp huyện đạt chuẩn chỉ tiêu 6.5 của Tiêu chí số 6 về Kinh tế, 25% đạt chỉ tiêu 9.2 của Tiêu chí số 9 về An ninh trật tự - Hành chính công theo Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao.

Phần đầu 100% cán bộ quản lý các cấp tham gia thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới được tập huấn, nâng cao năng lực về chuyển đổi số.

Về thúc đẩy kinh tế số trong phát triển kinh tế nông thôn: Chương trình cũng hướng đến tăng cường ứng dụng công nghệ số trong phát triển kinh tế nông thôn theo hướng kinh tế tuần hoàn và kinh tế số. Đẩy mạnh quá trình số hóa, xây dựng bản đồ số nông nghiệp nông thôn, cơ sở dữ liệu đồng bộ, thực hiện quản lý mã số vùng nguyên liệu, truy xuất nguồn gốc đối với các sản phẩm nông nghiệp, nông thôn. Tăng cường ứng dụng trực tuyến, công nghệ thực tế ảo, thực tế ảo tăng cường trong công tác quảng bá, xúc tiến thương mại, thương mại điện tử cho các sản phẩm nông nghiệp, nông thôn.

Góp phần thúc đẩy kinh tế nông thôn, Chương trình đề ra mục tiêu có ít nhất 70% xã có các hợp tác xã, 70% cấp huyện có các mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực và 50% các mô hình liên kết gắn với vùng nguyên liệu có ứng dụng công nghệ số.

Về xã hội số trong xây dựng nông thôn mới: Chương trình phần đầu có ít nhất 40% đơn vị (cấp xã, huyện) cung cấp ít nhất một dịch vụ thiết yếu (y tế, giáo dục, giám sát cộng đồng, an ninh trật tự, môi trường, văn hóa) và tổ chức lấy ý kiến phản hồi về sự hài lòng của người dân/cộng đồng về kết quả

xây dựng nông thôn mới thông qua ứng dụng trực tuyến.

Bên cạnh đó, Chương trình phần đầu mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có ít nhất 01 mô hình thí điểm xã nông thôn mới thông minh theo lĩnh vực nổi trội nhất (kinh tế, du lịch nông thôn, môi trường, văn hoá...), làm cơ sở để tổng kết và đề xuất Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới thông minh giai đoạn 2026 - 2030.

Chương trình được triển khai ở khu vực nông thôn của cả nước (bao gồm cả các xã đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số và miền núi, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo, các huyện nghèo) đến hết năm 2025. Đối tượng thụ hưởng của Chương trình là người dân, cộng đồng dân cư, các tổ chức kinh tế hợp tác, doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế - xã hội trên địa bàn nông thôn.

Chương trình nêu rõ việc chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới để từng bước hình thành nông thôn mới thông minh, nâng cao hiệu quả hoạt động của cộng đồng, góp phần xây dựng nông thôn mới đi vào chiều sâu, hiệu quả và bền vững... cần đảm bảo trên cơ sở kế thừa, tiếp tục phát triển, hoàn thiện kết quả các chương trình, chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới phải phù hợp, góp phần thực hiện mục tiêu xây dựng nền nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh và chiến lược chuyển đổi số quốc gia, triển khai một cách chủ động, linh hoạt.

Giải pháp thực hiện chương trình

Để đạt được mục tiêu đề ra cũng như nâng cao hiệu quả xây dựng Nông thôn mới, một số giải pháp trong thực hiện Chương trình được đề ra như sau:

Đào tạo và nâng cao năng lực về chuyển đổi số: Biên soạn chương trình, tài liệu tập huấn về chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, đặc biệt là các tài liệu hướng dẫn áp dụng chuyển đổi số; Tổ chức các hội nghị, các đợt tập huấn về kiến thức chuyển đổi số, khả năng tiếp cận thông tin cho các cơ quan quản lý nhà nước, cán bộ xây dựng nông thôn mới các cấp (trung ương, tỉnh, huyện, xã) và người dân, cộng đồng ở nông thôn; Tổ chức các lớp đào tạo kỹ năng chuyên sâu về công nghệ thông tin, sử dụng dịch vụ số an toàn trên không gian mạng cho các doanh nghiệp, hợp tác xã và tổ chức kinh tế ở khu vực nông thôn.

Xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách: rà soát các nội dung, định mức hỗ trợ của Nhà nước về chuyển đổi số để đề xuất áp dụng trong xây dựng nông thôn mới thông minh; chính sách khuyến khích các tổ chức và doanh nghiệp cung cấp dịch vụ số về các lĩnh vực (kinh tế, thương mại, y tế, giáo dục, văn hóa, du lịch,...) đầu tư vào khu vực nông thôn. Xây dựng kiến trúc, vận hành và quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu số về Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; ban hành quy chế, quy trình vận hành hệ thống phần mềm đánh giá, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới từ trung ương, cấp tỉnh, huyện, xã. Nghiên cứu, đề xuất Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới thông minh giai đoạn 2026 - 2030.

Đẩy mạnh phát triển hạ tầng số và dữ liệu số: Đẩy mạnh xã hội hóa trong phát triển hạ tầng và kết nối mạng internet đến cấp xã, thôn/bản (hạ tầng băng thông rộng chất lượng cao; hạ tầng mạng di động 4G/5G; hạ tầng kết nối internet, hạ tầng kết nối IoT,...), nâng cao chất lượng

và năng lực tiếp cận dịch vụ viễn thông của người dân; hạ tầng công nghệ để phát triển hệ thống thông tin điện tử trên các lĩnh vực: giáo dục, y tế, văn hóa, du lịch và thương mại điện tử. Đẩy mạnh thực hiện các giải pháp nhằm cung cấp cho mỗi hộ dân nông thôn có ít nhất một điện thoại thông minh theo hình thức xã hội hóa. Xây dựng phương án tổng thể hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu, chuẩn hóa dữ liệu, hệ thống định danh gắn với đối tượng quản lý, giám sát Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Xây dựng dữ liệu số trong xây dựng nông thôn mới.

Triển khai thí điểm mô hình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới: Xây dựng thí điểm các mô hình: xã/thôn nông thôn mới thông minh gắn với lĩnh vực nổi trội ở các địa phương (quản lý quy hoạch xây dựng, kinh tế, y tế, giáo dục, văn hóa, an ninh trật tự, du lịch nông thôn...); mô hình chỉ đạo điểm của trung ương về xây dựng xã nông thôn mới thông minh theo danh sách được cấp có thẩm quyền phê duyệt; mô hình xã thương mại điện tử cho sản phẩm nông nghiệp, nông thôn chủ lực của địa phương (liên kết hợp tác giữa trung ương, địa phương, các doanh nghiệp thương mại điện tử, ngân hàng và người dân).

Huy động nguồn lực triển khai Chương trình: Tạo điều kiện, môi trường đầu tư thuận lợi để thu hút doanh nghiệp, tập đoàn viễn thông, công nghệ thông tin đầu tư về cơ sở hạ tầng số và kết nối mạng internet đến cấp xã, thôn/bản; hạ tầng công nghệ gắn với phát triển dịch vụ trên các lĩnh vực: Giáo dục, y tế, văn hóa, du lịch và thương mại điện tử. Huy động các nguồn lực tham gia thực hiện Chương trình, nhất là lồng ghép hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia, đề án, dự án phát triển kinh tế - xã hội, các nguồn huy động hợp pháp từ các thành phần kinh tế và người dân thực hiện chuyển đổi số. Đẩy mạnh kêu gọi sự hỗ trợ về kỹ thuật, nguồn lực của các đối tác quốc tế trong lĩnh vực chuyển đổi số, xây dựng xã nông thôn mới thông minh.

Cuối cùng, để chuyển đổi số trong xây dựng NTM thực sự thành công, cần tiếp tục phát huy vai trò của hệ thống chính trị, các ngành, các cấp, đặc biệt là vai trò trung tâm của người dân tham gia thực hiện chuyển đổi số, đẩy mạnh công tác xã hội hóa trong đầu tư hạ tầng, ứng dụng công nghệ, phát triển nguồn nhân lực để thực hiện hiệu quả chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới. Từng bước hoàn thiện cơ chế, chính sách để khuyến khích người dân nông thôn chủ động áp dụng chuyển đổi số, góp phần phát triển kinh tế nông thôn, nâng cao chất lượng tiếp cận dịch vụ và đời sống của người dân nông thôn./.



Môi trường đang ngày càng ô nhiễm

Tại Việt Nam hiện nay, tình trạng ô nhiễm môi trường vẫn tiếp tục gia tăng và diễn biến phức tạp dưới nhiều hình thức. Bên cạnh ô nhiễm không khí, môi trường còn bị gây hại bởi nhiều nguồn ô nhiễm khác, ô nhiễm nguồn nước mặt trong các khu đô thị, khu dân cư, nhất là trên các kênh, mương, ao, hồ; cùng với đó là rác thải sinh hoạt, ô nhiễm rác thải nhựa... Theo Báo cáo thường niên về chỉ số môi trường (EPI), Việt Nam là một trong 10 nước ô nhiễm không khí hàng đầu của châu Á với nguyên nhân chủ yếu là do bụi, bụi mịn (PM 10, PM 2.5); Chất lượng không khí đang ngày càng xấu đi, đặc biệt tại 2 đô thị lớn là Thủ đô Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, khi có nhiều thời điểm chỉ số báo cáo chất lượng không khí hàng ngày (Air Quality Index - AQI) tại các thành phố này dao động trong mức 150-200, mức báo động rất nguy hiểm.

Tốc độ đô thị hóa và phát triển kinh tế nhanh chóng đã góp phần thay đổi mô hình sản xuất và tiêu dùng cũng như gia tăng các nguồn thải. Tổng lượng rác thải hàng năm tại Việt Nam đã tăng gấp đôi trong vòng 15 năm qua và dự báo sẽ tăng từ 27 triệu tấn năm 2018 lên 54 triệu tấn vào năm 2030. Trong đó, có đến 85% lượng rác thải của Việt Nam hiện đang được xử lý bằng công nghệ chôn lấp. Phương pháp này được cho là khá đơn giản nhưng lại khá tốn kém và gây lãng phí tài nguyên đất đai. Chỉ riêng Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh mỗi năm đã phải chi khoảng 1,2-1,5 nghìn tỷ đồng

TRÁCH NHIỆM CỦA CỘNG ĐỒNG VÌ MỘT MÔI TRƯỜNG XANH

Minh Hà

Mặt trái của tăng trưởng kinh tế - xã hội chính là việc môi trường ngày càng ô nhiễm, thậm chí đe dọa ngược lại đến đời sống của con người, gây ra những tổn thất cho xã hội và thiệt hại lớn về kinh tế. Chính vì vậy, để góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững, đòi hỏi mỗi tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp cần cùng chung tay, có trách nhiệm và hành động cụ thể để “góp gió thành bão”, bảo vệ môi trường.

kinh phí thu gom, xử lý rác thải, chiếm 3,5% ngân sách. Chưa kể nếu không được xử lý tốt, không khí và nguồn nước ngầm có thể bị ảnh hưởng nghiêm trọng trong quá trình rác phân hủy. Mặt khác, nguồn nước mặt của Việt Nam cũng đang trong tình trạng báo động do nước thải, khí thải và chất rắn từ nhiều đô thị, khu công nghiệp và làng nghề không có hệ thống xử lý tập trung mà trực tiếp xả ra sông, hồ, kênh, mương.

Không chỉ ở đô thị, tại nhiều vùng nông thôn, hệ thống xử lý chất thải của con người và gia súc, gia cầm không được xây dựng theo tiêu chuẩn có thể thấm xuống đất hoặc bị rửa trôi đã làm cho tình trạng ô nhiễm nguồn nước về mặt hữu cơ và vi sinh vật ngày càng cao. Đồng thời việc lạm dụng thuốc bảo vệ thực vật, sử dụng nhiều và không đúng cách các hóa chất trong nuôi trồng thủy sản đã có những tác động tiêu cực không nhỏ đến nguồn nước ngầm và nước mặt, gây ảnh hưởng đến sức khỏe con người.

Nguyên nhân gây ra tình trạng ô nhiễm môi trường chủ yếu đến từ các hoạt động kinh tế, đời sống hàng ngày của con người như:

Sản xuất công - nông nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng cơ sở hạ tầng, rác thải sinh hoạt, chặt phá rừng... Các vấn đề về môi trường không chỉ làm ảnh hưởng lớn đến tăng trưởng của đất nước mà còn gây thiệt hại tài chính cho nền kinh tế, đe dọa nghiêm trọng đến môi trường sống và ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe người dân. Các chuyên gia cho rằng, nếu không có các biện pháp tích cực bảo vệ môi trường, Việt Nam sẽ phải chịu thiệt hại khoảng 6-7% GDP vì môi trường bị hủy hoại và ô nhiễm; nếu tính cả chi phí y tế

để chữa bệnh thì con số này sẽ là khoảng 8-10% GDP. Thống kê từ Bộ Y tế và Bộ Tài nguyên và Môi trường, khoảng 9 nghìn người tử vong mỗi năm do nguồn nước và vệ sinh kém; khoảng 20 nghìn người mắc bệnh ung thư mới phát hiện mà một trong những nguyên nhân chính là do ô nhiễm nguồn nước; 44% trẻ em bị nhiễm giun và 27% trẻ em trên 5 tuổi bị suy dinh dưỡng tại Việt Nam do thiếu nước sạch và vệ sinh kém; khoảng 21% dân số đang sử dụng nguồn nước bị nhiễm Asen. Đó là những con số đáng buồn. Điều này cho thấy,



bảo vệ môi trường hiện nay đã trở thành yêu cầu bức thiết, là nghĩa vụ, trách nhiệm và quyền lợi của mỗi người, cần sự tham gia tích cực của cả cộng đồng với những giải pháp cơ bản trong bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

Nâng cao trách nhiệm bảo vệ môi trường của cộng đồng

Đối với cá nhân: Con người là nhân tố quan trọng hàng đầu trong việc khắc phục hậu quả và bảo vệ môi trường. Mỗi cá nhân trong xã hội cần nâng cao ý thức và nhận thức bảo vệ môi trường cũng như cùng nhau lan tỏa trách nhiệm thông qua các hành động cụ thể. Bởi chỉ có nhận thức đúng, suy nghĩ đúng mới hành động đúng và mỗi một hành động nhỏ sẽ góp một phần lớn vào việc hình thành nếp sống văn minh, có trách nhiệm hơn với môi trường. Một số giải pháp đặt ra với các cá nhân để thể hiện trách nhiệm với môi trường có thể kể đến: Vứt rác đúng nơi quy định, đúng quy cách. Nói không với rác thải nhựa, nhất là đồ nhựa dùng 1 lần vì những đồ vật bằng nhựa phải mất hàng chục hàng trăm, thậm chí hàng nghìn năm mới có thể phân hủy sinh học nên chúng có thể tồn tại trong môi trường và gây hại cho loài người cũng như rất nhiều sinh vật sống trong nước, trong đại dương. Thay vào đó là sử dụng các sản phẩm tái chế, thân thiện với môi trường, giữ gìn vệ sinh chung tại nơi mình sinh sống. Bên cạnh đó, cần nâng cao ý thức sử dụng tiết kiệm và hiệu quả nguồn năng lượng, điển hình như việc tắt nguồn thiết bị, rút phích cắm khi không sử dụng các thiết bị điện (tivi, điều hòa, quạt, sạc điện, máy tính...). Chuyển đổi sang sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo như điện gió, điện mặt trời... nhằm hạn chế khai thác tài nguyên

hóa thạch để sản xuất điện. Nâng cao ý thức trồng rừng và bảo vệ rừng, tích cực trồng cây xanh tại nơi ở và nơi làm việc để góp phần thanh lọc không khí. Các hoạt động như Giờ Trái đất, một chai nhựa đổi một cây xanh... đã dần nhận được sự hưởng ứng tích cực từ quần chúng nhân dân, nhất là với thế hệ trẻ, qua đó giúp nâng cao ý thức bảo vệ môi trường đối với thế hệ chủ nhân tương lai của đất nước.

Đối với doanh nghiệp: Những năm trở lại đây, trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, Việt Nam đã tham gia nhiều Hiệp định thương mại (FTA). Cùng với các cam kết thuận lợi về kinh tế, doanh nghiệp cũng cần thực hiện nhiều cam kết về bảo vệ môi trường, phát triển bền vững. Tuy nhiên, hầu hết hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp lại là nguyên nhân chính phát sinh ra nhiều yếu tố ảnh hưởng đến môi trường, nhất là về vấn đề chất thải, hóa chất. Nhiều doanh nghiệp vẫn chưa chú trọng đầu tư cho việc xử lý rác thải và nước thải theo quy định, thậm chí có doanh nghiệp

đã xây dựng hệ thống xử lý nhưng vẫn xả thẳng ra môi trường. Các chất thải trong quá trình sản xuất công nghiệp và nông nghiệp không được xử lý đúng quy chuẩn đã góp phần gây suy thoái, ô nhiễm môi trường xung quanh như môi trường đất, môi trường nước, không khí, làm ảnh hưởng đến sức khỏe của con người. Vì vậy, doanh nghiệp cần nâng cao trách nhiệm bảo vệ môi trường bằng việc tuân thủ các quy định pháp luật về môi trường. Bên cạnh việc đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp cần thể hiện trách nhiệm của mình với các tác động tới môi trường và cuộc sống cộng đồng thông qua các hành vi kiểm soát ô nhiễm và xử lý, tái chế chất thải, tiết kiệm tài nguyên.

Ngày nay, sự thay đổi tích cực về hành vi của người tiêu dùng đã tạo ra cả áp lực và động lực cho doanh nghiệp trong việc thực hiện trách nhiệm xã hội với vấn đề bảo vệ môi trường. Nhiều doanh nghiệp đã đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực môi trường hoặc đổi mới công nghệ sản xuất,



quy trình sản xuất, phương thức quản lý để đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong quy trình sản xuất và kinh doanh. Đặc biệt, kinh doanh trong lĩnh vực cung ứng và dịch vụ môi trường đang dần trở thành lĩnh vực có tính hấp dẫn cao, được nhiều doanh nghiệp tham gia đầu tư phát triển. Một số lĩnh vực phát triển mạnh phải kể đến như: Thu gom, vận chuyển chất thải rắn, cơ sở xử lý chất thải rắn; thu gom, vận chuyển chất thải rắn nguy hại; xử lý nước thải sinh hoạt tập trung; xử lý nước thải sinh hoạt quy mô nhỏ phân tán...

Báo cáo của Tổ chức Tài chính quốc tế (IFC) và Ngân hàng Thế giới cho biết, ước tính Việt Nam lãng phí gần 3 tỷ USD mỗi năm vì không tái chế rác thải sinh hoạt và lãng phí hơn 30 tỷ USD mỗi năm chất thải hữu cơ không được tái chế. Quá trình tái chế rác thải có thể thu được khoảng 35% thành phân vi sinh, 5% thành hạt nhựa, số còn lại được đốt thành tro xỉ và biến thành gạch. Tỷ lệ tái chế từ rác được khoảng 95%, còn lại một phần rất nhỏ 5% được chôn lấp.



Trong khi đó, giá phân khoảng 3 triệu đồng/tấn, giá hạt nhựa khoảng 10 triệu đồng/tấn, chưa kể số gạch được tái sử dụng trong các hoạt động xây dựng khác của doanh nghiệp. Vì vậy, sử dụng rác thải như nguyên liệu cho một ngành kinh tế mới cũng có thể coi là một tiềm năng khai thác để doanh nghiệp đầu tư phát triển.

Trong mọi nỗ lực khắc phục thiệt hại vì một môi trường xanh, Đảng và Chính phủ luôn giữ vai trò quan trọng trong định hướng tư tưởng với các chính sách kịp thời hỗ trợ người dân và doanh nghiệp, hướng đến tăng trưởng xanh cho phát triển bền vững. Trong năm 2022, Chính phủ đã ký ban hành Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022 phê duyệt Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với quan điểm đầu tiên môi trường là điều kiện, nền tảng, yếu tố tiên quyết cho phát triển bền vững kinh tế - xã hội. Bảo vệ môi trường vừa là mục tiêu, vừa là nhiệm vụ, cần được đặt ở vị trí trung tâm của các quyết định phát triển. Phát triển kinh tế phải hài hòa với thiên nhiên, tôn trọng quy luật tự nhiên, không đánh đổi môi trường lấy tăng trưởng kinh tế. Vấn đề bảo vệ môi trường cũng được nhấn mạnh là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và của toàn xã hội. Chiến lược đặt ra mục tiêu tổng quát là ngăn chặn xu hướng gia tăng ô nhiễm, suy thoái môi trường; giải quyết các vấn đề môi trường cấp bách; từng bước cải thiện, phục hồi chất lượng môi trường; ngăn chặn sự suy giảm đa dạng sinh học; góp phần nâng cao năng lực chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; bảo đảm an ninh môi trường, xây dựng và phát triển các mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh,

cac-bon thấp, phấn đấu đạt được các mục tiêu phát triển bền vững 2030 của đất nước.

Để đạt được mục tiêu trên, Chiến lược đưa ra một số nhiệm vụ trọng tâm, trong đó tập trung phát triển kinh tế theo hướng sinh thái, tuần hoàn, tăng trưởng xanh, thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng bền vững; thực hiện phân vùng môi trường, nâng cao hiệu quả đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, quản lý dựa trên giấy phép môi trường; chủ động kiểm soát các cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao; ngăn chặn các tác động xấu; chủ động phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường, kiểm soát các vấn đề môi trường xuyên biên giới. Đồng thời, Chiến lược tập trung giải quyết các vấn đề môi trường trọng điểm, cấp bách; khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường; duy trì, cải thiện chất lượng và vệ sinh môi trường; bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, thúc đẩy bảo vệ môi trường trong khai thác, sử dụng tài nguyên; chủ động bảo vệ môi trường để góp phần nâng cao năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm phát thải khí nhà kính...

Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 đã chính thức được thực hiện từ ngày 1/1/2022 với nhiều chính sách, giải pháp đột phá, đánh dấu giai đoạn chuyển đổi mạnh mẽ trong công tác bảo vệ môi trường, hướng tới mục tiêu cao nhất cải thiện chất lượng môi trường, bảo vệ sức khỏe người dân, cân bằng sinh thái, bảo tồn đa dạng sinh học và phát triển kinh tế bền vững, trong đó, doanh nghiệp và người dân sẽ đóng vai trò trung tâm. Qua đó, vai trò, trách nhiệm của cộng đồng vì một môi trường xanh được khẳng định, góp phần nâng cao ý thức của cộng đồng trong bảo vệ môi trường./



QUY MÔ VÀ CƠ CẤU DÂN SỐ VIỆT NAM QUA KẾT QUẢ ĐIỀU TRA BIẾN ĐỘNG DÂN SỐ NĂM 2021

Điều tra biến động dân số là cuộc điều tra chọn mẫu được tiến hành hàng năm nhằm thu thập các thông tin về dân số, tình hình biến động dân số (sinh, chết và di cư) cũng như thông tin cơ bản về tình hình sử dụng các biện pháp tránh thai và nạo, phá thai... Những kết quả từ cuộc điều tra biến động dân số năm 2021 đã cho thấy, những nét cơ bản về tình hình dân số Việt Nam vào thời điểm 01/4/2021 với những dấu ấn cơ bản. Dưới đây là một số kết quả chủ yếu về quy mô và cơ cấu dân số Việt Nam qua kết quả của cuộc điều tra này.

Về quy mô dân số: Tổng số dân của Việt Nam vào thời điểm 0 giờ ngày 01/4/2021 là 98,3 triệu người. Trong đó, dân số nam là 48,7 triệu người, chiếm 49,6%; dân số nữ là 49,5 triệu người, chiếm 50,4%. Việt Nam là quốc gia đông dân thứ ba trong khu vực Đông Nam Á (sau In-đô-nê-xi-a và Phi-li-pin) và thứ 15 trên thế giới.

Tỷ lệ tăng dân số năm 2021 so với năm 2020 là 1,11%, tương đương khoảng 1 triệu người, duy trì mức tăng bình quân trong nhiều năm qua.

Mật độ dân số: Mật độ dân số của Việt Nam là 297 người/

km², tăng 4 người/km² so với năm 2020. Với kết quả này, Việt Nam là quốc gia có mật độ dân số đứng thứ ba trong khu vực Đông Nam Á, sau Phi-li-pin (365,3 người/km²) và Xin-ga-po (7.908 người/km²).

Đồng bằng sông Hồng và Đông Nam Bộ là hai vùng có mật độ dân số cao nhất toàn quốc, tương ứng là 1.084 người/km² và 795 người/km². Đây là những vùng bao gồm hai địa phương đông dân nhất cả nước, trong đó Hà Nội thuộc vùng Đồng bằng sông Hồng với mật độ dân số là 2.483 người/km² và thành phố Hồ Chí Minh thuộc vùng Đông Nam Bộ

với mật độ dân số là 4.497 người/km². Trung du và miền núi phía Bắc và Tây Nguyên là hai vùng có mật độ dân số thấp nhất, tương ứng là 135 người/km² và 110 người/km². Tỉnh Lai Châu có mật độ dân số thấp nhất cả nước với 53 người/km², tiếp theo là Kon Tum với mật độ dân số là 59 người/km².

Quy mô hộ: Vào thời điểm 0 giờ ngày 01/4/2021, cả nước có gần 27,2 triệu hộ dân cư, 10,5 triệu hộ sinh sống ở khu vực thành thị (chiếm 38,7%) và 16,7 triệu hộ ở khu vực nông thôn (chiếm 61,3%). Quy mô hộ bình quân cả nước là 3,5 người/hộ. Khu vực nông thôn có quy mô bình quân hộ là 3,6 người/hộ, cao hơn khu vực thành thị 0,2 người/hộ.

Trung du và miền núi phía Bắc có số người bình quân một hộ lớn nhất cả nước (3,9 người/hộ); Đông Nam Bộ có số người bình quân một hộ thấp nhất cả nước (3,3 người/hộ).

Quy mô hộ bình quân phổ biến trên cả nước là từ 2 đến 4 người/hộ, chiếm 65,0% tổng số hộ. Tỷ lệ hộ chỉ có một người (hộ độc thân) tăng so với năm 2020 (năm 2020: 10,4%, năm 2021: 11,3%),

trong đó tỷ lệ hộ độc thân ở khu vực thành thị cao hơn so với khu vực nông thôn (13,4% so với 9,9%). Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Hồng là hai vùng có tỷ lệ hộ độc thân cao nhất, tương ứng là 14,2% và 12,5%.

Tỷ lệ hộ có từ 5 người trở lên có xu hướng giảm (2019: 25,1%, năm 2020: 24,3%, năm 2021: 23,7%). Trong đó, Trung du và miền núi phía Bắc và Tây Nguyên là hai vùng có tỷ lệ hộ từ 5 người trở lên cao nhất cả nước, tương ứng là 31,3% và 26,0%. Đây là hai vùng tập trung nhiều người dân tộc thiểu số, có tập quán sinh sống theo gia đình nhiều thế hệ và có mức sinh cao nên có nhiều hộ đông người.

Tỷ số giới tính: Đây là chỉ tiêu quan trọng khi xem xét về cấu trúc dân số theo giới tính. Tỷ số giới tính của dân số được tính bằng dân số nam trên 100 dân số nữ. Kết quả Điều tra biến động dân số năm 2021 cho thấy, tỷ số giới tính của dân số Việt Nam là 98,4 nam/100 nữ, trong đó, tỷ số giới tính khu vực thành thị là 96,7 nam/100 nữ, khu vực nông thôn là 99,4 nam/100 nữ.

Các phân tích cho thấy, có sự khác biệt đáng kể về tỷ số giới tính giữa các vùng kinh tế - xã hội. Trong đó, Tây Nguyên là vùng có tỷ số giới tính cao nhất cả nước, với 102,0 nam/100 nữ; trong khi đó, Đồng bằng sông Hồng là vùng có tỷ số giới tính thấp nhất, 96,9 nam/100 nữ. Tỷ số giới tính theo vùng, miền ngoài chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố tự nhiên như sinh, chết, còn chịu ảnh hưởng mạnh bởi yếu tố di cư.

VỀ PHÂN BỐ DÂN CƯ

Khu vực thành thị và nông thôn:

Theo kết quả Điều tra biến động dân số 2021, dân số thành thị là 36,6 triệu người, chiếm 37,3% tổng dân số cả nước, dân số

nông thôn là 61,6 triệu người, chiếm 62,7%. So với Tổng điều tra dân số năm 2019, dân số thành thị của cả nước tăng 3,5 triệu người (36,6 triệu người so với 33,1 triệu người), dân số nông thôn giảm 1,5 triệu người (61,6 triệu người so với 63,1 triệu người). Sự gia tăng dân số thành thị và giảm dân số nông thôn là do có sự sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, xã trong giai đoạn 2019 - 2021 theo Nghị quyết số 653/2019/UBTVQH14 của Ủy ban Thường Vụ Quốc hội. Tỷ lệ dân số sống ở khu vực thành thị của nước ta vẫn đang ở mức thấp so với các nước trong khu vực Đông Nam Á, chỉ cao hơn Timo Lét-xtê (31%), Mi-an-ma (29%) và Cam-pu-chia (23%).

Các kết quả cho thấy, có sự chênh lệch đáng kể về tỷ lệ dân số thành thị và nông thôn giữa các vùng kinh tế - xã hội cũng như 63 tỉnh, thành phố. Đông Nam Bộ là vùng có tỷ lệ dân số thành thị cao nhất cả nước (66,7%), Trung du và miền núi phía Bắc có tỷ lệ dân số thành thị thấp nhất (20,3%). Các tỉnh có tỷ lệ dân số thành thị cao nhất gồm Đà Nẵng, Bình Dương

và thành phố Hồ Chí Minh (tương ứng là 87,4%, 84,6% và 79,1%). Các tỉnh có tỷ lệ dân số thành thị thấp nhất cả nước gồm Bến Tre, Thái Bình, Sơn La, Tuyên Quang (tương ứng là 9,9%, 11,8%, 13,8% và 13,7%). Tại Hà Nội chưa đến một nửa cư dân là dân số thành thị (49,3%).

Vùng kinh tế - xã hội: Dân số Việt Nam phân bố không đồng đều giữa các vùng kinh tế - xã hội, trong đó, Đồng bằng sông Hồng là nơi tập trung dân cư lớn nhất của cả nước với 23,0 triệu người, chiếm 23,4% tổng dân số cả nước; tiếp đến là vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung với 20,4 triệu người đang sinh sống, chiếm 20,7%. Tây Nguyên là nơi có ít dân cư sinh sống nhất với 6,0 triệu người, chiếm 6,1% dân số cả nước. Đông Nam Bộ có tỷ lệ tăng dân số cao nhất cả nước (2,16%), đây là trung tâm kinh tế năng động, thu hút rất nhiều người di cư đến làm ăn, sinh sống và học tập.

Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Kết quả Tổng điều tra năm 2019 cho thấy, quy mô dân số chủ yếu của các tỉnh trên cả nước



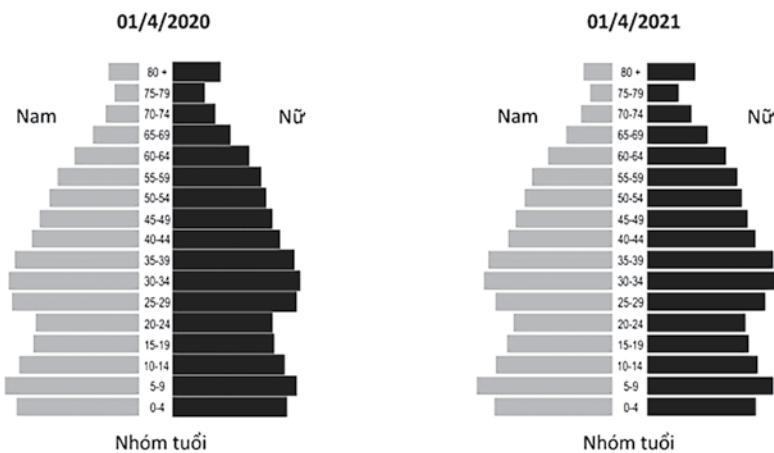
là từ 1 đến 2 triệu người (37 tỉnh), tiếp đến là nhóm các tỉnh có quy mô dân số nhỏ, dưới 1 triệu người (19 tỉnh), 7 tỉnh có quy mô dân số trên 2 triệu người. Hai thành phố là Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh có quy mô dân số lớn nhất cả nước (tương ứng là 8,3 triệu người và 9,4 triệu người), trong đó chênh lệch về dân số giữa địa phương đông dân nhất cả nước (thành phố Hồ Chí Minh) và địa phương ít dân số nhất cả nước (tỉnh Bắc Kạn) là gần 30 lần.

Việc phân bố dân cư không đồng đều giữa các địa phương chủ yếu là do điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội, tiếp cận việc làm, giáo dục và dịch vụ y tế của một số địa phương có lợi thế hơn hẳn các địa phương khác nên di cư để lựa chọn nơi sinh sống phù hợp hơn là một trong những lý do làm gia tăng chênh lệch về tăng dân số ở một số địa phương. Tình hình này xảy ra ngay cả trong điều kiện những tỉnh có đông dân nhưng tỷ lệ sinh luôn thấp hơn mức sinh thay thế trong nhiều thập kỷ qua.

VỀ CƠ CẤU DÂN SỐ THEO NHÓM TUỔI VÀ GIỚI TÍNH

Cơ cấu dân số theo nhóm tuổi và giới tính phản ánh bức tranh tổng quát về mức sinh, mức chết, tốc độ tăng dân số của một tập hợp dân số tại một thời điểm xác định và được mô tả bằng tháp dân số.

Tháp dân số Việt Nam, 01/4/2020 và 01/4/2021



Từ Tháp dân số trên cho thấy, không có sự khác biệt ở phần đáy tháp của năm 2021 so với năm 2020, có nghĩa là mức sinh vẫn duy trì ở mức ổn định. Phần giữa tháp năm 2020, nhóm tuổi 20-24 thu hẹp hơn so với năm 2020 cho thấy tỷ trọng lực lượng thanh niên trẻ của Việt Nam giảm, chủ yếu là do mức sinh thấp của giai đoạn 15-20 năm trước, cộng với tác động của yếu tố tử vong. Các nhóm tuổi từ 25-29 trở lên vẫn mở rộng và không có sự biến động nhiều so với tháp năm 2020, như vậy, Việt Nam vẫn duy trì một lực lượng trong độ tuổi lao động dồi dào, là lợi thế lớn trong việc phát triển kinh tế.

Theo kết quả Điều tra biến động dân số năm 2021, tỷ trọng dân số từ 15-64 tuổi chiếm 67,6% (giảm 0,4 điểm phần trăm so với năm 2020), tỷ trọng dân số dưới 15 tuổi và từ 65 tuổi trở lên chiếm lần lượt là 24,1% và 8,3%. Như vậy, Việt Nam đang trong thời kỳ “cơ cấu dân số vàng”, khi mà cứ một người phụ thuộc thì có hai người trong độ tuổi lao động.

Tỷ số phụ thuộc: Là chỉ tiêu đánh giá gánh nặng của dân số trong độ tuổi lao động. Chỉ tiêu này phản ánh tác động của mức sinh, mức chết đến cơ cấu tuổi và lực lượng lao động. Tỷ số phụ thuộc chung

biểu thị phần trăm của dân số dưới 15 tuổi và từ 65 tuổi trở lên trên 100 người ở nhóm tuổi 15-64. Trong đó, tỷ số phụ thuộc trẻ em biểu thị phần trăm của dân số dưới 15 tuổi trên 100 người ở nhóm tuổi 15-64 và tỷ số phụ thuộc người già biểu thị phần trăm của dân số từ 65 tuổi trở lên trên 100 người ở nhóm tuổi 15-64.

Tỷ số phụ thuộc chung năm 2021 là 47,9%, tăng 0,3 điểm phần trăm so với năm 2020 (47,6%), tức là cứ 100 người trong độ tuổi lao động từ 15-64 tuổi sẽ hỗ trợ cho khoảng gần 50 người ngoài độ tuổi lao động (bao gồm trẻ em dưới 15 tuổi và người già trên 65 tuổi), tương đương với 2 người trong độ tuổi lao động sẽ hỗ trợ 1 người ngoài độ tuổi lao động.

Chỉ số già hóa được biểu thị bằng tỷ số của dân số từ 60 tuổi trở lên trên 100 người dưới 15 tuổi. Do sự biến đổi về cơ cấu tuổi của dân số theo xu hướng tỷ trọng của trẻ em dưới 15 tuổi giảm, trong khi tỷ trọng người già tăng lên. Điều này đã làm cho Chỉ số già hóa có xu hướng tăng lên nhanh chóng.

Các kết quả từ điều tra biến động dân số năm 2021 cho thấy, năm 2021, chỉ số già hóa đạt 53,1%, tức là cứ 100 trẻ em dưới 15 tuổi thì có khoảng 53 người già từ 60 tuổi trở lên. Việt Nam đang trong thời kỳ dân số vàng với tỷ trọng dân số trong độ tuổi lao động từ 15-64 tuổi khá cao (chiếm 67,6% tổng dân số cả nước). Tuy nhiên, xu hướng già hóa dân số đang diễn ra nhanh chóng. Tỷ trọng nhóm dân số trẻ từ 0-14 tuổi liên tục giảm từ 24,5% năm 2009 xuống 24,3% năm 2019 và 24,1% năm 2021; trong khi nhóm dân số già từ 65 tuổi trở lên liên tục tăng từ 6,4% năm 2009, lên 7,7% năm 2019 và 8,3% năm 2021./.



KHƠI DẬY VÀ PHÁT HUY HỆ GIÁ TRỊ NHÂN VĂN TRONG XÃ HỘI CỦA THỜI KỲ MỚI

ThS. Trần Tố Uyên

Trường Cao đẳng Nghệ thuật Hà Nội

Nuôi dưỡng tinh thần nhân văn trong mỗi người dân Việt

Trong một xã hội nhân văn, các quan hệ xã hội đều được coi trọng, đề cao với những chuẩn mực văn hóa, văn minh trong ứng xử; luôn hướng đến đáp ứng nhu cầu chính đáng của các tầng lớp nhân dân, được thể hiện từ trong những chủ trương, đường lối phát triển đến hệ thống luật pháp, môi trường xã hội...

Đối với dân tộc Việt Nam, tinh thần nhân văn với các giá trị và biểu hiện tốt đẹp, cao cả luôn được dưỡng nuôi trong những trái tim tràn đầy nhiệt huyết yêu thương của mỗi người dân và được hiện thực hóa thành những hành động, việc làm hết sức ý nghĩa, thiết thực. Từ đó gom góp thành nền tảng giá trị tinh thần vô giá trong cộng đồng.

Nhân dân cả nước sẽ không bao giờ quên những trận lụt lịch sử càn quét miền Trung mỗi khi mùa lũ đến với nhiều mất mát, đau thương. Thế nhưng phía sau

Trong truyền thống lịch sử, nhân văn là một giá trị cao quý, là sợi dây kết nối các giá trị, các thể hệ khác nhau, tạo nên sức mạnh dân tộc Việt Nam. Tính nhân văn được thể hiện ở lòng nhân ái, khoan dung, nhân nghĩa, tình yêu quê hương, đất nước, gìn giữ những giá trị truyền thống, các phong tục, tập quán tốt đẹp,... làm nền tảng cho sự phát triển, hướng đích đến Chân - Thiện - Mĩ. Giá trị nhân văn vừa mang yếu tố tinh thần, có sức lan tỏa mạnh mẽ, vừa góp phần tạo ra những giá trị vật chất cho sự phát triển kinh tế - xã hội.

con lũ khủng khiếp ấy đọng lại nhiều điều tốt đẹp về tình người. Giữa tâm lũ, lực lượng quân đội, công an, thanh niên trở thành mũi xung kích thực hiện công tác sơ tán dân, tài sản, cứu hộ, cứu nạn

khẩn cấp. Và cũng giữa vùng lũ ấy nhận hàng trăm tấn hàng viện trợ, hàng tỷ đồng trợ cấp từ các tổ chức, cá nhân khắp mọi miền Tổ quốc gửi về. Đó là những ngọn lửa của hơi ấm tình người, thắp dậy niềm tin và động lực cho người dân vùng lũ vượt qua tang thương và hồi sinh sự sống.

Trong cuộc sống hàng ngày, chúng ta còn xúc động được biết đến những câu chuyện "cổ tích trong đời thường" của những tấm gương người tốt, việc tốt ở nhiều lứa tuổi, đến từ nhiều vùng miền và lĩnh vực, hoàn cảnh khác nhau. Đó là những thầy, cô giáo dành cả cuộc đời đem con chữ cho trẻ em lang thang, cơ nhỡ ở vùng sâu, vùng xa; những người đã tự nguyện hiến tặng tất cả tài sản, đất đai, nhà cửa để nhận chăm sóc, nuôi dưỡng người cô đơn, không nơi nương tựa, trẻ mồ côi. Đó còn là những người tham gia tích cực vào các chương trình của cộng đồng vì người nghèo, tự nguyện ủng hộ, quyên góp

hàng trăm tỷ đồng vào các chương trình thiện nguyện. Hay đơn giản là những chương trình ấm lòng được triển khai trong các cơ sở giáo dục như: Ủng hộ trẻ em vùng cao; Áo ấm cho em; Tiếp sức trẻ em đến trường...

Những tháng năm gần đây nhất, khi đại dịch Covid-19 bùng phát trên thế giới và cả nước ta, cộng đồng dân tộc Việt Nam như được “kích hoạt”, tinh thần nhân văn - nhân ái trong mỗi con người lại được khơi dậy và tạo ra hiệu ứng lan tỏa vô cùng mạnh mẽ. Không dẫn đo, không kỳ thị, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân đồng lòng nhường cơm sẻ áo, lá lành đùm lá rách, chung lưng đấu cật vượt qua thử thách của cuộc chiến đầy khốc liệt. Chúng ta được chứng kiến những hình ảnh ít xuất hiện trong hoàn cảnh bình thường. Đó là những chuyến bay hồi hương Chính phủ Việt Nam đón những người con trên khắp thế giới về đất nước làm lay động trái tim của hàng triệu đồng bào mang dòng máu Việt. Đó là những chuyến xe lên đường chi viện của các cán bộ, chuyên gia y tế đến nơi tuyến đầu chống dịch. Đó là những gói hỗ trợ khổng lồ có tổng giá trị lên đến hàng chục tỷ đồng, hay các cây gạo ATM miễn phí, cửa hàng tiện lợi miễn phí..., giúp những người yếu thế không bị “lãng quên” giữa đại dịch. Với sức mạnh đoàn kết, ý chí một lòng đã đưa Việt Nam trở thành “điểm sáng” trong phòng chống dịch Covid-19 toàn cầu.

Bồi đắp giá trị nhân văn trong bối cảnh mới

Trong xã hội, giá trị nhân văn ít nhiều chịu ảnh hưởng từ hệ tư tưởng, môi trường chính trị, bối cảnh xã hội từng thời kỳ. Mỗi thời kỳ, giá trị nhân văn lại có những yêu cầu, đòi hỏi khác nhau. Nhận thức về một xã hội nhân văn với

những khát vọng phát triển trong bối cảnh mới hiện nay cũng đã có sự thay đổi trong cách nhìn nhận.

Những năm vừa qua, xã hội Việt Nam đã có những bước phát triển mạnh mẽ để hòa chung vào tiến trình vận động của toàn cầu trong thời đại 4.0, nơi mà con người khó có thể kiểm soát thông tin. Việt Nam tham gia vào sân chơi hội nhập thế giới khiến câu chuyện giáo dục nhân văn ngày càng được chú ý hơn.

Trong xã hội hiện đại, ngoài những giá trị nhân văn truyền thống (lòng yêu nhà, yêu nước, tinh thần tự hào dân tộc, tự lực tự cường, nhân ái, nghĩa tình thủy chung, vị tha, độ lượng, hiếu học, sáng tạo, đoàn kết, cần kiệm, cởi mở lạc quan, dũng cảm kiên cường, gắn bó với gia tộc quê hương, biết ơn tổ tiên, tôn trọng người cao tuổi...) thì giá trị nhân văn hiện đại cũng là vấn đề được hướng đến, như hoà bình, tự do, dân chủ, bình đẳng, công bằng; ý thức bảo vệ môi trường, trật tự an ninh; năng động sáng tạo, tự lập; có tinh thần hữu nghị hợp tác...

Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh: “Khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, ý chí tự cường và phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc...; lấy giá trị văn hóa, con người Việt Nam là nền tảng, sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững. Phải có cơ chế, chính sách phát huy tinh thần cống hiến vì đất nước; mọi chính sách của Đảng, Nhà nước đều phải hướng vào nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và hạnh phúc của nhân dân.

Với quan điểm này, chủ trương khơi dậy và phát huy hệ giá trị nhân văn, lấy các giá trị văn hóa, phát triển con người toàn diện

làm nền tảng, sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm phát triển bền vững là mục tiêu, nhiệm vụ xuyên suốt của cách mạng nước ta. Đảng và Nhà nước xác định giá trị nhân văn là giá trị cốt lõi đối với mỗi con người, giáo dục cần hoàn thành sứ mệnh quan trọng là định hướng và tổ chức dẫn dắt quá trình hình thành, phát triển đạo đức, nhân cách con người - nền tảng để xây dựng một xã hội nhân văn.

Để hội nhập với thế giới mà không mất đi bản sắc dân tộc, vừa tiếp thu những hệ giá trị mới của nhân loại vừa kế thừa những giá trị “tốt đẹp” của truyền thống, khơi dậy giá trị nhân văn, Việt Nam sẽ hướng đến những giá trị nhân văn cốt lõi. Trong bối cảnh hiện nay, Việt Nam coi trọng việc gìn giữ bản sắc văn hóa và nhân văn dân tộc, lưu giữ và phát huy các giá trị, phẩm chất nhân văn truyền thống; phát triển con người Việt Nam toàn diện trong thời kỳ mới. Phát huy dân chủ gắn với tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội; giá trị nhân văn trong chính trị được biểu hiện trước hết và tập trung ở Hiến pháp. Đảng và Nhà nước luôn đề cao dân chủ trên cơ sở đề cao, thượng tôn pháp luật, coi đây là nền tảng quan trọng xây dựng xã hội công bằng, nhân văn. Cùng với đó, đưa văn hóa, nhân văn thấm sâu vào hoạt động lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, vào các mối quan hệ phối hợp công tác, đời sống xã hội, là nền tảng vững bền cho sự phát triển. Phát triển kinh tế gắn với giải quyết hài hòa các vấn đề xã hội. Tăng trưởng kinh tế gắn với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo vệ môi trường.

(Xem tiếp trang 36)

DU LỊCH BÌNH THUẬN TIỀM NĂNG VÀ KỶ VỌNG CẤT CÁNH

Thu Hòa

Du lịch Bình Thuận: Tiềm năng và một số kết quả đạt được

Là tỉnh ven biển cực Nam Trung Bộ, Bình Thuận là cửa ngõ giao lưu kinh tế, văn hóa, xã hội với các địa phương vùng Đông Nam Bộ, các tỉnh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Bình Thuận cũng là giao điểm nối liền với các trung tâm du lịch lớn của khu vực phía Nam như Nha Trang, Đà Lạt, TP. Hồ Chí Minh, Bà Rịa-Vũng Tàu... Đặc biệt, thiên nhiên ưu ái ban tặng cho Bình Thuận 192 km bờ biển; nhiều đảo, cù lao, vũng, vịnh đẹp; bãi biển với bờ cát trắng, nước trong xanh, tạo nên nhiều điểm du ngoạn nổi tiếng. Bình Thuận còn có tài nguyên du lịch nhân văn với nhiều di tích lịch sử, văn hóa và lễ hội truyền thống đặc sắc cấp quốc gia và tỉnh... tạo thuận lợi cho ngành du lịch tổ chức các hoạt động phong phú, đa dạng hấp dẫn du khách trong nước và quốc tế. Đây là tiềm năng to lớn để Bình Thuận phát triển kinh tế - xã hội nói chung và ngành du lịch nói riêng.

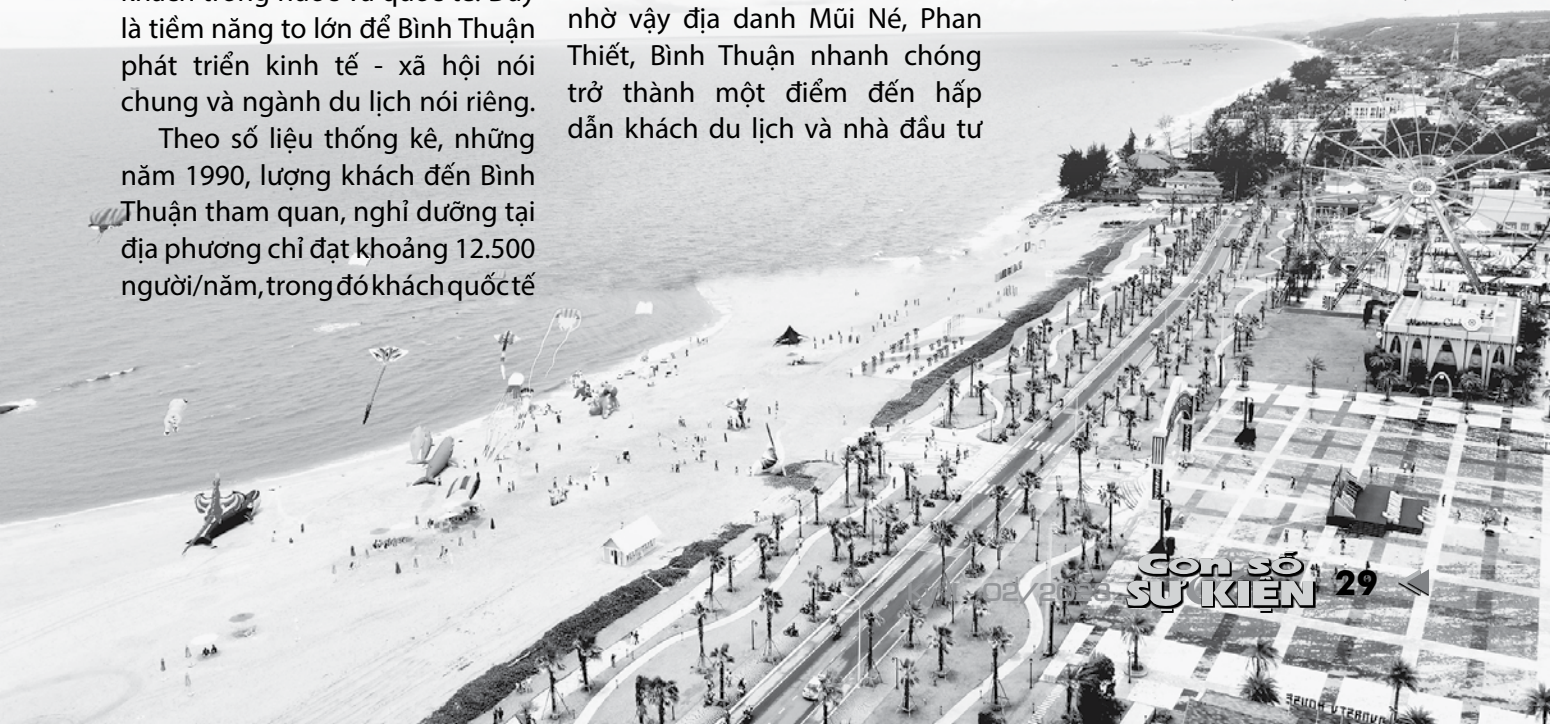
Theo số liệu thống kê, những năm 1990, lượng khách đến Bình Thuận tham quan, nghỉ dưỡng tại địa phương chỉ đạt khoảng 12.500 người/năm, trong đó khách quốc tế

Với nhiều tiềm năng và quyết tâm phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn trong thời gian tới, Bình Thuận đang kỳ vọng sự cất cánh của ngành du lịch tỉnh trong năm 2023 với sự kiện đăng cai tổ chức năm Du lịch quốc gia 2023 theo chủ đề: Bình Thuận - Hội tụ xanh. Tỉnh coi đây là cơ hội quan trọng để giới thiệu, quảng bá các giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể, thiên nhiên đặc sắc của Việt Nam nói chung và vùng đất Bình Thuận nói riêng đến với du khách trong và ngoài nước, tạo cú hích mạnh mẽ để ngành du lịch phục hồi và phát triển mạnh mẽ trong giai đoạn mới, góp phần nâng cao vị thế, hình ảnh đất nước và con người Việt Nam trên trường quốc tế.

xấp xỉ 1000 người, doanh thu từ ngành này mang lại mỗi năm khoảng hơn 6 tỷ đồng. Tuy nhiên, sau sự kiện nhật thực toàn phần tại Mũi Né, Phan Thiết vào ngày 24/10/1995 đã thu hút một lượng lớn các đoàn chuyên gia, khoa học trong và ngoài nước, các lượt khách du lịch đến chiêm ngưỡng hiện tượng thiên nhiên này, nhờ vậy địa danh Mũi Né, Phan Thiết, Bình Thuận nhanh chóng trở thành một điểm đến hấp dẫn khách du lịch và nhà đầu tư

trong và ngoài nước. Từ sự tăng cường đầu tư phát triển du lịch và nguồn tài nguyên du lịch phong phú được khơi dậy đã đánh dấu cho sự vươn lên đầy ấn tượng của du lịch Bình Thuận.

Đặc biệt, trong những năm gần đây với sự định hướng và quyết tâm đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, Bình Thuận



đã và đang nỗ lực xây dựng thương hiệu du lịch biển gắn với việc tổ chức các sự kiện quốc tế mang đặc trưng riêng như: Cuộc thi Hoa hậu Trái Đất năm 2010, Giải lướt ván buồm Cúp thế giới PWA Mũi Né-Việt Nam, Lễ hội Khinh khí cầu Quốc tế Việt Nam lần thứ I-Bình Thuận năm 2012 tại Hàm Tiến-Mũi Né, Vòng chung kết Hoa hậu Đại Dương năm 2014,... các sự kiện diễn ra khá thành công, tạo được hiệu ứng cao trong việc giới thiệu, quảng bá sâu, rộng hình ảnh du lịch Bình Thuận đến với du khách... Vượt qua nhiều khó khăn, thách thức, đến nay du lịch Bình Thuận đã đạt được những thành tựu đột phá và có sự phát triển liên tục với những chuyển biến mạnh mẽ cả về chiều rộng lẫn chiều sâu. Hiệu quả đầu tư cùng môi trường đầu tư thông thoáng cũng đã thu hút mạnh các nhà đầu tư kinh doanh du lịch đến Bình Thuận. Hiện, toàn tỉnh Bình Thuận thu hút 383 dự án du lịch còn hiệu lực, tổng vốn đầu tư 68.831 tỷ đồng; trong đó có 22 dự án đầu tư nước ngoài với tổng vốn đầu tư là 11.231 tỷ đồng; 361 dự án đầu tư trong nước với tổng vốn đăng ký là 57.600 tỷ đồng. Tổng số dự án đã đi vào hoạt động là 188 dự án.

Cơ sở hạ tầng, vật chất kỹ thuật ngành du lịch của tỉnh không ngừng được đầu tư, tăng trưởng, Bình Thuận đã xây dựng và hình thành tuyến đường ven biển trải dài từ La Gi đến Tuy Phong; các dịch vụ du lịch phát triển ngày càng đa dạng; môi trường tự nhiên và môi trường xã hội ngày càng được cải thiện, tạo điều kiện thu hút đầu tư, phát triển du lịch. Đặc biệt, giai đoạn 2021 - 2025, Bình Thuận hướng tới trở thành Trung tâm Du lịch - Thể thao biển mang tầm quốc gia. Tỉnh tập trung

đầu tư xây dựng có trọng tâm, trọng điểm với các sản phẩm du lịch - thể thao biển đặc trưng, dọc theo bãi biển từ huyện Tuy Phong đến thị xã La Gi, với trung tâm là Khu du lịch quốc gia Mũi Né và các khu du lịch vệ tinh. Hiện nay, Bình Thuận đã ghi tên mình trong danh sách 10 tỉnh du lịch nổi bật của Việt Nam, Mũi Né trở thành 1 trong 6 Khu du lịch quốc gia của cả nước.

Bên cạnh sự phát triển nhanh chóng của hệ thống cơ sở vật chất, dịch vụ ăn uống, mua sắm và các dịch vụ khác phục vụ khách du lịch cũng đã và đang ngày càng nâng cao về chất lượng, chuyên nghiệp, đáp ứng nhu cầu của khách du lịch; dịch vụ vận chuyển khách tham quan, du lịch... đặc biệt là các dịch vụ thể thao biển ngày càng phong phú, đa dạng như: Lướt ván buồm, lướt ván diều, lặn biển... Toàn tỉnh có gần 600 cơ sở lưu trú du lịch với trên 17.500 phòng. Đối với loại hình khách sạn, nhà nghỉ, nhà ở có phòng cho thuê, toàn tỉnh có trên 530 cơ sở cùng nhiều căn hộ và biệt thự, đảm bảo phục vụ đa dạng các dòng du khách vào cùng một thời điểm.

Cục Thống kê tỉnh Bình Thuận cho biết, kết thúc năm 2022, hoạt động du lịch của tỉnh đã có sự phục hồi nhanh chóng (sau những ảnh hưởng tiêu cực của đại dịch Covid-19), lượng khách du lịch cả năm 2022 ước đạt 5.720,2 ngàn lượt khách, tăng 3,2 lần so với cùng kỳ năm 2021, ngày khách du lịch ước đạt 10.275,5 ngàn ngày khách, tăng 3,3 lần so với cùng kỳ năm 2021. Doanh thu từ hoạt động du lịch dự ước năm 2022 đạt 13.680,3 tỷ đồng, tăng 3,3 lần so với cùng kỳ năm 2021. Lượng khách quốc tế đạt 87,7 ngàn lượt khách, tăng 3,8 lần; ngày khách

phục vụ ước đạt 346,6 ngàn ngày khách, tăng 3,9 lần. Du lịch phát triển đã tạo việc làm ổn định cho khoảng 22.300 lao động làm việc trực tiếp trong ngành du lịch.

Đặc biệt, trong tháng đầu tiên của năm 2023, du lịch Bình Thuận đón gần 700 nghìn lượt khách, đem về doanh thu từ hoạt động du lịch ước đạt 1.793 tỉ đồng. Các con số này đều tăng hơn 2 lần so với cùng kỳ năm 2022. Cũng trong tháng 01/2023, tình hình đón khách quốc tế của du lịch Bình Thuận đã có sự tăng trưởng trở lại, dự ước đạt gần 24.000 lượt, trong đó khách đến từ Hàn Quốc và Nga chiếm tỷ lệ cao. Ngoài ra, Bình Thuận luôn ghi nhận mức khá đồng đều trong tỷ trọng khách quốc tế từ các thị trường Trung Quốc, Thái Lan và các thị trường đích như Đức, Phần Lan. Du khách tập trung nhiều ở khu vực Hàm Tiến - Mũi Né, Tiến Thành, Hàm Thuận Nam, La Gi, Tuy Phong... Theo thống kê từ ngày mừng 2 đến hết ngày mừng 5 Tết Quý Mão 2023, lượng khách du lịch khá đông, đa số cơ sở lưu trú xếp hạng 3-5 sao đều đạt công suất phòng tối đa. Tính bình quân trong 7 ngày Tết, các khách sạn- resort từ 3-5 sao đạt tỷ lệ sử dụng buồng phòng khoảng 75-85%, với nhà nghỉ - khách sạn từ 1-2 sao thì đạt công suất 60-75%...

Có thể thấy, việc du lịch phát triển nhanh chóng và sự hình thành của những công trình lớn như đường cao tốc và sân bay là yếu tố quan trọng giúp Bình Thuận trở thành thị trường bất động sản du lịch nghỉ dưỡng giàu tiềm năng. Ngoài ra, sự xuất hiện của những dự án quy mô lớn được quy hoạch, phát triển bài bản cũng là lý do thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của ngành du lịch và kinh tế toàn tỉnh...

Sẵn sàng cho năm du lịch quốc gia 2023: Bình Thuận - Hội tụ xanh

Sự kiện đấng cai Năm du lịch quốc gia 2023 với chủ đề Bình Thuận - Hội tụ xanh được xem là cơ hội để du lịch Bình Thuận "cất cánh". Đến nay, với sự vào cuộc mạnh mẽ của chính quyền địa phương và công tác chuẩn bị của doanh nghiệp lữ hành, lưu trú, các sự kiện, hoạt động sẽ diễn ra tại Bình Thuận cho Năm Du lịch Quốc gia 2023 đã và đang được địa phương chuẩn bị sẵn sàng. Tỉnh ủy Bình Thuận đã ban hành Nghị quyết về phát triển du lịch đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, trong đó, thu hút các nhà đầu tư có thương hiệu, tiềm lực, kinh nghiệm, uy tín đầu tư vào tỉnh; phát triển đa dạng các sản phẩm, dịch vụ du lịch; nâng cao khả năng cạnh tranh của du lịch Bình Thuận là định hướng chiến lược quan trọng để đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn và là trụ cột kinh tế của tỉnh. Các doanh nghiệp du lịch đã chủ động xây dựng chương trình kích cầu du lịch, triển khai nhiều gói sản phẩm du lịch hấp dẫn, chú trọng chất lượng dịch vụ tốt nhằm thu hút du khách. Nhờ đó, hoạt động tại nhiều khu du lịch trên địa bàn Bình Thuận diễn ra khá sôi động và là tín hiệu tích cực cho toàn ngành khởi đầu năm mới tràn đầy hy vọng.

Bên cạnh đó, để phát huy vai trò của du lịch Bình Thuận trong liên kết, tạo động lực thúc đẩy phát triển du lịch giữa các địa phương trên cả nước; đồng thời làm tốt vai trò của tỉnh đấng cai tổ chức Năm Du lịch quốc gia 2023, Bình Thuận hiện đang tích cực phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương khẩn trương thi công hoàn thành tuyến đường bộ cao tốc

Bắc - Nam (phía Đông), đoạn qua địa bàn tỉnh; Cảng hàng không Phan Thiết; thi công hoàn thành các trục đường ven biển và tuyến kết nối đường ven biển với Quốc lộ 1A, cao tốc. Bên cạnh đó, tỉnh ưu tiên bố trí nguồn ngân sách và huy động đa dạng các nguồn lực để trùng tu, tôn tạo các di tích lịch sử, văn hóa của tỉnh; đầu tư công viên, quảng trường biển, kè biển, bến du thuyền, khu neo đậu tàu thuyền, bãi đậu xe... phục vụ phát triển du lịch. Tỉnh cũng đầu tư phát triển hạ tầng số phục vụ yêu cầu chuyển đổi số và dịch vụ du lịch thông minh, mời gọi đầu tư các Trung tâm thương mại lớn phục vụ nhu cầu mua sắm của người dân và du khách...

Theo kế hoạch, Năm Du lịch Quốc gia 2023 có 208 sự kiện, hoạt động, trong đó có 13 hoạt động tầm quốc gia do Bộ Văn hóa, thể thao và Du lịch, các bộ, ban, ngành Trung ương tổ chức. Tỉnh Bình Thuận chủ trì tổ chức chuỗi 31 sự kiện, hoạt động, văn hóa, thể thao, du lịch đặc sắc, hấp dẫn quy mô liên tỉnh, quốc gia, quốc tế diễn ra xuyên suốt năm 2023. Cùng với đó sẽ có 164 sự kiện, hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch hưởng ứng do 41 tỉnh, thành tổ chức.

Năm Du lịch quốc gia 2023 - Bình Thuận với các hoạt động kéo dài trong cả năm nhằm giới thiệu, quảng bá các giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể, tài nguyên và sản phẩm du lịch đặc sắc của con người, đất nước Việt Nam nói chung và vùng đất Bình Thuận nói riêng nhằm thu hút khách du lịch trong nước và quốc tế đến Việt Nam và tỉnh Bình Thuận; tạo sự phát triển đột phá về du lịch, góp phần phát triển kinh tế - xã hội trong những năm tiếp theo.

Theo kế hoạch, các hoạt động trong Năm Du lịch quốc gia

hướng đến sản phẩm xanh, năng lượng sạch, tạo ra môi trường thân thiện và an toàn đến sức khỏe, bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa và các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc; hướng đến một nền tảng trường xanh, phát triển du lịch bền vững. Hơn thế, du lịch phát triển sẽ góp phần thúc đẩy các ngành khác cùng phát triển, giải quyết tốt vấn đề lao động, việc làm và an sinh xã hội của tỉnh Bình Thuận.

Sự kiện đầu tiên của Năm Du lịch quốc gia 2023 là Lễ công bố "Năm Du lịch quốc gia 2023 - Bình Thuận - Hội tụ xanh" gắn với lễ hội đếm ngược (countdown) tổ chức ngày 31/12/2022 tại TP. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận. Lễ khai mạc Năm Du lịch Quốc gia 2023 dự kiến diễn ra vào tháng 3/2023 tại NovaWorld Phan Thiết.

Trong khuôn khổ Năm Du lịch quốc gia 2023, hàng loạt sự kiện văn hóa, thể thao và du lịch mang tầm quốc tế sẽ được tổ chức tại Bình Thuận như: Lễ hội ẩm thực quốc tế, trại hè, ngày hội thể thao quốc tế, tuần lễ văn hóa đường phố, liên hoan các ban nhạc quốc tế tại Bình Thuận, festival nghệ thuật biểu diễn thế giới...

Những sự kiện quy mô quốc gia gồm các giải thể dục thể thao như: Chạy marathon, đua thuyền rowing và canoeing, lặn sục rỗng, đua xe đạp, bóng bàn, đua thuyền truyền thống, golf, võ vovinam... và chương trình Tuần lễ vàng du lịch Bình Thuận - Hội tụ xanh. Các hoạt động trong Năm Du lịch quốc gia 2023 hướng đến sản phẩm xanh, năng lượng sạch, tạo ra môi trường thân thiện và an toàn đến sức khỏe, bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa và các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc; hướng đến một nền tảng trường xanh, phát triển du lịch bền vững.

Ngoài ra, trong khuôn khổ Năm Du lịch Quốc gia 2023, tỉnh Bình Thuận sẽ phối hợp với các địa phương Ninh Thuận, Lâm Đồng, TP. Hồ Chí Minh tổ chức một số hoạt động mang tính liên tỉnh, liên vùng. Cụ thể, tổ chức đoàn famtrip khảo sát du lịch TP. Hồ Chí Minh - Bình Thuận - Ninh Thuận - Lâm Đồng; tổ chức giải đua xe đạp đường trường Ninh Thuận - Bình Thuận, giải thuyền buồm, giải golf quốc tế tại Ninh Thuận và Bình Thuận...

Không chỉ nhắm tới thị trường trong nước, tỉnh Bình Thuận luôn duy trì quan điểm đa dạng hóa thị trường khách du lịch. Theo đó, Tỉnh đã và đang triển khai các hoạt động quảng bá, xúc tiến du lịch như tại Hội chợ Du lịch Thế giới London, Lễ hội Du lịch, Văn hóa Việt Nam tại Hàn Quốc...

Với sự chuẩn bị kỹ lưỡng từ Trung ương tới địa phương, sự sẵn sàng chào đón Năm Du lịch quốc gia 2023 được kỳ vọng sẽ mang lại những hiệu ứng lan tỏa tích cực cho du lịch Bình Thuận nói riêng và Việt Nam nói chung. Các chuyên gia cho rằng, thông qua việc tổ chức Năm Du lịch quốc gia 2023, Bình Thuận sẽ là nơi kết nối và hội tụ giữa các tỉnh trong khu vực lân cận và xa hơn nữa là khu vực phía Bắc và các nước châu Á - Thái Bình Dương để gắn kết cùng nhau phát triển kinh tế và du lịch. Theo đó, những giá trị, tiềm năng của du lịch Bình Thuận nói riêng và du lịch Việt Nam nói chung sẽ được hội tụ, phát huy và quảng bá hiệu quả, góp phần hiện thực hóa mục tiêu đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh Bình Thuận./.

AN GIANG: KIM NGẠCH XUẤT KHẨU CÁ TRA TĂNG TRƯỞNG BÚT PHÁ

ThS. Trương Văn Tấn - Cục Thống kê tỉnh An Giang

ThS. Huỳnh Thị Minh Trang

Trường Chính trị Tôn Đức Thắng tỉnh An Giang

Tiếp nối đà tăng trưởng, xuất khẩu cá tra tỉnh An Giang năm 2022 có sự tăng trưởng bút phá với giá trị đạt gần 315 triệu USD, tăng 13,59% so với năm 2021. Có được kết quả này, là nhờ các doanh nghiệp chế biến đã tận dụng cơ hội nhu cầu thị trường phục hồi mạnh mẽ sau đại dịch Covid-19, đặc biệt, lợi thế cạnh tranh về giá khi lạm phát ở các nước Châu Âu tăng cao người dân ưu tiên chi tiêu cho thực phẩm.

Tăng trưởng bút phá

Theo báo cáo xuất, nhập khẩu hàng hóa của Tỉnh, xuất khẩu cá tra của các doanh nghiệp trong tỉnh có sản lượng gần 130 ngàn tấn, giá trị 315 triệu USD. Trong đó, xuất khẩu trực tiếp có sản lượng gần 127 ngàn tấn, giá trị 309,2 triệu USD, chiếm 98,05 về lượng và 98,13% về giá trị kim ngạch xuất khẩu. So với năm 2021, xuất khẩu trực tiếp năm 2022 tăng 13,71% về lượng và tăng 13,95% về giá trị. Đạt được kết quả này, là do năm 2021 thị trường các nước nhập khẩu cá tra bị thiếu hụt nguồn hàng dự trữ bởi dịch Covid-19 làm đứt gãy chuỗi cung ứng. Sang năm 2022, các doanh nghiệp chế biến cá tra đã tận dụng cơ hội đẩy mạnh xuất khẩu sang thị trường các nước nên sản lượng và giá trị đều tăng trưởng bút phá. Cụ thể, xuất khẩu cá tra quý I của các doanh nghiệp có sản lượng 31 ngàn tấn và giá trị đạt 75,39 triệu USD, tăng 4,57% về lượng và 5,23% về giá trị. Bước sang quý II, xuất khẩu cá tra của các doanh nghiệp tiếp tục tăng lên về sản lượng 35,5 ngàn tấn, giá trị đạt 86,3 triệu USD, tăng 13,08% về lượng và 13,52 về giá trị. Cộng dồn 6 tháng đầu năm 2022, xuất khẩu cá tra của các doanh nghiệp có sản lượng 66,5 ngàn tấn và giá trị đạt 161,7 triệu USD, tăng 8,95% về lượng và 8,95% về giá trị. Tiếp nối đà tăng trưởng, xuất khẩu cá tra của các doanh nghiệp quý III có sản lượng 77,2 ngàn tấn, giá trị đạt 31,7 triệu USD, tăng 24,02% về lượng và 23,27% về giá trị. Tương tự, quý IV xuất khẩu cá tra của các doanh nghiệp cũng duy trì ổn định với sản lượng 76,1 ngàn tấn và giá trị đạt 31,3 triệu USD, tăng 12,91% về lượng và 13,82% về giá trị. Cộng dồn 6 tháng cuối năm 2022, xuất khẩu cá tra của các doanh nghiệp có sản lượng 153,3 ngàn tấn và giá trị đạt 63,0 triệu USD, tăng 18,39% về lượng và 18,25% về giá trị.

Năm 2022, giá cá tra xuất khẩu tăng cũng là yếu tố làm cho kim ngạch xuất khẩu cá tra của tỉnh tăng trưởng bút phá. Nguyên nhân do chi phí con giống, giá thức ăn, xăng, dầu và các loại chí phí khác đều tăng làm cho giá thành sản xuất tăng lên. Nhưng trong bối cảnh lạm phát giá khi các mặt hàng thực phẩm ở các thị trường xuất khẩu cá tra chủ lực

đều tăng cao thì mức tăng giá của sản phẩm cá tra vẫn được người tiêu dùng chấp nhận. Trong năm 2022, giá cá tra xuất khẩu bình quân các quý đều cao hơn so với cùng kỳ. So với năm 2021, tốc độ tăng giá xuất khẩu bình quân ở các quý lần lượt là quý I/2022 tăng 0,64% (giá xuất bình quân là 2.434,59 USD/tấn), quý II/2022 tăng 0,39% (giá xuất bình quân là 2.428,65 USD/tấn), quý III/2022 tăng 0,61% (giá xuất bình quân là 2.433,94 USD/tấn), quý IV/2022 tăng 0,54% (giá xuất bình quân là 2.432,23 USD/tấn). Tính chung, năm 2022 giá cá tra xuất khẩu bình quân là 2.432,58 USD/tấn, tăng 0,21% so với năm 2021 (giá xuất bình quân năm 2021 là 2.427,41 USD/tấn).

Thị trường mở rộng

Tận dụng hiệu quả các Hiệp định tự do thương mại (FTA) đã được ký kết với các nước, trong đó, 11 FTA được ký kết và có hiệu lực với nhiều ưu đãi về thuế quan giúp tăng thêm lợi thế cạnh tranh cho các mặt hàng cá tra xuất khẩu và mở rộng thị trường. Bên cạnh các FTA thế hệ cũ, việc tham gia các FTA thế hệ mới như Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA) cũng tạo điều kiện thuận lợi cho xuất khẩu cá tra sang thị trường các nước đối tác. Với Hiệp định CPTPP có 11 nước

tham gia (thuế được cắt giảm về 0%), Hiệp định EVFTA với gần 50% số dòng thuế có thuế suất cơ sở 0 - 22% được giảm về 0%, các doanh nghiệp chế biến cá tra trong tỉnh đã xuất khẩu trực tiếp sang thị trường 78 nước trên thế giới. Châu Á trong đó dẫn đầu về số lượng thị trường xuất khẩu với 29 nước, tiếp theo là Châu Âu với 21 nước, Châu Mỹ với 18 nước, Châu Phi với 07 nước và Châu Đại Dương với 03 nước.

Năm 2022, đứng đầu cả về sản lượng và giá trị xuất khẩu cá tra là thị trường các nước Châu Á. Xuất khẩu cá tra sang thị trường các nước Châu Á có sản lượng 70,6 ngàn tấn với giá trị đạt 172,4 triệu USD (chiếm 55,78% giá trị xuất khẩu trực tiếp), tăng 13,38% về lượng và 13,41% về giá trị. Ở thị trường Châu Á, đứng đầu về sản lượng và giá trị xuất khẩu cá tra là thị trường Trung Quốc. Việc thực hiện chính sách "Zero Covid" của Trung Quốc đã ảnh hưởng đến các ngành sản xuất trong nước, trong đó, có ngành thủy sản. Chính vì vậy, nhu cầu nhập khẩu các sản phẩm cá tra thị trường Trung Quốc cũng tăng mạnh để bù đắp cho sản lượng thiếu hụt trong nước. Năm 2022, xuất khẩu của các doanh nghiệp chế biến cá tra trong tỉnh sang Trung Quốc có sản lượng 17,5 ngàn tấn có giá trị 39,0 triệu USD, chiếm 24,85% về lượng và 22,64% về giá trị thị trường Châu Á.

Xuất khẩu cá tra sang các nước thuộc khối ASEAN cũng tăng mạnh nhờ tận dụng lợi thế về địa lý, thuế quan ưu đãi của các Hiệp định FTA khu vực và song phương đã ký kết. Trong khối ASEAN, Thái Lan là nước nhập khẩu lớn nhất với sản lượng 8,4 ngàn tấn với giá trị 18,5 triệu USD, thứ hai là Malaysia với sản lượng 6,0 ngàn tấn với giá trị 16,3 triệu USD và thứ ba là Singapore có sản lượng 3,7 ngàn tấn với giá trị 9,6 triệu USD. Tính chung, xuất khẩu cá tra sang thị trường 03 nước (Thái Lan, Malaysia và Singapore) thuộc khối ASEAN có sản lượng 18,2 ngàn tấn với giá trị 44,5 triệu USD, chiếm 25,81% về lượng và 25,78% về giá trị thị trường Châu Á. Khu vực Trung Đông, Arab Saudi là nước nhập khẩu cá tra nhiều nhất với sản lượng 8,8 ngàn tấn, giá trị 24,8 triệu USD. Nằm trong nhóm các nước nhập khẩu cá tra nhiều ở thị trường Châu Á còn có Ấn Độ với sản lượng 5,3 ngàn tấn, giá trị 12,6 triệu USD, đặc khu hành chính Hồng Kông (Trung Quốc) sản lượng 4,5 ngàn tấn, giá trị 12,6 triệu USD.

Xuất khẩu cá tra sang thị trường Châu Mỹ năm 2022 có sản lượng 28,2 ngàn tấn với giá trị 67,9 triệu USD (chiếm 21,97% giá trị xuất khẩu trực tiếp), tăng 14,62% về lượng và 15,17% về giá trị. Ở thị trường Châu Mỹ, xuất khẩu cá tra có sự tăng trưởng mạnh mẽ ở các thị trường nhỏ và chiếm phần lớn cơ cấu sản lượng và giá trị xuất khẩu. Cụ thể, xuất khẩu cá tra sang thị trường 03 nước Mexico, Brazil và Colombia có sản lượng gần 24 ngàn tấn, giá trị đạt gần 57 triệu USD, chiếm 84,41% về lượng và 83,89% về giá trị của thị trường Châu Mỹ.

Xuất khẩu cá tra sang thị trường Châu Âu tiếp tục tăng lên về sản lượng và giá trị nhờ tận dụng các ưu đãi thuế quan từ Hiệp định EVFTA - Việt Nam đã được ký kết



và có hiệu lực. Cùng với lợi thế về giá khi giá cả các mặt hàng thực phẩm ở các nước Châu Âu liên tục tăng do lạm phát người tiêu dùng ưu tiên chọn sản phẩm cá tra do giá cả phải chăng. Năm 2022, xuất khẩu cá tra sang thị trường Châu Âu có sản lượng 20,8 ngàn tấn và kim ngạch 50,1 triệu USD (chiếm 16,21% giá trị xuất khẩu trực tiếp), tăng 13,62% về lượng và 14,12% về giá trị. Xuất khẩu cá tra chủ yếu sang 02 thị trường Anh, Hà Lan và Ý với sản lượng 10,1 ngàn tấn và giá trị 25,3 triệu USD, chiếm 48,53% về lượng và 50,55% về giá trị của thị trường Châu Âu.

Tương tự, xuất khẩu cá tra sang thị trường Châu Phi và Châu Đại Dương cũng tăng trưởng mạnh. Năm 2022, xuất khẩu cá tra sang 02 thị trường có sản lượng 7,4 ngàn tấn, giá trị 18,7 triệu USD, tăng 13,78% về lượng và 14,03% về giá trị. Đối với thị trường Châu Phi, xuất khẩu cá tra chủ yếu sang Ai Cập với sản lượng 3,3 ngàn tấn, giá trị 6,9 triệu USD, tăng 13,74% về lượng và 13,77% về giá trị. Thị trường Châu Đại Dương, kim ngạch xuất khẩu cá tra phần lớn sang Úc với sản lượng 2,8 ngàn tấn, giá trị 8,4 triệu USD, tăng 14,20% về lượng và 14,44% về giá trị.

Định hướng năm 2023

Mặt hàng cá tra là một trong hai sản phẩm chủ lực của tỉnh An Giang, chiếm cơ cấu lớn trong cơ cấu giá trị sản và đóng góp nhiều vào tốc độ tăng trưởng kinh tế khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản. Bước sang năm 2023 với nhiều cơ hội và thách thức, để kim ngạch xuất khẩu cá tra tiếp tục tăng tốc, ngành thủy sản An Giang cần có kế hoạch phát triển theo một số định hướng sau:

- Về hoạt động nuôi trồng: cần mở rộng các chuỗi liên kết để gắn người nuôi với doanh nghiệp

để đảm bảo ổn định nguồn nguyên liệu cho hoạt động chế biến, chất lượng sản phẩm đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật ngày càng khắt khe của thị trường xuất khẩu. Tiếp tục thực hiện việc cấp mã số nuôi trồng, chứng nhận tiêu chuẩn nuôi trồng (GAP, ASC, BAP...) để đảm bảo việc truy xuất nguồn gốc sản phẩm. Tạo thuận lợi để các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh xây dựng vùng nuôi với quy mô lớn, đảm bảo các điều kiện về môi trường, nuôi theo hướng công nghệ cao phù hợp với định hướng phát triển vùng nguyên liệu chất lượng cao của tỉnh.

- Về thị trường xuất khẩu: Xuất khẩu cá tra có sự chuyển dịch rõ rệt từ các thị trường truyền thống sang các thị trường mới. Trong thời gian tới, ngoài việc duy trì kim ngạch ở các thị trường chủ chốt thì cần phải mở rộng thị trường xuất khẩu để giảm bớt rủi ro, cụ thể: Đối với thị trường Châu Á, Hiệp định đối tác Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP) giữa ASEAN và 6 nước là Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Australia và New Zealand với các cam kết mở cửa thị trường hàng hóa, dịch vụ, đầu tư, đơn giản các thủ tục hải quan và thiết lập quy tắc xuất xứ, tạo thuận lợi cho thương mại, giảm thiểu các rào cản thương mại sẽ mang lại lợi ích cho xuất khẩu cá tra. Ngoài ra, Hiệp định RCEP cũng mở ra những cơ hội mới cho các doanh nghiệp xuất khẩu cá tra tham gia các chuỗi giá trị và sản xuất mới trong khu vực. Đồng thời, giúp doanh nghiệp có thể đẩy mạnh xuất khẩu cá tra vào thị trường các nước thành viên là đối tác thương mại hàng đầu như Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc... nhờ quy tắc xuất xứ được nới lỏng và ưu đãi thuế như tận dụng Hiệp định RCEP, xuất khẩu thủy sản

sang Australia có khả năng cạnh tranh tốt hơn nhờ lộ trình giảm thuế. Thị trường Trung Quốc với quy mô thị trường lớn, nhu cầu tiêu dùng đa dạng và còn nhiều dư địa, Hiệp định RCEP sẽ tạo điều kiện cho các doanh nghiệp chế biến cá tra tăng kim ngạch xuất khẩu. Tuy nhiên, để tận dụng được những ưu đãi trong Hiệp định RCEP làm nâng cao lợi thế so sánh của trong hoạt động chế biến xuất khẩu cá tra các doanh nghiệp cần phải tìm hiểu kỹ quy tắc xuất xứ. Đặc biệt, quy tắc xuất xứ cộng gộp nội khối. Đồng thời, cần đáp ứng tốt các quy định về biện pháp vệ sinh và kiểm dịch động - thực vật và rào cản kỹ thuật trong thương mại của các nước nhập khẩu đối với sản phẩm thủy sản. Đối với thị trường Châu Âu với Hiệp định EVFTA. Các doanh nghiệp cần tận dụng lợi thế để các sản phẩm cá tra tiếp tục thâm nhập thị trường EU. Cần thực hiện tốt các chiến lược truyền thông quảng bá và bảo vệ tốt, thương hiệu cá Tra trước các nước cạnh tranh. Đối với thị trường Mỹ, kết quả rà soát hành chính thuế chống bán phá giá của Bộ Thương mại Mỹ (DOC) về doanh nghiệp hưởng thuế suất 0% khi xuất khẩu cá tra phi lê đông lạnh sang Mỹ có 10 doanh nghiệp xuất khẩu cá tra không bị áp thuế chống bán phá giá sang Mỹ, trong đó có doanh nghiệp xuất khẩu lớn trong tỉnh. Ngoài ra, việc Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA) công nhận hệ thống quản lý và giám sát cá tra của Việt Nam tương đương với Mỹ. Theo đó, các doanh nghiệp xuất khẩu cá tra sang thị trường Mỹ được khẳng định năng lực kiểm soát chất lượng, an toàn thực phẩm chuỗi sản xuất, chế biến giúp cho các doanh nghiệp dễ dàng trong việc tiếp cận và mở rộng thị trường xuất khẩu sang các nước khác./.

TIN ĐỊA PHƯƠNG

Khách du lịch đến Hà Nội tháng 01/2023 gấp 3,5 lần cùng kỳ năm trước

Tổng lượng khách du lịch đến Hà Nội tháng Một tại thủ đô Hà Nội ước đạt 374 nghìn lượt người, tăng 3% so với tháng trước và gấp 3,5 lần cùng kỳ năm trước.

Khách quốc tế ước đạt 245 nghìn lượt người, gấp 16 lần cùng kỳ năm trước, trong đó: Khách đến từ Hàn Quốc đạt 32,1 nghìn lượt người, gấp 5,6 lần; Nhật Bản 12,8 nghìn lượt người, gấp 6,1 lần; Mỹ 23,6 nghìn lượt người, gấp 35,4 lần; Trung Quốc 5,5 nghìn lượt người, gấp 4,2 lần; Anh 9,5 nghìn lượt người, gấp 21,3 lần; Xin-ga-po 10,3 nghìn lượt người, gấp 11,8 lần; Pháp 7,9 nghìn lượt người, gấp 22,1 lần; Đức 6,9 nghìn lượt người, gấp 34 lần; Thái Lan 15,3 nghìn lượt người, gấp 56,9 lần; Ma-lai-xi-a đạt 9,59 nghìn lượt người, gấp 58,7 lần.

Khách nội địa tháng 01/2023 ước đạt 129 nghìn lượt người, tăng 14,4% so với tháng trước và tăng 42,8% so với cùng kỳ năm trước.

Nguồn: Cục Thống kê TP. Hà Nội

Hải Phòng: Sản lượng nuôi trồng và khai thác thủy sản tháng 01/2023 tăng 2,1% so với cùng kỳ năm trước.

Sản lượng nuôi trồng và khai thác thủy sản tháng 01 năm 2023 tại Hải Phòng ước đạt 16.804,8 tấn, tăng 2,1% so với cùng kỳ năm trước.

Về nuôi trồng thủy sản, diện tích nuôi trồng tháng 01 năm 2023 ước đạt 7.217,7 ha, giảm 0,31% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: diện tích nuôi cá các loại đạt 4.808 ha, tăng 0,1%; tôm các loại đạt 2.015,8 ha, giảm 0,35%; thủy sản khác đạt 393,9 ha, giảm 4,88%.

Sản lượng nuôi trồng thủy sản thu hoạch tháng 01 năm 2023 ước đạt 6.728,9 tấn, tăng 3,29% so với cùng kỳ năm trước, chia ra: cá các loại đạt 4.987,8 tấn, tăng 3,49%; tôm các loại đạt 540,6 tấn, tăng 3,13%; thủy sản khác đạt 1.200,5 tấn, tăng 2,52% với chủ lực là sản lượng ngao nước mặn.

Về khai thác thủy sản, sản lượng khai thác tháng 01 năm 2023 ước đạt 10.075,9 tấn, tăng 1,32% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó khai thác biển chiếm đa số với sản lượng ước đạt 9.675,2 tấn, chiếm trên 96% tổng sản lượng khai thác, tăng 1,34% so cùng kỳ năm trước.

Nguồn: Cục Thống kê TP. Hải Phòng

Tình hình thực hiện vốn đầu tư tại tỉnh Điện Biên

Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước: Hoạt động đầu tư trong tháng Một tập trung chủ yếu khối lượng thực hiện tại các công trình chuyển tiếp. Tỷ lệ vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước đạt 5,24% so với kế hoạch năm và tăng 18,98% so với cùng kỳ năm 2022.

Dự tính vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý tháng 01 ước đạt 242,40 tỷ đồng, giảm 58,47% so với tháng trước, tăng 18,98% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: Vốn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh đạt 185,29 tỷ đồng, giảm 60,16%, tăng 20,73%; vốn ngân sách Nhà nước cấp huyện đạt 51,42 tỷ đồng, giảm 48,28%, tăng 17,99%; vốn ngân sách Nhà nước cấp xã đạt 5,69 tỷ đồng, giảm 70,53%, giảm 14,91%.

Vốn đầu tư phát triển toàn xã hội: Dự ước vốn đầu tư phát triển toàn xã hội trên địa bàn tỉnh Điện Biên trong tháng 01/2023 đạt 1.207,10 tỷ đồng, giảm 40,12% so với tháng trước, tăng 10,98% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: Vốn Nhà nước trên địa bàn đạt 491,93 tỷ đồng, giảm 53,75%, tăng 15,12% (vốn Trung ương quản lý đạt 226,73 tỷ đồng, giảm 44,32%, tăng 11,20%; vốn địa phương quản lý đạt 265,21 tỷ đồng, giảm 59,59%, tăng 18,69%); Vốn ngoài Nhà nước đạt 715,17 tỷ đồng, giảm 24,91%, tăng 8,31%.

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Điện Biên

Hoạt động lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành tại tỉnh Thanh Hóa tháng 01/2023

Tháng 01/2023, doanh thu dịch vụ lưu trú ước đạt 228,6 tỷ đồng, giảm 9,8% so với tháng trước, gấp 4,3 lần tháng cùng kỳ; số lượt khách phục vụ của khách sạn ước đạt 511,9 nghìn lượt khách, giảm 10,8% so với tháng trước, gấp 4,2 lần cùng kỳ; ngày khách phục vụ đạt 1.046,8 nghìn ngày khách, giảm 10,0% so với tháng trước, gấp 4,3 lần cùng kỳ.

Doanh thu ăn uống ước đạt 1.361,5 tỷ đồng, giảm 1,9% so với tháng trước, gấp 2,2 lần tháng cùng kỳ.

Doanh thu du lịch lữ hành ước đạt 17,4 tỷ đồng, giảm 23,2% so với tháng trước (tháng 01/2022 do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 nên hoạt động du lịch lữ hành ngừng hoạt động).

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Thanh Hóa

Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 01/2023 tại Ninh Thuận

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 01/2023 ước tính giảm 1,18% so với tháng trước và tăng 1,06% so với cùng kỳ năm trước; trong đó ngành sản xuất và phân phối điện chỉ tăng 1,89% so cùng kỳ năm trước (hiện đóng góp chủ yếu chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp); ngành chế biến, chế tạo ước tăng 6,48% do các doanh nghiệp ngành chế biến thực phẩm, may mặc tăng cường sản xuất phục vụ Tết Nguyên đán; ngành khai khoáng ước giảm 67,12% do thời tiết không thuận lợi và nghỉ Tết. Riêng ngành cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 11,08%.

Trong các ngành công nghiệp cấp II, nhiều ngành có chỉ số sản xuất tháng Một có mức giảm sâu hoặc tăng thấp so với cùng kỳ năm trước: khai khoáng khác giảm 67,12%; dệt giảm 21,44%; sản xuất và phân phối điện, khí đốt, hơi nước tăng 1,89%; sản xuất đồ uống (chủ yếu bia lon) tăng 0,35%. Một số ngành có mức tăng cao: chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ tăng 13,42%; in, sao chép bản ghi các loại tăng 12,62%; sản xuất chế biến thực phẩm tăng 12,48%; sản xuất trang phục tăng 10,13%.

Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu tháng 01/2023 giảm sâu hoặc tăng thấp so với cùng kỳ năm trước: muối biển giảm 62,7%; thạch nha đam giảm 33,2%; phân vi sinh giảm 14,3%; bia đóng lon giảm 11,5%; đường RS giảm 5,5%; quần áo may sẵn giảm 0,6%; một số sản phẩm xây dựng giảm (khai thác đá xây dựng giảm 66,2%; xi măng giảm 41,1%; đá granite tăng 2,9%); điện sản xuất tăng 3,3% (trong đó, điện mặt trời giảm 14,6%). Một số sản phẩm tăng cao: tinh bột sắn tăng 29,9%; hạt điều khô tăng 21,7%; tôm đông lạnh tăng 16,7%.

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Ninh Thuận

KHƠI DẬY VÀ PHÁT HUY...

(Tiếp theo trang 28)

Hình thành môi trường nhân văn, cộng đồng nhân văn để không ngừng bồi đắp các giá trị nhân văn, trở thành một nguồn lực và động lực cho sự phát triển của đất nước.

Giáo dục nhân văn - Cái nôi hình thành nhân cách của mỗi con người

Giáo dục nhân văn sẽ được thực hiện cả ở trong gia đình và nhà trường - cái nôi hình thành nhân cách của mỗi con người. Trong hệ thống giáo dục, nhằm giáo dục nhân văn hiệu quả, trước hết mỗi trường học phải là một môi trường thật sự nhân văn, phải đổi mới cơ chế và phương pháp giáo dục. Cần có sự phân tầng để giáo dục nhân văn bởi mỗi lứa tuổi sẽ tìm thấy cho mình những chuẩn mực và giá trị khác nhau; lồng ghép giáo dục nhân văn vào các môn học đang được giảng dạy. Gắn giáo dục tri thức, đạo đức, thẩm mỹ, kỹ năng sống với các hoạt động xã hội để hình thành các giá trị nhân văn cho các học sinh, sinh viên - những chủ nhân tương lai của đất nước. Để qua đó mỗi bạn trẻ có tư chất tốt phát triển, phòng ngừa, loại bỏ những ảnh hưởng tiêu cực trong môi trường xã hội của thế giới ngày một "phẳng" hơn, có sự pha trộn văn hóa cần được chắt lọc.

Gia đình là môi trường sống đầu tiên và quan trọng nhất của mỗi con người, là nơi hình thành, nuôi dưỡng và giáo dục nhân cách con người. Mấy chục năm trở lại đây, quá trình công nghiệp hóa và hội nhập quốc tế đã khiến gia đình Việt Nam đang trong bước chuyển đổi từ truyền thống sang hiện đại trên nhiều phương diện và xu hướng khác nhau. Hơn bao giờ hết cần phải tăng cường vai trò của gia đình trong việc giáo dục đạo đức, lối sống thời kỳ công nghiệp hóa và hội nhập quốc tế ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Giáo dục đối với tất cả các thành viên trong gia đình, tập trung vào con trẻ, thế hệ thanh niên về tư duy và ứng xử, cảm xúc và hành động, ở đó giáo dục đạo đức giữ vị trí quan trọng hàng đầu. Việc giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình giúp mỗi thành viên trong gia đình hiểu được đạo lý, trung hiếu, tiết nghĩa, hòa thuận, thương yêu nhau; biết hướng thiện, cảm thông và sống vị tha, cư xử đúng mực, có lối sống lành mạnh; có ý thức giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa, truyền thống tốt đẹp của gia đình, của cộng đồng, xã hội trong thời kỳ công nghiệp hóa, hội nhập quốc tế, nhằm xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc và văn minh./.

SỬ DỤNG DỮ LIỆU HÀNH CHÍNH PHỤC VỤ CÔNG TÁC THỐNG KÊ TRONG LĨNH VỰC DÂN SỐ CƠ HỘI, THÁCH THỨC VÀ GIẢI PHÁP

Nguyễn Thị Thanh Mai

Phó Vụ trưởng - Vụ Thống kê Dân số và Lao động - TCTK

Công tác thống kê dân số ở Việt Nam

Con người là vốn quý nhất, là động lực quan trọng cho sự thành công và thịnh vượng của mỗi quốc gia. Chính vì vậy, nhu cầu có được các bằng chứng đầy đủ và đáng tin cậy về nguồn lực này luôn là thiết yếu và được Đảng, Nhà nước và Chính phủ đặc biệt coi trọng vì đó là căn cứ để xây dựng hoạch định cũng như các đánh giá tác động của những chính sách, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Đó là lý do tại sao, trong tổng số 230 chỉ tiêu thống kê quốc gia được quy định trong Luật Thống kê có 16 chỉ tiêu riêng về lĩnh vực dân số và 72 chỉ tiêu liên quan đến dân số.

Nguồn dữ liệu biên soạn các chỉ tiêu thống kê dân số

Về mặt lý thuyết, có hai nguồn dữ liệu có thể được sử dụng để biên soạn các chỉ tiêu thống kê nói chung và chỉ tiêu thống kê dân số nói riêng. Một là, nguồn dữ liệu dựa vào các cuộc Tổng điều tra và điều tra thống kê. Hai là, nguồn dữ liệu dựa vào hồ sơ hành chính. Nguồn dữ liệu dựa vào Tổng điều tra và điều tra thống kê là nguồn thông tin có được dựa trên việc tổ chức thực hiện các cuộc khảo sát, các cuộc điều tra thống kê. Nguồn dữ liệu dựa vào hồ sơ hành chính là nguồn dữ liệu được hình thành trong quá trình thực thi nhiệm vụ quản lý hành chính của các cơ quan nhà nước, được cơ quan quản lý nhà nước ghi chép,

lưu giữ, cập nhật trong các hồ sơ hành chính dạng giấy hoặc dạng điện tử. Hiện nay, để phục vụ công việc quản lý hiệu quả hơn, rất nhiều cơ quan quản lý nhà nước đã đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý nên rất nhiều hồ sơ hành chính đã được số hóa và lưu trữ dưới dạng điện tử, vì vậy, nguồn dữ liệu dựa vào hồ sơ hành chính còn được gọi là nguồn dữ liệu dựa vào cơ sở dữ liệu hành chính. Ngoài hai nguồn này, trong Luật Thống kê còn quy định nguồn dữ liệu dựa vào chế độ báo cáo thống kê. Tuy nhiên, về mặt bản chất, chế độ báo cáo thống kê cũng được thực hiện dựa vào nguồn dữ liệu hành chính nói trên.

Trên thực tế, trong lĩnh vực thống kê dân số, hầu hết các chỉ tiêu thống kê đều được biên soạn và tổng hợp trên cơ sở kết quả thu thập được từ các cuộc Tổng điều tra và Điều tra dân số. Nguồn dữ liệu hành chính liên quan đến dân số vẫn chưa được tận dụng để phục vụ hiệu quả công tác thống kê. Lý do chủ yếu là trong giai đoạn trước đây các nguồn dữ liệu hành chính trong lĩnh vực này chưa có hệ thống, hồ sơ dữ liệu chưa được số hóa và được quản lý phân tán tại các địa phương. Ngoài ra, cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin hỗ trợ quản lý dữ liệu cũng như kết nối chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan quản lý nhà nước còn hạn chế, các cơ chế về chia sẻ dữ liệu cũng chưa

được xây dựng. Chính vì vậy, các nguồn dữ liệu hành chính vẫn chưa được tận dụng cho công tác thống kê nói chung và công tác thống kê dân số nói riêng. Vì vậy, việc biên soạn chỉ tiêu thống kê dân số vẫn hoàn toàn dựa vào nguồn dữ liệu từ Tổng điều tra và điều tra dân số.

Phải khẳng định rằng, số liệu thống kê tính toán từ kết quả Tổng điều tra và điều tra dân số đã giúp Việt Nam có được bức tranh tổng quan về tình hình dân số và các đặc điểm nhân khẩu học của dân số, làm cơ sở để Việt Nam xây dựng và thực hiện nhiều chiến lược và chính sách quan trọng.

Tuy nhiên, việc thu thập dữ liệu dựa vào các cuộc điều tra thống kê thời gian qua cũng đã bộc lộ một số hạn chế như: Chi phí cao; Số liệu chụp ảnh thông tin vào thời điểm nhất định trong giai đoạn trước khi tiến hành điều tra; Mức độ đại diện thường chỉ đến cấp tỉnh. Một số số liệu tính toán từ kết quả Tổng điều tra thì đại diện ở cấp thấp hơn nhưng tần suất 10 năm/lần; Rủi ro về tỷ lệ không trả lời ngày càng cao.

Cơ hội sử dụng dữ liệu hành chính phục vụ công tác thống kê trong lĩnh vực dân số

Cuộc cách mạng công nghệ lần thứ tư đã đem lại cho nhiều quốc gia cơ hội tốt trong việc số hóa các nguồn dữ liệu hành chính phục vụ công việc quản lý của các bộ, ngành. Tại Việt Nam, các nguồn dữ liệu hành chính có thể sử dụng trong lĩnh vực thống kê

dân số được lấy từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử; Kho dữ liệu chuyên ngành dân số; Cơ sở dữ liệu chuyên ngành bảo hiểm... Chính vì vậy, nghiên cứu khả năng tận dụng cơ sở dữ liệu hành chính phục vụ công tác thống kê nói chung và thống kê dân số nói riêng không chỉ có ý nghĩa giúp nâng cao hiệu quả công tác thống kê dân số mà còn phù hợp với định hướng phát triển ngành thống kê giai đoạn 2021-2030.

Đối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư: Đây là tập hợp thông tin cơ bản của tất cả công dân Việt Nam được chuẩn hóa, số hóa, lưu trữ, quản lý bằng cơ sở hạ tầng thông tin để phục vụ quản lý nhà nước và giao dịch của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư là cơ sở dữ liệu dùng chung, do Bộ Công an quản lý. Những thông tin được thu thập và cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư gồm: Họ, chữ đệm và tên khai sinh; Ngày, tháng, năm sinh; Giới tính; Nơi đăng ký khai sinh; Quê quán; Dân tộc; Tôn giáo; Quốc tịch; Tình trạng hôn nhân; Nơi thường trú; Nơi ở hiện tại; Nhóm máu (không bắt buộc); Họ và tên, số định danh cá nhân, quốc tịch của cha, mẹ, vợ, chồng hoặc người đại diện hợp pháp; Họ và tên, số định danh cá nhân của chủ hộ, quan hệ với chủ hộ; Ngày, tháng, năm chết/ mất tích...

Hiện nay Việt Nam đã xây dựng thành công và chính thức vận hành cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư từ ngày 22/6/2021. Đến thời điểm hiện tại, về cơ bản, cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đã cập nhật tương đối đầy đủ thông tin về toàn bộ công dân Việt Nam. Đây là nguồn dữ liệu, được thu thập, cập nhật thường xuyên trên nguyên tắc “đúng, đủ, sạch, sống”.

Trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, có 17 nội dung nội dung

thông tin được thu thập, là các trường thông tin cố định và được thực hiện theo quy định của Luật cư trú. Căn cứ để thu thập thông tin là: Sổ sách quản lý về cư trú, tàng thư hồ sơ hộ khẩu, tàng thư căn cước công dân; Cơ sở dữ liệu về cư trú, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân, Cơ sở dữ liệu hộ tịch; Cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác; Thu thập từ công dân. Việc thu thập và cập nhật thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đòi hỏi thông tin phải được kiểm tra và đảm bảo tính chính xác. Trường hợp không thống nhất về nội dung thông tin thì cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm kiểm tra tính pháp lý của các thông tin trước khi thu thập, cập nhật vào Hệ thống. Người cung cấp, thu thập và cập nhật thông tin phải chịu trách nhiệm pháp lý.

Nếu tận dụng được nguồn thông tin từ cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để biên soạn các chỉ tiêu thống kê quốc gia về dân số thì ngành Thống kê có thể cung cấp thông tin cho người sử dụng với mức độ đại diện lớn hơn (có thể đến cấp xã) và tần suất nhiều hơn (6 tháng, quý, tháng, thậm chí là hàng ngày nếu dữ liệu được chia sẻ tức thời khi phát sinh sự kiện). Không những thế, nguồn thông tin này cũng sẽ rất có giá trị nếu áp dụng để phục vụ công tác phân chia địa bàn, chọn mẫu hộ cho các cuộc điều tra mẫu và thực hiện Tổng điều tra dân số và nhà ở theo phương thức hiện đại, tiết kiệm và hiệu quả.

Đối với cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử: Đây là cơ sở dữ liệu ngành Tư pháp, được lập trên cơ sở tin học hóa công tác đăng ký hộ tịch, dựa trên căn cứ Luật hộ tịch năm 2014 và triển khai căn cứ theo Đề án “Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử toàn quốc”, do Bộ Tư pháp quản lý. Tính đến ngày 19/8/2021, tất cả 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

đã tham gia triển khai, áp dụng và cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử phục vụ công tác đăng ký, quản lý hộ tịch tại địa phương.

Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử hiện nay cũng đã được kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để thực hiện đăng ký khai sinh, cấp Sổ định danh cá nhân và đồng bộ các thông tin thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc và các thay đổi hộ tịch khác trên thông tin khai sinh của công dân đã có Sổ định danh cá nhân.

Thông tin trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử được hình thành trước tiên từ các thông tin hộ tịch của cá nhân được xác lập khi đăng ký khai sinh. Tiếp theo đó, các thông tin hộ tịch khác của cá nhân (như đăng ký kết hôn; ghi nhận ly hôn; đăng ký khai tử và các thông tin hộ tịch khác) tiếp tục được cập nhật vào thông tin hộ tịch của cá nhân, từng bước hình thành “bức tranh” tổng thể về thông tin hộ tịch của mỗi công dân.

Cơ quan thống kê cần nghiên cứu tận dụng cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử để biên soạn các chỉ tiêu thống kê dân số như: Tổng tỷ suất sinh; tỷ suất sinh thô, tỷ số giới tính khi sinh, tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi đã đăng ký khai sinh; Tỷ suất chết thô, tỷ suất chết của trẻ em dưới 1 tuổi, tỷ suất chết của trẻ em dưới 5 tuổi, tỷ suất chết mẹ, tỷ suất chết đặc trưng theo tuổi, tuổi thọ bình quân; tình trạng hôn nhân của dân số, tuổi kết hôn trung bình lần đầu. Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử đồng thời có thể được sử dụng để biên soạn báo cáo thống kê hộ tịch theo khuyến nghị của Liên hợp quốc. Cũng giống như cơ sở dữ liệu dân cư quốc gia, thông tin thống kê biên soạn từ nguồn dữ liệu hộ tịch điện tử có thể công bố với tần suất cao cùng với các phân tổ chi tiết ở phạm vi sai số không đáng kể.

Việc sử dụng cơ sở dữ liệu hành chính cho công tác thống kê được đánh giá là sẽ mang lại nhiều lợi ích. Thứ nhất, đây là một nguồn dữ liệu liên tục và lâu dài; có thể tạo ra dữ liệu ở cấp hành chính thấp nhất với tần suất công bố thông tin không giới hạn. Dữ liệu được thu thập trong cơ sở dữ liệu dân cư quốc gia và cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử không có sai số nhớ lại, không có sai số chọn mẫu, do đó việc ước lượng thông tin từ nguồn dữ liệu này không bị chệch. Bên cạnh đó, việc sử dụng cơ sở dữ liệu hành chính có chi phí thấp nhất, tiết kiệm đáng kể ngân sách nhà nước.

Việc sử dụng cơ sở dữ liệu hành chính cho công tác thống kê được cho là rất khả quan vì Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư dân cư và Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử đã được xây dựng và tin học hóa thành công. Mức độ đăng ký khai sinh cao (98%) và có sự kết nối chặt chẽ giữa Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trong việc đăng ký khai sinh, cấp Sổ định danh cá nhân và đồng bộ các thông tin thay đổi, cải chính,... trên thông tin khai sinh của công dân đã có Sổ định danh cá nhân. Bên cạnh đó, tất cả các trung tâm đăng ký đều đã có phần mềm hỗ trợ đăng ký và số hóa dữ liệu; dữ liệu được chuyển đến máy chủ trung tâm theo thời gian phát sinh sự kiện. Bên cạnh đó là những văn bản pháp lý cho phép Tổng cục Thống kê khai thác cơ sở dữ liệu hành chính cho công tác thống kê theo tinh thần của Luật Thống kê và hướng dẫn tại Nghị định số 94/2022/NĐ-CP. Cụ thể, hành lang pháp lý về việc khai thác và chia sẻ thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư cũng đã được quy định rõ tại Khoản 2, Điều 10 Luật Căn cước công dân và được hướng dẫn cụ thể tại Điều 8, Nghị định số 137/2015/NĐ-CP. Hành lang pháp lý về việc khai thác và chia sẻ

thông tin trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử được quy định tại Điều 8, Nghị định 87/2020/NĐ-CP. Hơn nữa, Tổng cục Thống kê (GSO) đã chứng minh được kinh nghiệm và khả năng xử lý dữ liệu quy mô lớn (như dữ liệu của Tổng điều tra dân số và nhà ở, dữ liệu các cuộc điều tra dân số giữa kỳ) đảm bảo nguyên tắc bảo mật thông tin.

Việc sử dụng cơ sở dữ liệu hành chính cho công tác thống kê sẽ là nền tảng vững chắc để Tổng cục Thống kê xây dựng các phương án đổi mới Tổng điều tra dân số theo hướng hiện đại, tiết kiệm, phù hợp với tinh thần của Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 6/1/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2050.

Tuy nhiên, hiện nay vẫn tồn tại những rào cản khiến việc sử dụng cơ sở dữ liệu hành chính cho công tác thống kê cũng gặp không ít khó khăn. Đó là: (i) Tầm quan trọng của việc sử dụng cơ sở dữ liệu hành chính như là nguồn dữ liệu quan trọng cho công tác thống kê vẫn chưa nhận được sự quan tâm thích đáng của lãnh đạo quản lý cấp cao; (ii) Cơ chế hợp tác chia sẻ dữ liệu giữa Bộ Công an, Bộ Tư pháp với Tổng cục Thống kê cũng chưa được thiết lập; (iii) Tổng cục Thống kê cũng chưa có nhiều kinh nghiệm trong việc hợp tác, chuyển giao cũng như sử dụng hiệu quả các nguồn dữ liệu được chuyển giao để phục vụ công tác thống kê gồm cả biên soạn số liệu và sử dụng để thu thập thông tin. (iv) Tâm lý ngại thay đổi, sợ mất dữ liệu vẫn còn tồn tại (ở cả trong cơ quan thống kê và ở các Bộ ngành).

Nhưng dù thế nào thì chúng ta cũng cần xác định Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử là hai nguồn dữ liệu

hành chính quan trọng cần được tận dụng để tính toán các chỉ tiêu thống kê trong lĩnh vực dân số. Trước mắt cần ưu tiên thời gian và nguồn nhân lực cần thiết để phối hợp với Bộ Công an, Bộ Tư pháp xây dựng cơ chế phối hợp và chia sẻ thông tin. Tăng cường học tập kinh nghiệm quốc tế trong việc chia sẻ và khai thác dữ liệu hành chính cho công tác thống kê. Triển khai các hoạt động thí điểm chia sẻ thông tin từ trên phạm vi nhỏ, trên cơ sở đó rút kinh nghiệm và triển khai nhiệm vụ trên phạm vi lớn hơn và trên toàn quốc, đảm bảo vừa thực hiện tốt nhiệm vụ thống kê và công bố số liệu, vừa kiểm soát, lưu trữ, bảo mật, bảo đảm an toàn thông tin đối với nguồn dữ liệu liên quan đến mỗi người dân.

Tóm lại, sự thành công trong việc xây dựng, số hóa và đưa vào sử dụng các cơ sở dữ liệu hành chính, trong đó có Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử là điều kiện thuận lợi cho việc chia sẻ và hỗ trợ khai thác nguồn dữ liệu này phục vụ công tác thống kê. Việc sử dụng cơ sở dữ liệu hành chính trong công tác thống kê là xu thế tất yếu của thống kê hiện đại. Điều này sẽ góp phần nâng cao năng lực, tận dụng, phát huy nguồn lực của các cơ quan trong việc quản lý đảm bảo duy trì chất lượng đầu vào của của các cơ sở dữ liệu hành chính, vừa đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người dân, vừa góp phần nâng cao chất lượng nguồn dữ liệu, vừa đảm bảo sử dụng nguồn dữ liệu hợp lý, hiệu quả và tiết kiệm. Về cơ bản, hành lang pháp lý và các điều kiện cơ bản của việc chia sẻ các cơ sở dữ liệu này phục vụ cho công tác thống kê đã được thiết lập. Tổng cục Thống kê sẵn sàng đổi mới và cũng chúng tỏ năng lực về tiếp nhận, quản lý, bảo mật dữ liệu theo đúng quy định pháp luật./.

"Đo lường mục tiêu phát triển bền vững chỉ tiêu 10.7.1 về chi phí tuyển dụng của lao động Việt Nam làm việc ở nước ngoài"



Ấn phẩm “Đo lường mục tiêu phát triển bền vững chỉ tiêu 10.7.1 về chi phí tuyển dụng của lao động Việt Nam làm việc ở nước ngoài” được Tổng cục Thống kê chủ trì và phối hợp với Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) thực hiện dựa trên việc xây dựng, sử dụng số liệu của Điều tra lao động việc làm năm 2021. Đây là lần đầu tiên TCTK công bố nghiên cứu về lao động Việt Nam làm việc ở nước ngoài.

Ấn phẩm này đã đưa ra một số phát hiện chính về đặc điểm của lao động Việt Nam ở nước ngoài; Chi phí tuyển dụng; Tiền lương tháng đầu tiên; Chỉ số chi phí tuyển dụng của lao động Việt Nam ra nước ngoài làm việc...

Đặc điểm của người lao động Việt Nam ở nước ngoài

Điều tra Lao động việc làm ước tính có khoảng 250,3 nghìn lao động Việt Nam làm việc ở nước ngoài trong vòng 3 năm gần đây (từ 2018 đến 2021). Phần lớn (68%) là nam giới và chủ yếu đến từ khu vực nông thôn (86%). Hầu hết lao động di cư có trình độ học vấn trung học phổ thông và trung học cơ sở (47% có trình độ trung học phổ thông và 23% có trình độ trung học cơ sở). Các trình độ học vấn này cũng phản ánh trình độ kỹ năng nghề và ngành nghề mà những người lao động Việt Nam di cư tham gia. Hơn 70% lao động Việt Nam ở nước ngoài làm những công việc đòi hỏi kỹ năng trung bình, với khoảng 20% là lao động kỹ năng thấp và 10% là lao động kỹ năng cao.

Trong số các nước hay vùng lãnh thổ gần nhất mà người lao động Việt Nam di cư làm việc thì có bốn nơi chiếm tới 86% lao động

Việt Nam ở nước ngoài. Đó là Nhật Bản (40,6%), Đài Loan (31,9%), Hàn Quốc (10,9%) và Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (2,8%).

Chi phí tuyển dụng lao động Việt Nam ở nước ngoài

Chi phí tuyển dụng bình quân của lao động Việt Nam ở nước ngoài để có được việc làm đầu tiên ở nước ngoài là vào khoảng 165 triệu đồng. Lao động Việt Nam ở nước ngoài có trình độ trung học phổ thông hoặc sơ cấp hay trung cấp nghề có chi phí tuyển dụng bình quân cao nhất, vào khoảng 176 triệu đồng. Số liệu này cũng tương tự với số liệu về trình độ kỹ năng nghề, trong đó lao động có kỹ năng trung bình, chiếm phần lớn lao động Việt Nam ở nước ngoài, có chi phí tuyển dụng bình quân vào khoảng 168 triệu đồng. Con số này cao hơn cả chi phí tuyển dụng của lao động Việt Nam ở nước ngoài có tay nghề thấp (151 triệu đồng) và tay nghề cao (167 triệu đồng).

Tại các thị trường Nhật Bản, Hàn Quốc và Đài Loan, chi phí tuyển dụng lao động Việt Nam thường cao hơn ở các nước khác. Chi phí tuyển dụng trung bình tại Hàn Quốc cao nhất vào khoảng 226 triệu đồng, tiếp theo là Nhật Bản 192 triệu đồng. Chi phí tuyển dụng trung bình ở Trung Quốc là thấp nhất, vào khoảng 45 triệu đồng. Mức trung bình cho tất cả các quốc gia khác là khoảng 128 triệu đồng.

Tháng lương đầu tiên của người lao động Việt Nam ở nước ngoài

Mức lương bình quân trong tháng đầu tiên của người lao động Việt Nam ở nước ngoài là 22,4 triệu đồng. Tổng tiền lương lao động Việt Nam ra nước ngoài nhận được trong vòng 3 năm khoảng 5552 tỷ đồng. Theo trình độ học vấn, lương tháng đầu tiên của người lao động tăng khi trình độ học vấn tăng lên, từ 19,2 triệu đồng đối với người có trình độ thấp hơn trung học cơ sở lên 27,0 triệu đồng với người có trình độ

cao đẳng trở lên. Người lao động Việt Nam ở nước ngoài làm việc trong các ngành nghề có kỹ năng cao hơn có nhiều khả năng nhận được mức lương tháng đầu tiên cao hơn, ở mức 29,1 triệu đồng, so với mức 22,5 triệu đồng và 21,2 triệu đồng với nhóm nghề có kỹ năng trung bình và thấp.

Căn cứ vào quốc gia hay vùng lãnh thổ mà người lao động có việc làm gần nhất, mức lương tháng đầu tiên cao nhất của người lao động là ở Hàn Quốc, với 27,7 triệu đồng, tiếp theo là Nhật Bản với 26,0 triệu đồng. Đài Loan có mức lương tháng đầu tiên trung bình là 18,3 triệu đồng và Trung Quốc là 11 triệu đồng.

Chỉ tiêu chi phí tuyển dụng lao động Việt Nam ở nước ngoài

Điều tra Lao động Việc làm năm 2021 ước tính chỉ số chi phí tuyển dụng (RCI) chung của tất cả người lao động Việt Nam ở nước ngoài là 7,4. Điều này có nghĩa là, trung bình người lao động Việt Nam ở nước ngoài sẽ mất khoảng 7,4 tháng lương tháng đầu tiên để chi trả hoặc trang trải chi phí tuyển dụng để có được việc làm đầu tiên ở nước ngoài.

Theo quốc gia đến cuối cùng, Hàn Quốc có RCI cao nhất là 8,2, tiếp theo là Nhật Bản với 7,4 và Đài Loan là 7,3. Theo kênh di cư, RCI cao nhất đối với những người sử dụng các kênh nhập cư thông thường và có thị thực lao động (7,5), so với 4,5 đối với những người sử dụng các kênh nhập cư thông thường nhưng làm việc mà không có thị thực lao động.

Cùng với các phát hiện chính, Ấn phẩm cũng đưa ra các khuyến nghị chính sách như: Giảm chi phí tài chính của việc tuyển dụng lao động di cư; Triển khai chính sách tuyển dụng lao động công bằng và hiệu quả cho tất cả lao động di cư; Cải thiện tính sẵn có và tăng cường phổ biến thông tin về mức chi phí mà người lao động di cư phải trả./.

T.H

NGÀNH DU LỊCH THÁI LAN PHỤC HỒI MẠNH MẼ

Tiến Long

Năm 2022, ngành du lịch Thái Lan đã chứng tỏ khả năng phục hồi mạnh mẽ khi đón hơn 11 triệu lượt khách quốc tế, vượt mục tiêu (10 triệu lượt khách) đề ra. Trong năm 2023, đà phục hồi được dự báo sẽ tiếp tục duy trì.

Phục hồi ấn tượng

Nửa cuối năm 2022, sau khi các biện pháp phòng Covid-19 được dỡ bỏ, du lịch Thái Lan đã phục hồi ấn tượng. Thái Lan giống như hầu hết các quốc gia phụ thuộc vào du lịch, đang được hưởng lợi từ sự phục hồi trong nhu cầu đi lại toàn cầu, sau khi giới chức các nước nới lỏng các quy định phòng dịch nghiêm ngặt trước đó.

Ông Yuthasak Supasorn - Thống đốc Tổng cục Du lịch Thái Lan (TAT) cho biết, để đạt mốc 10 triệu lượt du khách quốc tế là nỗ lực và sự phối hợp hiệu quả của Chính phủ Thái Lan nói chung, ngành du lịch nói riêng cũng như sự tham gia của người dân Thái Lan.

Thái Lan đã và đang nỗ lực triển khai các biện pháp, chiến lược nhằm từng bước phục hồi ngành du lịch. Trong đó, TAT đã và đang tiếp tục tích cực quảng bá Thái Lan như một điểm đến nghỉ dưỡng ưa thích tại các thị trường nguồn du khách trên khắp thế giới.

Các nỗ lực tiếp thị và quảng cáo tập trung vào chiến dịch "Du lịch Thái Lan năm 2022 - 2023: Những chương mới tuyệt vời" nhằm kêu gọi du khách khám phá nhiều trải nghiệm du lịch hiện có và mới được cung cấp trên khắp vương quốc.

Bên cạnh đó, Thái Lan chú trọng và thúc đẩy các nền tảng sức mạnh mềm để thu hút khách du lịch bao gồm ẩm thực, điện ảnh, thời trang, lễ hội.

Kể từ tháng 7/2022, Chính phủ Thái Lan bãi bỏ tất cả hạn chế du lịch khi số ca mắc mới Covid-19 trong nước bắt đầu giảm. Hầu hết doanh nghiệp hiện trở lại hoạt động bình thường, giúp các điểm du lịch sôi động trở lại sau 2 năm vắng khách vì đại dịch.

Số liệu của Bộ Du lịch và Thể thao Thái Lan công bố vào cuối tháng 1/2023 cho biết, Xứ sở chùa Vàng đã đón 11,15 triệu lượt khách du lịch nước ngoài trong năm 2022, tăng đột biến so với con số chỉ khoảng 428 nghìn lượt khách vào năm 2021, khi các biện pháp hạn chế du lịch rộng rãi được áp dụng để phòng dịch Covid-19. Lượng khách du lịch đến Thái Lan trong năm qua cũng vượt mục tiêu 10 triệu lượt, cho thấy sự phục hồi ngoạn mục của "ngành công nghiệp không khói" của Thái Lan. Doanh thu từ khách du lịch quốc tế đã mang về cho Thái Lan hơn 500 tỷ baht vào cuối năm 2022.

Không chỉ vậy, Thái Lan đã vươn lên dẫn đầu trong khu vực Đông Nam Á về đón khách du lịch quốc tế. Đây được coi là tiền đề giúp Thái Lan tạo đà bứt phá cho những năm tiếp theo.

Sẵn sàng tạo “sự kinh ngạc” trở lại

Đầu tư thích đáng cho xúc tiến du lịch

Tháng 11 năm 2022, Bộ Du lịch và Thể thao Thái Lan đã trình Nội các phê duyệt khoản ngân sách trị giá 8,7 tỷ Baht (251 triệu USD) để thúc đẩy ngành công nghiệp du lịch, trong nỗ lực nhằm đạt mục tiêu thu hút 18-20 triệu lượt du khách tới Thái Lan trong năm 2023. Trong tổng số kinh phí trên, 7,2 tỷ Baht sẽ được phân bổ cho chương trình "Rao Tiew Duay Kan" (Chúng ta du lịch cùng nhau) nhằm thúc đẩy du lịch nội địa. Số tiền 1,5 tỷ Baht còn lại được phân bổ cho ngân sách tiếp thị của Tổng cục Du lịch Thái Lan (TAT), bao gồm 1 tỷ baht cho quảng bá du lịch ngoài nước và 500 triệu baht cho thị trường nội địa.

Bộ Du lịch và Thể thao Thái Lan cũng lên kế hoạch xin sự chấp thuận của Nội các để miễn thị thực cho tất cả du khách châu Âu và kéo dài thời gian lưu trú cho khách du lịch từ các quốc gia/vùng lãnh thổ được miễn thị thực. Hiện tại, du khách từ một số nước châu Âu vẫn cần phải xin thị thực để đến Thái Lan.

Kể từ ngày 1/10, Thái Lan đã cho phép kéo dài thời gian lưu trú từ 30 ngày lên 45 ngày đối với khách du lịch từ các quốc gia/vùng lãnh thổ được miễn thị thực, và từ 15 lên 30 ngày đối với khách du lịch đủ điều kiện nhận thị thực khi đến.

Thái Lan hiện đã mở cửa hoàn toàn cho khách du lịch nước ngoài và không còn yêu cầu khách du lịch

phải xuất trình xác nhận đã tiêm phòng Covid-19 hoặc kết quả xét nghiệm Covid-19.

Quảng bá du lịch theo chủ đề

Một cuộc khảo sát do TAT thực hiện về các hoạt động yêu thích của du khách nước ngoài khi tới vương quốc này cho thấy, hầu hết du khách thích ăn đồ ăn Thái (90%), đến các tiệm massage và spa (48%), đi biển (48%) và tham quan các di tích lịch sử (46%).

Trong nỗ lực khôi phục ngành du lịch sau đại dịch Covid-19, các cơ quan chức năng Thái Lan có nhiều sáng kiến độc đáo để quảng bá cho ngành kinh tế xương sống này, trong đó có việc tổ chức các tour tham quan theo chủ đề sẽ diễn ra liên tục từ tháng 12/2022-3/2023 nhằm thu hút du khách trong và ngoài nước.

Khám phá “Những ngôi đền ẩn giấu” là tour du lịch mới nhất được tổ chức kéo dài đến cuối tháng 12/2022. Tour du lịch này nằm trong sự kiện “Mở ra Bangkok” được TAT, Cơ quan Kinh tế Sáng tạo (CEA) và Cục Triển lãm và Hội nghị Thái Lan (TCEB) phối hợp tổ chức nhằm thúc đẩy ngành du lịch của thành phố thủ đô.

Trong tour "Những ngôi đền ẩn giấu", du khách sẽ được tham quan các đền chùa ít được biết đến

của Bangkok. Trong khi đó, những người tham gia tour "Chào mừng Benjakitti" sẽ được đưa đi thăm Công viên rừng Benjakitti ở trung tâm thành phố Bangkok.

Trong seri "Tòa nhà cổ sống động", du khách sẽ được khám phá các tòa nhà lịch sử của thành phố. Theo Phó Thống đốc Bangkok Sanon Wangrangboon, các tour du lịch theo chủ đề giúp quảng bá bản sắc địa phương và thúc đẩy nền kinh tế cộng đồng; đồng thời cho phép khách tham quan tìm hiểu thêm về Phật giáo, ẩm thực truyền thống và lối sống, văn hóa của cư dân địa phương.

Đẩy mạnh du lịch chữa bệnh

Thúc đẩy du lịch không chỉ là nhiệm vụ của Bộ Du lịch và Thể thao. Bộ Y tế Thái Lan mới đây đã đưa ra khái niệm “Sức khỏe để thịnh vượng” nhằm xây dựng sức mạnh kinh tế đất nước thông qua thúc đẩy du lịch chữa bệnh. Theo Hiệp hội Du lịch Y tế, Thái Lan xếp thứ 5 trong số các điểm đến du lịch y tế phổ biến nhất trên thế giới vào năm ngoái.

Thái Lan đứng đầu các quốc gia khác ở châu Á về số lượng bệnh viện đã được Ủy ban Hỗn hợp Quốc tế (JCI) công nhận đạt tiêu chuẩn toàn cầu hàng đầu về chất lượng chăm sóc sức khỏe và an toàn



cho bệnh nhân. Chứng nhận JCI được xem là bảo chứng quan trọng đối với các bệnh viện ở các nước đang phát triển đang tìm kiếm khách du lịch y tế. Theo danh sách JCI tính đến tháng 12/2021, Thái Lan có tới 60 cơ sở y tế được JCI công nhận trên toàn quốc, trong khi Ấn Độ có 37, Nhật Bản 31, Malaysia 17 và Singapore 5.

Theo Bộ trưởng Y tế Thái Lan Anutin Charnvirakul, các yếu tố khiến Thái Lan trở thành điểm đến phổ biến đối với khách du lịch bao gồm tiêu chuẩn chăm sóc y tế cao, phương pháp điều trị chất lượng, chi phí hợp lý và chi phí sinh hoạt phải chăng cho những người lưu trú dài hạn khi họ hồi phục. Ngoài ra, ông Anutin cho rằng Thái Lan còn có thị thực y tế và cơ sở hạ tầng thuận lợi, giúp hỗ trợ du lịch y tế phát triển.

Bên cạnh đó, trong năm nay, Ủy ban Trung tâm Y tế Thái Lan đã phê duyệt các hướng dẫn nhằm phát triển Hành lang Sức khỏe Andaman (AWC) theo mô hình của ngành chăm sóc sức khỏe tiên tiến trên thế giới. Các mục tiêu của AWC là tăng cường khả năng cạnh tranh về du lịch sức khỏe ở 4 tỉnh dọc biển Andaman bao gồm Phuket, Krabi, Phang Nga và Ranong, mang lại sự phục hồi kinh tế, du lịch sau đại dịch tại các địa phương này. Việc phát triển các mô hình của ngành chăm sóc sức khỏe sẽ được thực hiện với việc sử dụng y học xanh và kinh tế sáng tạo nhằm nâng cao các chương trình chăm sóc sức khỏe và du lịch chữa bệnh.

Tích cực tìm kiếm các thị trường mới

Trước khi xảy ra đại dịch Covid-19, Thái Lan từng đón tới 40 triệu lượt khách du lịch nước ngoài, trong đó du khách từ Trung Quốc chiếm thị phần lớn. Trong khi

Trung Quốc còn chưa rõ ràng về thời điểm dỡ bỏ hạn chế cho du lịch nước ngoài, Thái Lan đã tích cực tìm kiếm các thị trường mới để bù đắp lượng khách từ Trung Quốc.

Theo Bộ trưởng Bộ Du lịch và Thể thao Thái Lan Phiphat Ratchakitprakan, khu vực Trung Á là thị trường mới tiềm năng vì thời gian bay ngắn, không quá 7 giờ 30 phút và du khách từ khu vực này có nhu cầu đi du lịch quốc tế cao sau đại dịch. Điển hình như Kazakhstan và Uzbekistan là các quốc gia có tiềm năng tăng trưởng kinh tế cao hơn các quốc gia khác trong khu vực do đó, nhu cầu du lịch của người dân cũng cao hơn.

Hiện Thái Lan đang xúc tiến các biện pháp đơn giản hoá thủ tục thị thực đối với các quốc gia ở khu vực này, bên cạnh việc mở thêm các chuyến bay thẳng giữa các thành phố ở Trung Á với các điểm du lịch ở Thái Lan.

Triển vọng và thách thức

Một khảo sát mới đây nhất do chương trình BBC News thuộc Tổ hợp truyền thông Anh BBC thực hiện cho thấy Thái Lan được đánh giá là điểm đến ưa thích nhất tại Đông Nam Á đối với khách du lịch từ Bắc Mỹ và châu Âu khi họ lên kế hoạch đi du lịch.

Khảo sát cho biết, du khách tới Đông Nam Á thường là những người đã đi nhiều nơi trên thế giới và họ tìm đến Đông Nam Á để mong có những trải nghiệm mới và khác biệt. Các số liệu thống kê cũng cho thấy ưu tiên của khách du lịch nằm ở du lịch văn hóa và bền vững, với 91% người được hỏi tìm kiếm văn hóa và di sản độc đáo ở điểm đến đã chọn và 72% khách du lịch có ý thức giảm thiểu tác động của họ đối với môi trường địa phương. Bên cạnh đó, du khách thuộc nhóm này

thường có kế hoạch ở lại điểm đến ít nhất 1-2 tuần. Và dường như tất cả những gì ngành du lịch Thái Lan đang làm hầu như đều đáp ứng được đúng mong muốn của họ.

Tuy vậy, mục tiêu đón 18-20 triệu lượt khách du lịch nước ngoài của Thái Lan trong năm 2023 sẽ không dễ dàng đạt được. Hiệp hội đại lý du lịch Thái Lan mới đây kêu gọi các nước mở cửa hơn nữa cho du lịch vì theo họ, các biện pháp hạn chế đi lại và nhập cảnh được áp dụng ở một số quốc gia vẫn đang là những trở ngại lớn nhất trong việc mở rộng hoạt động du lịch.

Trong khi đó, TAT cũng nhìn nhận kết quả khả quan trong năm 2022 có được là nhờ nhu cầu tăng cao từ những người không thể đi du lịch trong 2-3 năm trước đó. Động lực này sẽ không còn khi mùa cao điểm du lịch quốc tế kết thúc vào tháng 3/2023.

Theo Tổng cục trưởng TAT Yuthasak Supasorn, những vị khách quốc tế có nhu cầu du lịch và sức chi trả cao chủ yếu đi du lịch vào mùa Đông năm 2022 và quý I năm 2023. Khi không còn nhu cầu bị dồn nén, ngành du lịch sẽ mất động lực thúc đẩy lượng khách. Khi vào mùa thấp điểm, Thái Lan sẽ phải ứng phó với hàng loạt yếu tố tác động tiêu cực đến ngành du lịch như suy thoái kinh tế, chi phí đi lại cao và lạm phát.

Mặc dù vậy, ngành du lịch Thái Lan vẫn đặt mục tiêu đạt 2,38 nghìn tỷ baht (hơn 72 tỷ USD) vào năm 2023. Giới chức Thái Lan tin tưởng, du lịch sẽ là động lực chính giúp kinh tế nước này đạt mức tăng trưởng 3,8% trong năm nay. Và tới năm 2024, ngành du lịch Thái Lan được dự báo có thể phục hồi hoàn toàn về mức trước đại dịch, với 40 triệu lượt khách quốc tế./

BẮC KẠN TẬP TRUNG CÁC NGUỒN LỰC ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

Mặc dù vẫn còn hạn chế về các nguồn lực cho phát triển nhưng thời gian gần đây, nhờ đẩy mạnh khai thác và phát huy tiềm năng, lợi thế của địa phương, Bắc Kạn đã đạt được những bước phát triển mang tính đột phá. Năm 2022, Bắc Kạn có 22/26 chỉ tiêu về kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh đạt và vượt kế hoạch.



Lãnh đạo tỉnh Bắc Kạn định kỳ tiếp xúc trao đổi với cộng đồng doanh nghiệp để lắng nghe, tháo gỡ khó khăn kịp thời

Vượt khó khăn thách thức, tiếp tục phát triển

Năm 2022, trong điều kiện còn nhiều khó khăn, thách thức nhưng với tinh thần quyết tâm chính trị cao, Bắc Kạn tích cực đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, sâu sát cơ sở để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đôn đốc, đẩy nhanh tiến độ, thực hiện hiệu quả các chương trình, đề án, các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh năm 2022 và nhiệm kỳ 2020-2025.

Kết quả, các hoạt động kinh tế của tỉnh được duy trì, phát triển ổn định. Tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2022 đạt 6,01%, trong đó: Nông, lâm nghiệp tăng trưởng 3,83%; công nghiệp - xây dựng tăng trưởng 8,96%; dịch vụ tăng trưởng 6,25%. GRDP bình quân đạt 46,3 triệu đồng/người, bằng 101% kế hoạch. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt 830 tỷ đồng đạt 101% kế hoạch. Tổng chi ngân sách đạt 8.625 tỷ đồng, đạt 138% dự toán giao đầu năm.

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp năm 2022 tăng 8% so với cùng kỳ. Nông nghiệp phát triển ổn định. Các hoạt động thương mại, dịch vụ, du lịch phục hồi tích cực. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 15% so với cùng kỳ. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 35 triệu USD (xuất siêu 11 triệu USD), đạt 140% kế hoạch, tăng 2,3% so với cùng kỳ. Số lượt khách du lịch tăng 423% so với cùng kỳ.

Lĩnh vực văn hóa - xã hội được quan tâm triển khai thực hiện. Năm học 2021 - 2022, tỷ lệ đỗ tốt nghiệp chung đạt 97,66%, vượt kế hoạch đề ra. Công tác phòng, chống dịch Covid-19 và chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân được chú trọng. Duy trì 88% số hộ gia đình đạt chuẩn văn hóa; 86% bản, thôn, khu phố đạt chuẩn văn hóa. Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều khoảng 2,55%, đạt kế hoạch đề ra. Công tác lao động, việc làm, chăm lo cho

người có công, đối tượng có hoàn cảnh khó khăn, phòng chống tệ nạn xã hội, bảo vệ trẻ em, bình đẳng giới được các cấp các ngành tích cực thực hiện...

Trong năm 2022, UBND tỉnh Bắc Kạn đã chấp thuận chủ trương đầu tư cho 12 dự án với tổng vốn đầu tư đăng ký trên 1.500 tỷ đồng, nâng tổng số dự án đang đầu tư trên địa bàn tỉnh là 177 dự án với tổng vốn đầu tư đăng ký trên 18.500 tỷ đồng (trong đó có 14 dự án trong khu công nghiệp, tổng vốn đăng ký trên 560 tỷ đồng). Các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh chủ yếu là các dự án khai thác, chế biến khoáng sản; chế biến nông, lâm sản, chăn nuôi; sản xuất vật liệu xây dựng, hạ tầng kỹ thuật khu dân cư đô thị, thủy điện...

Cải thiện môi trường kinh doanh để thu hút đầu tư

Để có được niềm tin, sự cam kết các doanh nghiệp trong những lúc khó khăn do dịch bệnh, Bắc Kạn đặc biệt quan tâm đến việc nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh. Tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 41/KH-UBND ngày 21/01/2022 gồm 07 nhóm nhiệm vụ chủ yếu, được giao cụ thể cho từng đơn vị thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ, địa bàn quản lý và đảm bảo gắn với các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2022.

Bên cạnh đó, để tăng sức hút với các nhà đầu tư đầu tư, thời gian qua, Bắc Kạn đã huy động được



hàng nghìn tỷ đồng từ các nguồn vốn Trung ương, ODA để ưu tiên đầu tư xây dựng, nâng cấp mạng lưới giao thông huyết mạch tạo thành mạng lưới giao thông đường bộ liên hoàn, kết nối trung tâm tỉnh đến các tỉnh lân cận và các huyện, xã. Nổi bật, trục Quốc lộ 3 kết nối các tỉnh trong khu vực, tuyến đường BOT từ Thái Nguyên đến Khu công nghiệp Thanh Bình đã hoàn thành và đưa vào sử dụng. Cùng với đó, UBND tỉnh đang khẩn trương đôn đốc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện tất cả các dự án trọng điểm, quan trọng có tính lan tỏa trong phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn như: Quốc lộ 3 mới đoạn Chợ Mới - Thành phố Bắc Kạn; tuyến đường Khang Ninh - Quảng Khê; Cải tạo, nâng cấp đường giao thông khu vực xung quang hồ Ba Bể... đặc biệt, phấn đấu hoàn thành tuyến đường Thành phố Bắc Kạn - Hồ Ba Bể trong năm 2023 để tạo động lực phát triển du lịch, trọng tâm là du lịch hồ Ba Bể.

Cùng với hạ tầng giao thông, tỉnh Bắc Kạn tiếp tục đẩy mạnh xây dựng chính quyền điện tử, chuyển đổi số để nâng cao chất lượng, hiệu quả phục vụ người dân và doanh nghiệp của các cấp chính quyền; đẩy mạnh việc thực hiện thủ tục cải cách hành chính trên môi trường điện tử để nâng cao tính công khai, minh bạch, tiết kiệm chi phí cho người dân và doanh nghiệp; nâng cao chất lượng công tác xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật, có tính ổn định và sát với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, giảm số lượng thủ tục, thời gian, chi phí và rủi ro cho doanh nghiệp.

Công tác xúc tiến đầu tư được quan tâm triển khai thực hiện đúng trọng tâm, bám sát nhu cầu thực tế của tỉnh với nhiều hình thức khác nhau. Tỉnh đã có nhiều cuộc tiếp xúc với các nhà đầu tư, doanh nghiệp để quảng bá, kêu gọi đầu tư vào các lĩnh vực của tỉnh như: Tập đoàn Mường Thanh; Tập đoàn APEC; Tập đoàn Intracom Group; Tập đoàn EAN Design Consulting Group Co.Ltd Hàn Quốc; Hội doanh nhân trẻ Ninh Bình; Hiệp hội nhà vệ sinh Việt Nam, Hiệp hội Mác Ca, Đại sứ quán Việt Nam tại Hy Lạp, Văn phòng cơ quan hợp tác Quốc tế Hàn Quốc (KOICA) tại Việt Nam, Liên danh Tập đoàn T&T Hà Nội và Công ty CP EREX, Nhật Bản đầu tư về điện sinh khối, Công ty CP đầu tư và quản lý khách sạn TNH Bắc Kạn làm tổ hợp khách sạn cao cấp...

Bước sang năm 2023 - năm bản lề của kế hoạch 5 năm 2021-2025, Bắc Kạn tiếp tục thực hiện mục tiêu giữ vững ổn định kinh tế, thúc đẩy tăng trưởng, quyết liệt và đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm. Phát huy truyền thống văn hóa và cách mạng, đoàn kết, năng động, Đảng bộ, chính quyền, nhân dân các dân tộc tỉnh Bắc Kạn sẽ chung sức, đồng lòng, ra sức thi đua nỗ lực phấn đấu hoàn thành thắng lợi các mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII đề ra, đưa Bắc Kạn trở thành tỉnh phát triển trong vùng kinh tế Bắc bộ./.

Trịnh Long

NHỮNG CHUYỂN BIẾN TÍCH CỰC CỦA NGÀNH Y TẾ BẮC KẠN

Mặc dù phải đối diện với nhiều khó khăn, thách thức, song ngành Y tế tỉnh Bắc Kạn đã nỗ lực triển khai các giải pháp để không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ, đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc sức khỏe của người dân, từng bước phát triển nhanh hệ thống y tế theo hướng hiện đại.

Bắc Kạn là tỉnh miền núi, thuộc vùng Đông Bắc Bộ, có địa hình tự nhiên không thuận lợi, giao thông đi lại khó khăn, đồng bào dân tộc thiểu số chiếm trên 86%, nền kinh tế chậm phát triển, tỷ lệ hộ nghèo cao so với mặt bằng chung của cả nước. Những năm qua, ngành Y tế Bắc Kạn đã tập trung các giải pháp đồng bộ để nâng cao năng lực và chất lượng khám, chữa bệnh (KCB) ở tất cả các tuyến để giảm bớt gánh nặng chi phí cho người dân khi phải thăm khám và điều trị tại các bệnh viện tuyến Trung ương.

Theo đó, Ngành chú trọng vào việc đầu tư mua sắm và khai thác tối đa trang thiết bị hiện có;



Phẫu thuật nội soi tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Kạn

đào tạo nâng cao trình độ đội ngũ y, bác sĩ, nhất là những chuyên khoa sâu; thực hiện đề án 1816 mời các chuyên gia bệnh viện tuyến trên chuyển giao kỹ thuật cho Bệnh viện Đa khoa tỉnh; tăng cường thực hiện đổi mới phong cách, thái độ phục vụ của cán bộ y tế hướng tới sự hài lòng của người bệnh; thực hiện cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin từ quản lý bệnh viện, giám định bảo hiểm y tế, bệnh án điện tử tới chẩn đoán, xét nghiệm, khám, chữa bệnh từ xa; đặc biệt thực hiện Quyết định số 6858/QĐ-BYT ngày 18/11/2016 của Bộ Y tế về việc Ban hành Bộ Tiêu chí chất lượng Bệnh viện Việt Nam, hàng năm tổ chức kiểm tra, đánh giá chất lượng bệnh viện, khảo sát sự hài lòng của người bệnh.

Nhờ đó, đến nay năng lực KCB và chất lượng các dịch vụ y tế ở tất cả các tuyến của tỉnh Bắc Kạn đã được nâng lên đáng kể. Tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh đã thực hiện được 71% danh mục kỹ thuật phân tuyến chuyên môn theo quy định của Bộ Y tế và triển khai tốt các kỹ thuật chuyên sâu như: Phẫu thuật nội soi trong ngoại khoa (PT nội soi cắt ruột thừa; cắt túi mật; cắt u xơ tiền liệt tuyến; nội soi tán sỏi tiết niệu bằng laser); Nội soi đường tiêu hóa có gây mê; nội soi cắt polip đại tràng; nội soi tiêu xơ cầm máu trong xuất huyết tiêu hóa; Siêu âm tim; Liệu pháp surfactant trong điều trị suy hô hấp sơ sinh; hồi sức cấp cứu chống độc, lọc thận nhân tạo; Nội soi tán sỏi bàng quang; Phẫu thuật chấn thương sọ não kín; Phẫu thuật thay khớp háng bán phần; Tán sỏi tiết niệu bằng laser; Phẫu thuật cố định cột sống thắt lưng bằng nẹp vít; Quản lý và điều trị viêm gan virus B; Xét nghiệm HBV đo tải lượng Real - Time PCR; Nghiệm pháp dung nạp đường huyết, đặc biệt bệnh viện đã thực hiện được

dịch vụ kỹ thuật tách các thành phần trong máu...

Bên cạnh đó, thực hiện kế hoạch hoạt động của Đề án bệnh viện vệ tinh, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Kạn đã chủ động cử cán bộ y tế tham dự các lớp đào tạo, tiếp nhận chuyển giao kỹ thuật của Bệnh viện hạt nhân như: Cấp cứu tim mạch (bác sĩ, điều dưỡng); Holter điện tâm đồ; siêu âm tim cơ bản; hóa trị ung thư thực quản; chăm sóc giảm nhẹ cho người bệnh ung thư góp phần chăm sóc người bệnh ngay tại tuyến tỉnh, hạn chế chuyển tuyến trên. Hiện nay, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Kạn là bệnh viện vệ tinh của Bệnh viện K Trung ương và Bệnh viện Tim Hà Nội nên thường xuyên được các đơn vị này hỗ trợ về chuyên môn và chuyển giao kỹ thuật.

Tại trung tâm Y tế tuyến huyện đã triển khai được nhiều kỹ thuật mới trong lâm sàng như: Phẫu thuật cắt bỏ các loại u bao hoạt dịch, u phần mềm phức tạp; Phẫu thuật khâu nối gân gấp, gân duỗi các loại; Phẫu thuật cắt tử cung bán phần; Chiếu đèn hồng ngoại; mổ kết hợp gãy xương đùi bằng nẹp vít, mổ cấp cứu cắt lách; Nhổ răng khó; Nội soi gấp dị vật thực quản bằng ống cứng. Đặc biệt, kỹ thuật lưu dự trữ, bảo quản máu và truyền máu trở thành một kỹ thuật thường quy tại một số đơn vị trong tỉnh, qua đó góp phần nâng cao chất lượng khám, điều trị cấp cứu các ca bệnh nặng, hạn chế người bệnh chuyển tuyến trên.

Cùng với phát triển về chuyên môn, kỹ thuật, việc thực hiện cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong KCB của ngành Y tế Bắc Kạn đã đạt được những kết quả tích cực. Ngành đã và đang đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, ứng dụng công nghệ số toàn diện tại các cơ sở KCB, phát triển nền tảng hỗ trợ KCB từ xa, góp phần cải cách hành chính, giảm tải

bệnh viện, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh. Các phần mềm chuyên ngành cơ bản như: Phần mềm quản lý KCB, phần mềm y tế cơ sở, phần mềm tiêm chủng quốc gia, phần mềm hồ sơ sức khỏe điện tử... đã và đang được Ngành triển khai sâu rộng và hiệu quả. Ở cấp cơ sở, phần mềm y tế cơ sở được triển khai đồng bộ trong toàn tỉnh. Phần mềm quản lý bệnh viện được ứng dụng rộng rãi tại các bệnh viện tuyến tỉnh, tuyến huyện. Các đơn vị từ tuyến tỉnh, huyện đến cơ sở đã tập trung xây dựng, cập nhật thông tin lên cơ sở dữ liệu chung của các phần mềm, qua đó giúp công tác quản lý toàn Ngành được thuận tiện hơn.

Cùng với đó, 100% đơn vị từ tuyến tỉnh đến tuyến xã đã cập nhật thành công dữ liệu lên Cổng tiếp nhận dữ liệu hệ thống thông tin Giám định Bảo hiểm y tế (BHYT) và thực hiện giám định BHYT theo quy định. Có 100% đơn vị đã thực hiện kết xuất dữ liệu, giám định điện tử với BHYT; 100% đơn vị đã tiến hành thanh toán bảo hiểm qua hệ thống phần mềm. Đến nay, hệ thống danh mục dùng chung đã được các đơn vị xây dựng, cập nhật và khai thác hiệu quả, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác thống kê, báo cáo và quản lý khám chữa bệnh, cung cấp thông tin đầy đủ và rút ngắn thời gian thực hiện các quy trình KCB.

Có thể nói, dù phải đối mặt với không ít khó khăn, thách thức, song với sự nỗ lực của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động, toàn ngành Y tế Bắc Kạn đã có những bước chuyển mình lớn trong tổ chức chỉ đạo thực hiện các hoạt động chuyên môn, từng bước đáp ứng sự hài lòng của người dân, đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương./

Thành Nam



HUYỆN CHỢ MỚI

NHỮNG ĐIỂM SÁNG TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI



Một góc của thị trấn Đồng Tâm, huyện Chợ Mới

Những năm qua, huyện Chợ Mới (tỉnh Bắc Kạn) đã thực hiện nhiều giải pháp để biến những tiềm năng, lợi thế thành động lực phát triển kinh tế - xã hội, từng bước khẳng định vai trò là cực tăng trưởng vùng động lực phát triển của tỉnh Bắc Kạn.

So với các huyện khác của tỉnh Bắc Kạn, Chợ Mới là huyện có nhiều lợi thế để phát triển kinh tế - xã hội do khá thuận lợi về giao thông khi được kết nối với các tỉnh, thành phố có nền kinh tế phát triển năng động như Thái Nguyên, Hà Nội ... qua Quốc lộ 3 và đường Thái Nguyên - Chợ Mới. Bên cạnh đó, trên địa bàn huyện Chợ Mới còn có khu công nghiệp Thanh Bình, hiện nay là khu công nghiệp duy nhất của tỉnh Bắc Kạn, thời gian qua đã thu hút được một số doanh nghiệp đến sản xuất ổn định. Chợ Mới còn là huyện đi đầu

trong việc khai thác thế mạnh kinh tế lâm nghiệp của tỉnh, cũng là huyện có tiềm năng để phát triển các loại hình du lịch tâm linh và du lịch sinh thái cộng đồng...

Đặc biệt, theo định hướng phát triển không gian, các hành lang kinh tế của tỉnh Bắc Kạn, Chợ Mới được xác định nằm trong vùng trung tâm động lực, gồm thành phố Bắc Kạn, huyện Chợ Mới và huyện Bạch Thông với trung tâm là thành phố Bắc Kạn là đầu tàu cho sự phát triển của toàn tỉnh gắn với hành lang phát triển QL3 và tuyến cao tốc.

Để biến tiềm năng, lợi thế thành động lực phát triển, Huyện đã chú trọng đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội. Giao thông, thủy lợi, điện lưới, trường học, bệnh viện, trạm y tế, công trình nước sạch, viễn thông, trụ sở làm việc... được đầu tư toàn diện, phục vụ hiệu quả cho phát triển kinh tế - xã hội. Để tiếp tục

nâng cao chất lượng hạ tầng kinh tế - xã hội, Huyện Chợ Mới đang đẩy mạnh thu hút các dự án đầu tư vào lĩnh vực phát triển kết cấu hạ tầng thông qua hình thức đổi đất lấy hạ tầng, trong đó tập trung vào các công trình cấp thiết phục vụ cho phát triển kinh tế và sinh hoạt của người dân.

Bên cạnh đó, huyện Chợ Mới tập trung quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả diện tích đất đồi rừng, khuyến khích phát triển trồng rừng gỗ lớn... Từ năm 2020 đến nay, huyện Chợ Mới trồng được hơn 3,2 nghìn ha rừng, trong đó trồng lại sau khai thác hơn 2 nghìn ha, gần 1 nghìn ha rừng phân tán, còn lại diện tích rừng trồng của Lâm trường. Triển khai Dự án KFW8 trên địa bàn một số xã, đến nay, Huyện đã đo đạc thực hiện dự án được 987ha; diện tích đánh dấu cây tía thưa hơn 700ha, với 533 hộ dân tham gia và đã được cấp sổ tiết kiệm với số tiền hơn 6,7 tỷ đồng.

Trong phát triển du lịch, huyện Chợ Mới chú trọng nâng cao trách nhiệm, hiệu quả công tác quản lý của chính quyền các cấp, đặc biệt là người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ phát triển du lịch tại địa phương, đơn vị; Triển khai thực hiện tốt công tác tuyên truyền; Nâng cao ý thức của người dân trong thực hiện nếp sống văn minh, giữ gìn bản sắc văn hóa, di tích lịch sử, giữ gìn cảnh quan thiên nhiên, môi trường; phát huy hình ảnh con người Chợ Mới "thân thiện, nhân ái, mến khách..." tạo ấn tượng tốt đẹp đối với khách du lịch. Song song với đó, Huyện ưu tiên bố trí

nguồn lực để lập quy hoạch xây dựng các khu du lịch trọng điểm phù hợp với quy hoạch chung của Huyện thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 làm cơ sở đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và thu hút đầu tư phát triển du lịch. Đồng thời, tập trung lập quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi các giá trị di tích lịch sử văn hoá Chùa Thạch Long (xã Cao Kỳ) và Đền Thắm (thị trấn Đồng Tâm); quy hoạch khu du lịch cộng đồng thôn Chúa Lải (xã Thanh Vân); quản lý tốt quy hoạch xây dựng khu du lịch.



Nông dân xã Bình Văn vào vụ thu hoạch hồi

Với khu công nghiệp Thanh Bình, sau hơn 10 năm hoạt động kém hiệu quả, thời gian gần đây, nhờ chuyển đổi trọng tâm thu hút đầu tư, diện mạo đã khởi sắc. Hiện có 7 dự án đang đăng ký đầu tư vào khu công nghiệp Thanh Bình, đều trong lĩnh vực sản xuất, chế biến gỗ. Số lao động địa phương tại khu công nghiệp chiếm khoảng 80% với thu nhập bình quân đạt khoảng 6 triệu đồng/người/tháng. Hiện nay, tỉnh Bắc Kạn đã hoàn thiện kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Thanh Bình giai đoạn I (73,5 ha) và chuẩn bị mở rộng thêm theo quy hoạch (51 ha), đồng thời đầu tư hạ tầng kỹ thuật giai đoạn II với quy mô diện tích 80,3 ha. Tỉnh Bắc Kạn cũng đang đẩy mạnh chương trình xúc tiến đầu tư vào khu công nghiệp Thanh Bình. Trong đó, giai đoạn 2021-2025, tỉnh đặt mục tiêu thu hút khoảng 20 dự án đầu tư mới vào khu công nghiệp với tổng vốn đăng ký đạt hơn 2.150 tỷ đồng. Khi đó, huyện Chợ Mới sẽ hưởng lợi nhiều hơn nữa những lợi ích mà khu công nghiệp Thanh Bình đem lại để phát triển mạnh thương mại dịch vụ, công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp mà gần nhất là thu hút nhà đầu tư phát triển 02 cụm công nghiệp Thanh Thịnh và Quảng Chu, qua đó góp phần đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế của Huyện./

T.N

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Kạn được thành lập ngày 4/2/1997 trên cơ sở Bệnh viện B (tỉnh Bắc Thái cũ) với quy mô ban đầu là 320 giường bệnh (trước đây tỉnh Bắc Thái có 3 bệnh viện cấp tỉnh là Bệnh viện A, Bệnh viện B và Bệnh viện C). Đến năm 2009, Bệnh viện được đầu tư nâng cấp lên quy mô 500 giường. Đáp lại sự quan tâm, tin tưởng của cấp ủy, chính quyền địa phương, BVĐK tỉnh Bắc Kạn sử dụng hiệu quả các trang thiết bị được đầu tư, tăng cường công tác đào tạo bổ sung nguồn nhân lực y tế chất lượng cao, nâng cao tinh thần làm việc tận tâm, tận tụy của người thầy thuốc. Hiện nay, dù quy mô 500 giường nhưng khả năng thu dung mở rộng của Bệnh viện có thời điểm lên tới 600 đến 800 giường bệnh, lượng bệnh nhân điều trị nội trú tại các khoa lâm sàng từ trung bình 500-580 người bệnh/ngày.

Sau hơn 2 năm cùng cả nước tham gia tích cực phòng chống dịch Covid-19, khi trở lại nhịp bình thường, hoạt động của Bệnh viện cũng gặp nhiều khó khăn thách thức trong năm 2022, đơn vị vẫn hoàn thành và hoàn thành vượt mức nhiều chỉ tiêu kế hoạch, nhiệm vụ được giao, thu nhập của cán bộ, viên chức ổn định.

Để đạt được sự ổn định ngay khi trở lại “bình thường mới” như vậy, trong nhiều năm trước đó, Bệnh viện luôn xác định lấy chất lượng khám, chữa bệnh là khâu đột phá và là động lực phát triển, lấy người bệnh làm trung tâm, lấy hài lòng làm tiêu chuẩn đánh giá hiệu quả hoạt động. Xuất phát từ mục tiêu xuyên suốt này, các thế hệ lãnh đạo Bệnh viện đã tranh thủ mọi nguồn lực, mọi sự quan tâm để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực y tế. Bệnh viện thường xuyên cử viên chức luân phiên đi đào tạo về lý luận chính trị, quản lý nhà nước và chuyên môn sâu ở một số chuyên ngành phục vụ công tác khám chữa bệnh đạt hiệu quả cao. Bên cạnh đó, thông qua các Đề án của Bộ như Đề án chỉ đạo tuyến 1816, Đề án khám chữa bệnh từ xa... Bệnh viện đã mời được các chuyên gia, bác sĩ đầu ngành tại các bệnh viện lớn như Bệnh viện (BV) Bạch Mai, BV Việt Đức, BV Trung ương Quân đội 108, BV Đại học Y Hà Nội, BV Sản Hà Nội, BV Tim Hà Nội, Viện Huyết học truyền máu TW... về hỗ trợ công tác đào tạo cũng như chuyển giao kỹ thuật. Nhờ quá trình tuyển dụng, đào tạo và bồi dưỡng liên tục, Bệnh viện hiện nay có đội ngũ y bác sỹ được bổ sung đầy đủ, giỏi chuyên môn, giàu trách nhiệm, nguồn bác sỹ đông đảo gồm hơn 140 bác sỹ.

Một điểm thuận lợi đối với hoạt động của BVĐK tỉnh Bắc Kạn đó là hệ thống cơ sở, trang thiết bị y tế phục vụ chẩn đoán và điều trị được đầu tư khá đồng bộ thông qua các chương trình dự án như: Dự án xây dựng Bệnh viện 500 giường, dự án bệnh viện vệ tinh và được tiếp nhận từ việc giải thể trường Trung cấp Y tế Bắc Kạn.... Nổi bật, có nhiều trang thiết bị hiện đại như: Hệ thống X-quang cao tần kỹ thuật số; Hệ thống chụp cắt lớp điện toán xoắn ốc;



BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH BẮC KẠN: NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG KHÁM CHỮA BỆNH, TRIỂN KHAI NHỮNG KỸ THUẬT CHUYÊN MÔN MỚI

Là bệnh viện tuyến cuối và có chuyên môn cao nhất tại Bắc Kạn, những năm qua, Bệnh viện đa khoa (BVĐK) tỉnh Bắc Kạn luôn dành sự quan tâm hàng đầu tới nâng cao chất lượng khám chữa bệnh. Dù gặp nhiều khó khăn do đại dịch song BVĐK tỉnh Bắc Kạn vẫn tiếp nhận và triển khai nhiều kỹ thuật chuyên môn mới đồng thời tích cực đầu tư cơ sở vật chất xây dựng bệnh viện “xanh, sạch, đẹp” hướng đến mục tiêu vì sự hài lòng người bệnh.

Máy X-quang cánh tay chữ C (C-Arm); Máy CT scanner > 16 lát cắt; Máy siêu âm màu 4D; Máy siêu âm doppler màu chuyên tim 3 đầu dò; Máy theo dõi bệnh nhân 6 thông số; Máy phá rung tim; Holter điện tim, Holter huyết áp; Hệ thống phẫu thuật nội soi; Máy đốt u gan bằng sóng cao tần; Máy hàn mạch có tích hợp dao mổ điện...

Nhờ đó, chất lượng chẩn đoán, điều trị đã được nâng cao, Bệnh viện không chỉ duy trì tốt những dịch vụ kỹ thuật cơ bản mà tiếp tục triển khai được nhiều kỹ thuật cao, chi phí lớn như: Kỹ thuật lọc máu liên tục và thay huyết tương cho người bệnh, chụp cộng hưởng từ, chụp mạch bằng máy Angio một bình diện cảm biến phẳng, tán sỏi tiết niệu ngoài cơ thể, điều trị vết thương bằng máy phát tia plasma, gói dịch vụ hỗ trợ sinh sản, những xét nghiệm chuyên sâu chẩn đoán ung thư sớm...

Việc triển khai kỹ thuật mới trong khám, chữa bệnh, phẫu thuật... có ý nghĩa vô cùng quan trọng, không chỉ giúp cho đội ngũ cán bộ y tế BVĐK tỉnh Bắc Kạn làm chủ khoa học kỹ thuật, nâng cao tay nghề, hạn chế biến chứng mà còn giúp tiết kiệm chi phí cho người bệnh. Nhiều trường hợp trước đây phải chuyển xuống bệnh viện tuyến Trung ương để điều trị nhưng đến nay người bệnh có thể được chẩn đoán và điều trị đạt hiệu quả ngay tại tỉnh.

Bên cạnh đó, để tạo thuận lợi cho người dân, Ban lãnh đạo Bệnh viện đã xây dựng quy trình khám chữa bệnh theo hướng đơn giản hoá, tiếp tục tiếp đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động quản lý và chuyên môn, đưa vào sử dụng có hiệu quả các phần mềm trong khám, chữa bệnh, cấp thuốc cho người bệnh, nghiên cứu các hạng mục để thực hiện Bệnh án điện tử... Song song, Bệnh viện

đẩy mạnh phong trào thi đua học tập làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; tăng cường công tác giáo dục tư tưởng cho cán bộ, bác sĩ nhân viên phải thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ viên chức, người lao động làm việc tại các cơ sở y tế, có thái độ ân cần, niềm nở, nhiệt tình và chu đáo với người bệnh. Để xây dựng môi trường “xanh, sạch, đẹp”, Bệnh viện đã đầu tư chỉnh trang, cải tạo vườn hoa cây cảnh, đặt nhiều ghế đá ở những nơi thoáng mát để bệnh nhân và người nhà thư giãn khi thăm nom, chăm sóc bệnh nhân; cải tạo hệ thống đường đi trong bệnh viện; đặt thêm cây xanh tại các khoa, hành lang đi lại, xây dựng khu dịch vụ thân thiện... góp phần tạo không khí dễ chịu, cần thiết cho công tác khám, chữa bệnh.

Thời gian tới, thực hiện lộ trình phát triển trở thành bệnh viện hạng I vào năm 2025, Bệnh viện tiếp tục đặt trọng tâm vào công tác đào tạo, cử những người có năng lực đi học chuyên khoa cấp I, chuyên khoa cấp II, rà soát các danh mục, dịch vụ kỹ thuật mà Bộ Y tế ban hành, để thực hiện được ở tất cả các chuyên khoa, chú trọng các chuyên ngành kỹ thuật cao, kỹ thuật chuyên sâu. Cùng với nỗ lực của tập thể đơn vị, Bệnh viện cũng mong Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh tiếp quan tâm và tạo điều kiện tiếp tục hỗ trợ đội ngũ y, bác sĩ đi đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn./.

Đình Long



Bác sĩ khoa Chẩn đoán hình ảnh Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Kạn chụp CT scanner sọ não cho người bệnh

Trung tâm Y tế huyện Bạch Thông: NỖ LỰC VÌ SỰ AN TOÀN VÀ SỨC KHOẺ CỦA NHÂN DÂN



Bác sĩ Hoàng Thị Hà
Giám đốc Trung tâm Y tế
huyện Bạch Thông

Bạch Thông là huyện miền núi, vẫn còn khó khăn của tỉnh Bắc Kạn, dân số chủ yếu là người dân tộc thiểu số (Tày, Nùng, Dao, Hoa), trình độ dân trí không đồng đều, điều này dẫn tới việc tiếp cận các dịch vụ y tế của người dân ở một số xã còn hạn chế. Xác định rõ y tế cơ sở là nơi đầu tiên tiếp cận người dân, TTYT huyện Bạch Thông đã chú trọng tăng cường nguồn lực, củng cố mạng lưới y tế xã, thị trấn. Theo đó, Trung tâm đã tranh thủ sự quan tâm đầu tư của Sở Y tế, huyện Chợ Đồn và địa phương để xây dựng, nâng cấp, sửa chữa cơ sở vật chất cho các trạm y tế, đồng thời bố trí cán bộ, bác sĩ có năng lực làm việc tại tuyến xã. Nổi bật, trong năm qua, Trung tâm đã hoàn thiện việc xây mới và sửa chữa các Trạm Y tế Lục Bình, Cẩm Giàng, Quân Hà để đưa vào sử dụng. Đến nay, Trung tâm tiếp tục chỉ đạo 14/14 Trạm Y tế các xã, thị trấn duy trì thực hiện các nội dung Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế xã (đạt chuẩn).

Mạng lưới y tế ở cơ sở ngày một vững mạnh, kết hợp với tăng cường công tác truyền thông, đổi mới phương pháp tiếp cận người dân... nên nhận thức của người dân trên địa bàn, đặc biệt khu vực xa trung tâm về chăm sóc, giữ gìn sức khỏe ban đầu có sự thay đổi.

Ba năm vừa qua, mặc dù gặp nhiều khó khăn do dịch Covid-19 song đội ngũ cán bộ, bác sĩ, nhân viên y tế của Trung tâm Y tế (TTYT) huyện Bạch Thông đã nỗ lực không ngừng, huy động tối đa mọi nguồn lực tham gia tích cực vào công tác phòng, chống dịch hiệu quả. Và khi được trở lại điều kiện bình thường mới, Trung tâm cũng nhanh chóng ổn định hoạt động, đảm bảo công tác khám, điều trị diễn ra một cách an toàn, góp phần bảo vệ và nâng cao sức khỏe cho nhân dân trên địa bàn.

Họ đã tích cực hưởng ứng các chương trình tiêm chủng, tiêm chủng mở rộng; có ý thức và kiến thức căn bản để phòng tránh dịch bệnh, chăm sóc sức khỏe sinh sản và chấp hành tốt các nội dung của Pháp lệnh về dân số. Bên cạnh đó, Trung tâm cũng được đầu tư các trang thiết bị, chuẩn bị các điều kiện cần thiết, chủ động lên kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ. Nhờ vậy, các chỉ tiêu y tế dự phòng và công tác dân số khác cũng cơ bản đạt kế hoạch

được giao. Năm 2022, tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh đạt 95% vượt 1,5 điểm % kế hoạch. Hộ gia đình sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh đạt 84%, số hộ gia đình được sử dụng nước sạch hợp quy chuẩn của Bộ Y tế đạt 26%. Các bệnh truyền nhiễm cơ bản được kiểm soát tốt, không để dịch bệnh lớn xảy ra trên địa bàn. Công tác tiêm chủng được đảm bảo, tỷ lệ số trẻ dưới 1 tuổi được tiêm đầy đủ đạt 93,2%; thực hiện sàng lọc trước sinh đạt 215% kế hoạch, sàng lọc sơ sinh trẻ đạt 100% kế hoạch, trong số trẻ đã được sàng lọc không có trẻ có kết quả nghi ngờ mắc bệnh; tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em thể nhẹ cân giảm còn 10,4%, suy dinh dưỡng thể thấp còi chỉ còn 14,9%. Các trạm y tế tuyến xã đã thực hiện tổ chức khám sàng lọc trong cộng đồng, khu vực đạt trên 100% kế hoạch nhằm phát hiện sớm đối với các bệnh không lây nhiễm là đái tháo đường, tăng huyết áp, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và ung thư vú từ đó có biện pháp theo dõi, quản lý, chăm sóc, phát thuốc điều trị kịp thời.

Song song với công tác dự phòng, TTYT huyện Bạch Thông cũng nỗ lực nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh và tạo ra bước chuyển biến trong phong cách



Các bác sĩ TTYT Bạch Thông thực hiện kỹ thuật nội soi
Thực quản - Dạ dày - Tá tràng (do BVĐK chuyển giao)



thái độ phục vụ hướng tới sự hài lòng của người dân. Thấm nhuần lời dạy của Bác “Lương y phải như từ mẫu”, cán bộ, viên chức, nhân viên TTYT huyện Bạch Thông đã tích cực tu dưỡng, rèn luyện về chuyên môn, nhiệt tình tham gia nghiên cứu khoa học, đóng góp nhiều sáng kiến kinh nghiệm để nâng cao hiệu quả, chất lượng công việc. Bên cạnh đó, Ban lãnh đạo Trung tâm rất quan tâm, tạo điều kiện cho đội ngũ y, bác sĩ được đi đào tạo nâng cao trình độ, nghiệp vụ. Riêng trong năm 2022, Trung tâm đã cử đi đào tạo chuyên môn sau đại học 02 bác sĩ, trong đó 01 BSCKI sản phụ khoa, 01 BSCKI gây mê hồi sức. Nhờ quá trình đào tạo, bồi dưỡng liên tục, nguồn nhân lực y tế tại Trung tâm có thể đảm nhận tốt các công việc được giao. Đến nay, TTYT huyện Bạch Thông có 153 người, trong đó số người có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sau đại học là 13; đại học là 53 người.

Hướng tới chất lượng toàn diện, Trung tâm chú trọng cải cách thủ tục hành chính, rút gọn các bước trong quy trình khám chữa bệnh, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, triển khai ứng dụng và khai thác có hiệu quả các phần mềm, nổi bật như phần mềm quản lý bệnh viện (Hisone), phần mềm khai báo bệnh truyền nhiễm, tiêm chủng mở rộng, phần mềm quản lý công sản, báo cáo môi trường, HIV/AIDS, Lao và một phần bệnh án điện tử tuyến huyện... Các phần mềm không chỉ giúp nâng cao chất lượng công việc, tăng hiệu suất, tiết kiệm chi phí mà còn giải thời giảm chờ đợi, làm thủ tục của người bệnh.

Được sự quan tâm, tạo điều kiện của ngành Y tế, trong 3 năm qua, Trung tâm được được đầu tư hệ thống trang thiết bị máy móc hiện đại, sửa chữa phòng làm việc ở các khoa, phòng từ nguồn ngân sách của tỉnh, đến nay nhiều hạng mục đã hoàn thành và đưa vào sử dụng. Tuy nhiên, để đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng khám chữa bệnh phục vụ nhân dân, Trung tâm tiếp tục dành các nguồn lực và tranh thủ sự quan tâm của Tỉnh, Sở thông qua các chương trình dự án (đặc biệt nguồn vốn hồi phục kinh tế)... để mua sắm bổ sung các trang thiết bị hiện đại phục vụ từ huyện đến các trạm y tế tuyến xã, đảm bảo các điều kiện cần thiết để nhận chuyển giao và triển khai các kỹ thuật mới.

Trong năm 2022, mặc dù vẫn chịu ảnh hưởng do dịch Covid-19, Trung tâm vẫn duy trì tốt công tác khám bệnh, cấp cứu và điều trị người bệnh, thực hiện tốt quy trình chuyên môn. Tổng số lượt khám bệnh tại Trung tâm vẫn đạt 31.360 lượt, bằng 101% kế hoạch, số bệnh nhân điều trị nội trú: 4.569 bệnh nhân, bằng 125% kế hoạch; tổng số ngày điều trị của người bệnh nội trú: 24.750 ngày, bằng 113% kế hoạch, công suất sử dụng giường bệnh: 123%; tổng số ca phẫu thuật là 626 ca, bằng 118% kế hoạch. Điểm tự đánh giá “Chất lượng bệnh viện” theo 83 tiêu chí của Bộ Y tế hướng dẫn của Trung tâm đạt bình quân 3,3 điểm/01 tiêu chí, xếp loại chất lượng khá. Sự nỗ lực, phấn đấu của tập thể cán bộ TTYT huyện Bạch Thông đã nhận được sự tin yêu của người bệnh và được các cấp, ngành tặng thưởng nhiều danh hiệu thi đua cao quý./.

Long Trịnh

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN CHỢ ĐỒN NÂNG CAO HIỆU QUẢ VÀ CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG

Chợ Đồn là huyện miền núi vùng cao của tỉnh Bắc Kạn. Những năm gần đây, mảnh đất giàu truyền thống cách mạng Chợ Đồn có bước phát triển mạnh mẽ và trở thành một vùng nông thôn mới đầy khởi sắc. Đóng góp vào bức tranh phát triển chung tươi sáng của huyện, ngành y tế huyện nói chung và Trung tâm Y tế huyện Chợ Đồn nói riêng đã có nhiều nỗ lực vượt qua khó khăn, hoàn thành tốt các nhiệm vụ, chỉ tiêu được giao, góp phần chăm sóc bảo vệ, nâng cao sức khỏe cho nhân dân trên địa bàn.

Sau hơn 2 năm chịu ảnh hưởng do đại dịch Covid-19, hoạt động khám chữa bệnh của Trung tâm Y tế huyện Chợ Đồn cũng gặp không ít khó khăn như: Số bệnh nhân ngoại trú và điều trị nội trú đều giảm, ảnh hưởng nguồn thu khám chữa bệnh của đơn vị, trong khi cơ sở vật chất còn thiếu, các thiết bị xét nghiệm phân tán, nhân lực chưa đồng bộ, bác sĩ có trình độ chuyên khoa sâu, chuyên khoa lẻ còn thiếu.... Song được sự quan tâm chỉ đạo kịp thời của các cấp, ngành, cùng tinh thần làm việc trách nhiệm của tập thể đội ngũ cán bộ, bác sĩ, nhân viên y tế, Trung tâm đã nỗ lực duy trì nâng cao chất lượng bệnh viện, đáp ứng tốt nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe cho người dân.

Xác định yếu tố con người góp phần quyết định đến chất lượng khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe nhân dân nên Ban lãnh đạo Trung tâm đã xây dựng kế hoạch dài hạn, khuyến khích, hỗ trợ cử cán bộ,



Các bác sĩ của TTYT huyện Chợ Đồn được các bác sĩ BVĐK tỉnh Bắc Kạn chuyển giao kỹ thuật Phẫu thuật nội soi ổ bụng

bác sĩ đi đào tạo dài hạn hoặc tham gia các lớp tập huấn chuyên môn do Bộ Y tế, Sở Y tế tỉnh tổ chức hoặc tiếp nhận các đợt chuyển giao kỹ thuật từ tuyến trung ương, tuyến tỉnh (đặc biệt với những chuyên ngành/khoa phù hợp với mô hình bệnh tật tại địa phương). Cùng với đó, Ban lãnh đạo Trung tâm quan tâm bố trí sắp xếp vị trí việc làm phù hợp với từng cá nhân nhằm phát huy năng lực về chuyên môn và kinh nghiệm làm việc của mỗi nhân viên y tế. Do đó, trong quá trình làm việc, đội ngũ bác sĩ, nhân viên y tế của Trung tâm thực hiện nghiêm túc các quy trình về khám bệnh, chẩn đoán, kê đơn thuốc điều trị và làm hồ sơ bệnh án. Các thông tin về chăm sóc và điều trị người bệnh được ghi vào hồ sơ, thông tin đầy đủ theo quy định, hồ sơ bệnh án được kiểm tra, đánh giá thường quy.

Hệ thống cơ sở hạ tầng và các trang thiết bị y tế ở TTYT huyện Chợ Đồn đã được đầu tư đồng bộ trong giai đoạn trước nên đáp ứng được tốt yêu cầu khám chữa bệnh của nhân dân trên địa bàn. Tuy nhiên, do đầu tư từ lâu, một số hạng mục công trình có dấu hiệu xuống cấp, để nâng cao chất lượng toàn diện, hiện nay Trung tâm tiếp tục tranh thủ sự quan tâm, tạo điều kiện của tỉnh, ngành y tế, thông qua các chương trình dự án (đặc biệt nguồn vốn hồi phục kinh tế)... để sửa chữa, mua sắm các trang thiết bị hiện đại phục vụ cho công tác khám chữa bệnh từ huyện đến các trạm y tế tuyến xã.

Để tạo thuận lợi và phục vụ nhân dân tốt hơn, Ban lãnh đạo Trung tâm đẩy mạnh phong trào thi đua học tập làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; tăng cường công tác giáo dục tư tưởng cho cán bộ, bác sĩ nhân viên y tế, chú trọng đổi mới phong cách phục vụ, thực hiện tốt quy tắc ứng xử, bồi dưỡng Y đức nhằm hướng tới sự hài lòng của người bệnh. TTYT huyện Chợ Đồn đang nỗ lực xây dựng hình ảnh người bác sĩ, nhân viên y tế không chỉ giỏi chuyên môn mà còn thân thiện, tận tình, chu đáo. Bên cạnh đó, Ban lãnh đạo Trung tâm đã xây dựng quy trình khám chữa bệnh theo hướng đơn giản hoá, tiếp tục tiếp đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động khám, điều trị và các thủ tục tại Trung tâm.

Với những biện pháp hiệu quả, thiết thực, công tác khám, chữa bệnh tại TTYT huyện Chợ Đồn có những chuyển biến toàn diện. Sau 2 năm chịu ảnh hưởng do dịch Covid-19, bằng những nỗ lực duy trì nâng cao chất lượng bệnh viện, năm 2022, lượng bệnh nhân quay trở lại khám, điều trị tại các tuyến từ trạm y tế xã tới tại Trung tâm tuyến huyện tăng dần trở lại. Cụ thể, ở tuyến huyện, số người khám bệnh 40,3 nghìn lượt, số bệnh nhân điều trị nội trú là 6,6 nghìn lượt với tổng số ngày điều trị nội trú 42,6 nghìn ngày, công suất sử dụng giường bệnh đạt 100%;



Các bác sĩ của Trung tâm y tế huyện Chợ Đồn ân cần thăm khám cho người bệnh

còn ở các trạm y tế, tổng số người đến khám là 39,6 nghìn lượt, bằng 104% kế hoạch năm. Nhìn chung, chất lượng khám và điều trị bệnh cho nhân dân được bảo đảm an toàn, phát huy có hiệu quả các trang thiết bị được cung cấp, không để xảy ra sai sót làm ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng của người bệnh, hạn chế đến mức thấp nhất tình trạng sai sót chuyên môn và giảm tỷ lệ bệnh nhân chuyển tuyến. Hơn thế nữa, Trung tâm đã thực hiện được nhiều kỹ thuật y tế ở tuyến trên như: Nội soi chẩn đoán viêm loét dạ dày, tá tràng, trào ngược thực quản; phẫu thuật nội soi cắt ruột thừa, u buồng trứng..

Đối với công tác dự phòng và dân số, TTYT huyện Chợ Đồn cơ bản đảm bảo các chỉ tiêu kế hoạch cấp trên giao, thực hiện tốt các chương trình mục tiêu y tế quốc gia. Công tác giám sát dịch bệnh được duy trì thường xuyên, thực hiện tốt các quy định về thông tin, thống kê, báo cáo theo quy định. Các bệnh truyền nhiễm cơ bản được kiểm soát tốt, không để dịch bệnh lớn xảy ra trên địa bàn. Công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình, tiêm chủng mở rộng... được tổ chức thường xuyên và có hiệu quả. Công tác tiêm chủng đảm bảo an toàn không có tai biến xảy ra. Bên cạnh đó, tính đến hết năm 2022, toàn huyện có 19/20 Trạm Y tế xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế. Tại các trạm y tế đạt chuẩn Quốc gia, cơ sở vật chất được xây dựng bố trí khang trang, đảm bảo diện tích, thuận tiện đường giao thông và thuận lợi cho người dân đến khám và điều trị; máy móc trang, thiết bị tương đối đầy đủ theo danh mục yêu cầu, các chương trình mục tiêu y tế được duy trì thực hiện đảm bảo, đáp ứng yêu cầu cấp phát thuốc tại cơ sở và theo dõi chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân trên địa bàn./.

Đ.L

CON SỐ & SỰ KIỆN

Tạp chí của Tổng cục Thống kê ISSN 2734-9136. Số kỳ II - 02/2022 (640) Ra hàng tháng. Năm thứ 62

Tổng biên tập: NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG - Phó Tổng biên tập: BUI BÍCH THỦY - NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LAN

Tòa soạn: 54 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội ĐT: (84-24) 37344920 - 37344970 - 37344971

Fax: 84-24-37344969 Email: consosukien@gso.gov.vn

Giấy phép xuất bản số 340/GP-BTTTT ngày 09/6/2021. Số lượng in: 1.200 bản

In tại Công ty TNHH In Tân Thăng Long

Ấn phẩm được phát hành qua ngành Bưu điện. Độc giả đặt mua tại các Bưu điện trong cả nước.

TRONG SỐ NÀY

HOẠT ĐỘNG TRONG NGÀNH

1. Tổng cục Thống kê tiếp xúc giao Đoàn chuyên gia cơ quan Thống kê Đan Mạch
2. Hội thảo về lợi ích của việc chia sẻ dữ liệu hành chính giữa các cơ quan để sản xuất dữ liệu thống kê giáo dục

KINH TẾ - XÃ HỘI

4. Lạm phát cơ bản tháng 01/2023 của Việt Nam tăng cao nhất trong 10 năm

Nguyễn Thu Oanh

6. Tiếp tục đổi mới chính sách phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong bối cảnh mới

ThS. Nguyễn Thị Thanh Hoa

9. Thị trường M&A Việt Nam - Từ "chiến lược" đến "cơ hội"

ThS. Lê Thị Thu Trang - ThS. Đỗ Thu Hương

11. Thúc đẩy doanh nghiệp Việt tham gia thị trường phân phối nước ngoài

ThS. Phùng Thị Kim Phượng - ThS. Nguyễn Thị Vân Anh

14. Thị trường bất động sản kỳ vọng đảo chiều trong năm 2023

TS. Đỗ Ngọc Trâm

17. Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới

ThS. Nguyễn Thị Hòa

21. Trách nhiệm của cộng đồng vì một môi trường xanh

Minh Hà

24. Quy mô và cơ cấu dân số Việt Nam qua kết quả điều tra biến động dân số năm 2021

27. Khơi dậy và phát huy hệ giá trị nhân văn trong xã hội của thời kỳ mới

ThS. Trần Tố Uyên

29. Du lịch Bình Thuận - Tiềm năng và kỳ vọng cất cánh

Thu Hòa

30. An Giang: Kim ngạch xuất khẩu cá tra tăng trưởng bứt phá

ThS. Trương Văn Tấn - ThS. Huỳnh Thị Minh Trang

35. Tin địa phương

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

37. Sử dụng dữ liệu hành chính phục vụ công tác thống kê trong lĩnh vực dân số - Cơ hội, thách thức và giải pháp

Nguyễn Thị Thanh Mai

SÁCH HAY THỐNG KÊ

40. "Đo lường mục tiêu phát triển bền vững chỉ tiêu 10.7.1 về chi phí tuyển dụng của lao động Việt Nam làm việc ở nước ngoài"

QUỐC TẾ

41. Ngành du lịch Thái Lan phục hồi mạnh mẽ

Tiến Long

BẮC KẠN - HỘI NHẬP VÀ PHÁT TRIỂN

44. Bắc Kạn tập trung các nguồn lực đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội

Trịnh Long

45. Những chuyển biến tích cực của ngành Y tế Bắc Kạn

Thành Nam

47. Huyện Chợ Mới - Những điểm sáng trong phát triển kinh tế - xã hội

49. Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Kạn: Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, triển khai những kỹ thuật chuyên môn mới

Đình Long

50. Trung tâm Y tế huyện Bạch Thông: Nỗ lực vì sự an toàn và sức khỏe của nhân dân

Long Trịnh

51. Trung tâm Y tế huyện Chợ Đồn: Nâng cao hiệu quả và chất lượng hoạt động

Giá: 27.000 đ

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN NGÂN SƠN: THỰC HIỆN TỐT CÔNG TÁC KHÁM CHỮA BỆNH VÀ Y TẾ DỰ PHÒNG

Ngân Sơn là huyện miền núi phía Bắc tỉnh Bắc Kạn, với dân số gần 32 nghìn người, gồm 7 dân tộc: Kinh, Tày, Nùng, Dao, Mông, Hoa, Sán Chay, trong đó hơn 80% là người dân tộc thiểu số. Địa hình của Huyện đa phần là đồi núi phức tạp, đường xá đi lại khó khăn, trình độ dân trí không đồng đều, đời sống người dân còn ở mức thấp nên khi triển khai một số chương trình y tế gặp nhiều khó khăn.

Tuy nhiên, được sự quan tâm chỉ đạo sát sao về chuyên môn của Sở Y tế và các đơn vị chuyên môn tuyến tỉnh, cùng sự quan tâm đầu tư về đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn, Trung tâm Y tế huyện Ngân Sơn đã từng bước phát triển đi lên, đáp ứng kịp thời nhu cầu chăm sóc sức khỏe người dân trên địa bàn huyện và các địa phương lân cận.

Hiện nay, Trung tâm có 03 phòng chức năng và 11 khoa lâm sàng và cận lâm sàng, 10 Trạm Y tế xã, thị trấn, với 108 người lao động.

Trong hoạt động khám, chữa bệnh (KCB) năm 2022, hầu hết các chỉ tiêu về chuyên môn đều được Trung tâm thực hiện đạt và vượt so với kế hoạch đề ra. Trong đó, nhiều chỉ tiêu được hoàn thành ở mức cao, như: Áp dụng kỹ thuật mới về lâm sàng đạt 200% kế hoạch; Đào tạo từ chuyên khoa I trở lên đạt 300% kế hoạch; Nghiên cứu khoa học cấp cơ sở trở lên đạt 150% kế hoạch; Chẩn đoán hình ảnh (Chụp XQ, SA) đạt 143,5% kế hoạch.

Đến năm 2022, đã có 10/10 xã của huyện Ngân Sơn đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế; có 100% thôn, bản của Huyện có nhân viên y tế hoạt động; có 86,9% người dân được được quản lý bằng hồ sơ sức khỏe điện tử. Tại các trạm Y tế xã, công tác KCB được triển khai và thực hiện có hiệu quả, nhất là KCB Bảo hiểm Y tế, số lần khám bệnh năm 2022 đảm bảo đạt 0,8 lần/người/năm. Đáng chú ý, ngoài khám bệnh thông thường, các trạm Y tế xã đã thực hiện được một số thủ thuật theo phân tuyến và không để xảy ra tai sót trong chuyên môn.

Cùng với công tác KCB, công tác y tế dự phòng được Trung tâm Y tế huyện Ngân Sơn đặc biệt quan tâm. Hàng năm, Trung tâm luôn chủ động xây dựng kế hoạch hoạt động,



*Các y, bác sĩ của Trung tâm y tế huyện Ngân Sơn ra quân
trong Chiến dịch thanh niên tình nguyện hè 2022*

Khắc phục những khó khăn của một huyện miền núi, Trung tâm Y tế huyện Ngân Sơn (tỉnh Bắc Kạn) thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân, góp phần phát triển kinh tế xã hội, ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội và an ninh quốc phòng trên địa bàn huyện.

chủ động duy trì thường xuyên các hoạt động phòng chống dịch. Song song với đó, Trung tâm tăng cường công tác giám sát dịch bệnh tại cộng đồng, thực hiện nghiêm chỉnh chế độ báo cáo theo quy định; đồng thời triển khai đầy đủ các công văn chỉ đạo của cấp trên cho tuyến huyện và xã phối hợp thực hiện, như: Phòng chống dịch bệnh theo mùa, phòng chống bệnh cúm A, phòng chống bệnh tay chân miệng, phòng chống bệnh quai bị, bệnh sốt xuất huyết. Khoa Truyền nhiễm và Kiểm soát bệnh tật của Trung tâm thường xuyên phối hợp với các trạm Y tế xã/thị trấn, các khoa lâm sàng thực hiện tốt công tác sàng lọc, phân luồng, giám sát dịch bệnh.

Các chương trình mục tiêu Y tế - Dân số thực hiện theo đúng kế hoạch; Công tác tiêm chủng mở rộng, theo dõi điều trị các bệnh cộng đồng như tâm thần, lao, sốt rét... đều đảm bảo chất lượng và kế hoạch đã đề ra. Công tác tuyên truyền phòng chống ngộ độc thực phẩm và các bệnh lây truyền qua thực phẩm thực hiện tốt và thường xuyên, không có vụ ngộ độc thực phẩm xảy ra trên địa bàn.

Tiếp tục phát huy những kết quả đạt được, từng bước nâng cao hiệu quả chăm sóc và bảo vệ sức khỏe người dân, Trung tâm Y tế huyện Ngân Sơn đang tập trung thực hiện một số giải pháp chính như:

Trong hoạt động KCB, Trung tâm tiếp tục củng cố toàn diện về công tác tổ chức nhân lực, trình độ chuyên môn, bổ sung trang thiết bị cần thiết cho nhu cầu khám chữa bệnh cho nhân dân trên địa bàn; Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hoạt động Y tế cơ sở, duy trì các xã đạt Bộ tiêu chí tiêu chí Quốc gia về Y tế xã, đảm bảo đủ nhân lực có trình độ chuyên môn phù hợp với yêu cầu thực tế của đơn vị; Tập trung triển khai một số kỹ thuật mới, mũi nhọn; Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, các kỹ thuật mới trong hoạt động KCB tại đơn vị...

Trong hoạt động Y tế dự phòng, Trung tâm tập trung chỉ đạo trạm Y tế xã, thị trấn tăng cường công tác giám sát phòng chống dịch bệnh; Triển khai tốt chương trình tiêm chủng mở rộng; Thực hiện tốt công tác tiêm phòng vắc xin Covid-19 theo đúng tiến độ chỉ đạo của cấp trên; Tiếp tục duy trì phòng tiêm vắc xin dịch vụ cho mọi đối tượng theo nhu cầu của người dân; Phối kết hợp với các ban ngành đoàn thể, các đơn vị trực thuộc thực hiện tốt công tác truyền thông về Dân số-KHHGĐ; Tiếp tục triển khai có hiệu quả các đề án, mô hình nâng cao chất lượng Dân số; Đẩy mạnh các hoạt động nâng cao chất lượng dịch vụ CSSKSS/KHHGĐ./

Minh Châu